

# LUYỆN TẬP TOÁN

## TUẦN 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

### Tiết 01: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 10 000 – Trang 4

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Đọc, viết, xếp được thứ tự các số đến 10 000 (ôn tập).
  - + Tách được cấu tạo và phân tích số của số có năm chữ số, viết số thành tổng các chục nghìn nghìn, trăm, chục và đơn vị (ôn tập).
  - + Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

##### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc, viết, xếp được thứ tự các số đến 10 000 (ôn tập).</li> <li>+ Tách được cấu tạo và phân tích số của số có năm chữ số, viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị (ôn tập).</li> <li>+ Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                          |

| <p>bài.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.</li><li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li><li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li><li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li><li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li></ul>                                                                                                                                                                                    |          |      |      |      |        |                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>-Hs làm bài</li><li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li></ul>                                                                                                                                     |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|------|------|--------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|--|--|--|--------------------|--------|------|------|------|--------|-------|---|---|---|---|---|------------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|---|---|---|---|---|--|--|--|---|---|---|---|--|--|--|--|--|--|--|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--------|------|--|--|--|--|--------------------|----------|------|------|------|--------|-------|---|---|---|---|---|------------------|-------|--|--|--|--|--|------------------|---------------------|---|---|---|---|---|--|------|--|---|---|---|---|-----------|-------|---|---|---|---|---|--------------|
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li><li><b>* Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)/VLT tr.4</b></li><li>- Cho HS quan sát</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |      |      |      |        |                     | <p>- Học sinh trả lời:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| <table><tr><th rowspan="2">Số gồm</th><th colspan="5">hàng</th><th rowspan="2">Viết số thành tổng</th></tr><tr><th>C/ ngh</th><th>ng h</th><th>trăm</th><th>Chục</th><th>Đơn vị</th></tr><tr><td>91807</td><td>9</td><td>1</td><td>8</td><td>0</td><td>7</td><td>90000+1000+800+7</td></tr><tr><td>10654</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td>6</td><td>8</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td>4</td><td>0</td><td>3</td><td>5</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>70000+2000+600+80+1</td></tr></table> |          |      |      |      |        |                     | Số gồm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | hàng |  |  |  |  | Viết số thành tổng | C/ ngh | ng h | trăm | Chục | Đơn vị | 91807 | 9 | 1 | 8 | 0 | 7 | 90000+1000+800+7 | 10654 |  |  |  |  |  |  |  | 6 | 8 | 2 | 0 | 1 |  |  |  | 4 | 0 | 3 | 5 |  |  |  |  |  |  |  | 70000+2000+600+80+1 | <table><tr><th rowspan="2">Số gồm</th><th colspan="5">hàng</th><th rowspan="2">Viết số thành tổng</th></tr><tr><th>C/ ngh h</th><th>ng h</th><th>trăm</th><th>Chục</th><th>Đơn vị</th></tr><tr><td>91807</td><td>9</td><td>1</td><td>8</td><td>0</td><td>7</td><td>90000+1000+800+7</td></tr><tr><td>10654</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>60000+8000+200+1</td></tr><tr><td>70000+2000+600+80+1</td><td>6</td><td>8</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td></td></tr><tr><td>4035</td><td></td><td>4</td><td>0</td><td>3</td><td>5</td><td>4000+30+5</td></tr><tr><td>72008</td><td>7</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>8</td><td>70000+2000+8</td></tr></table> |  |  |  |  |  |  | Số gồm | hàng |  |  |  |  | Viết số thành tổng | C/ ngh h | ng h | trăm | Chục | Đơn vị | 91807 | 9 | 1 | 8 | 0 | 7 | 90000+1000+800+7 | 10654 |  |  |  |  |  | 60000+8000+200+1 | 70000+2000+600+80+1 | 6 | 8 | 2 | 0 | 1 |  | 4035 |  | 4 | 0 | 3 | 5 | 4000+30+5 | 72008 | 7 | 2 | 0 | 0 | 8 | 70000+2000+8 |
| Số gồm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | hàng     |      |      |      |        | Viết số thành tổng  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | C/ ngh   | ng h | trăm | Chục | Đơn vị |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 91807                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9        | 1    | 8    | 0    | 7      | 90000+1000+800+7    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 10654                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |      |      |      |        |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6        | 8    | 2    | 0    | 1      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |          | 4    | 0    | 3    | 5      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |          |      |      |      |        | 70000+2000+600+80+1 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| Số gồm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | hàng     |      |      |      |        | Viết số thành tổng  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | C/ ngh h | ng h | trăm | Chục | Đơn vị |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 91807                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9        | 1    | 8    | 0    | 7      | 90000+1000+800+7    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 10654                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |      |      |      |        | 60000+8000+200+1    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 70000+2000+600+80+1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6        | 8    | 2    | 0    | 1      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 4035                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          | 4    | 0    | 3    | 5      | 4000+30+5           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| 72008                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7        | 2    | 0    | 0    | 8      | 70000+2000+8        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li><li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li><li>→ <i>Gv chốt cách tách cấu số có 5 chữ số theo hàng.</i></li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |      |      |      |        |                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS nối tiếp trả lời</li><li>- Học sinh nhận xét</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                      |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |
| <p><b>* Bài 2: &gt;;&lt;;+ ? (theo mẫu) (VLT/4)</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li><li>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</li><li>a) 12 305.... 9 999<br/>86 345 ....86 350<br/>1 701 ....17 001</li><li>b) 85 630.... 80 000 + 5 000 + 600 + 3 99 999 .....Số liền trước của 100 000</li></ul>                                                                                                                                         |          |      |      |      |        |                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li><li>- HS thực hiện làm bài</li><li>a. ) 12 305 &gt; 9 999<br/>86 345 &lt; 86 350<br/>1 701 &lt; 17 001</li><li>b) 85 630&gt;80 000 + 5 000 + 600 + 3 99 999=Số liền trước của 100 000<br/>1 000 + 300 + 4 &lt;10 000 + 300 + 4</li><li>- HS nhận xét</li></ul> |      |  |  |  |  |                    |        |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |        |      |  |  |  |  |                    |          |      |      |      |        |       |   |   |   |   |   |                  |       |  |  |  |  |  |                  |                     |   |   |   |   |   |  |      |  |   |   |   |   |           |       |   |   |   |   |   |              |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1 000 + 300 + 4 ....10 000 + 300 + 4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> <li>➔ <i>Gv chốt cách nhận biết số liền trước, liền sau, so sánh số có ba chữ số.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                 |
| <p><b>* Bài 3: VLT/4 :Đ,S ?</b><br/> Đúng ghi Đ, sai ghi s.<br/> a) Số lớn nhất có năm chữ số mà chữ số hàng nghìn là 1 là số 99 991. <input type="checkbox"/><br/> b) Số bé nhất khi làm tròn đến hàng trăm được 6 300 là số 6 301. <input type="checkbox"/><br/> c) Số tròn nghìn vừa lớn hơn 9 000 vừa bé hơn 10 087 là số 10 000. <input type="checkbox"/><br/> d) Số liền trước của số bé nhất có năm chữ số giống nhau là số 11111. <input type="checkbox"/><br/> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> <li>➔ <i>Gv chốt tìm số lớn nhất, bé nhất, số liền tiếp, liền trước, c liền sau của 1 số</i></li> </ul> </p> | <p>- 2 HS lên bảng làm bài<br/> a.: S<br/> b.: Đ<br/> c.: Đ<br/> d.: S<br/> -HS đọc lại nội dung lời giải</p>                                                                   |
| <p><b>* Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm VLT/4</b><br/> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nêu</li> </ul> <p>Mỗi bạn Mai, Nam, Việt, Rô-bốt lập một trong bốn số 61 308; 70 001; 64 109; 61 290. Biết rằng Mai lập số bé nhất. Khi làm tròn số đến hàng trăm, hai bạn Mai và Nam đều được kết quả là 61 300. Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn hai bạn Nam và Rô-bốt đều được kết quả là 60 000.<br/> Vậy:<br/> a) Mai đã lập số ..      b) Nam đã lập số..<br/> c) Việt đã lập số ...    d) Rô-bốt đã lập số..<br/> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> <li>➔ <i>Gv chốt cách làm tròn số</i></li> </ul> </p> </p>                             | <p>Hs đọc đề nêu cách làm<br/> -Hs nêu kết quả:<br/> a) Mai đã lập số      61290<br/> b) Nam đã lập số 61308<br/> c) Việt đã lập số    70001<br/> d) Rô-bốt đã lập số 64109</p> |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b><br/> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy cho biết bạn nào viết đúng: 4 số có năm chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn liên tiếp tròn chục có số hàng chục nghìn là 2 là:</li> </ul> <p>+ Bạn Lan viết:<br/> 20320, 21240, 23450, 22460</p> </p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>- HS nghe<br/> <br/> - HS thực hiện<br/> <br/> - HS trả lời, nhận xét</p>                                                                                                    |

|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| + Bạn Viết viết:<br>22310,22320,22330,22340<br>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 1 | + <i>Bạn Viết viết: Đúng</i><br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                             |                                           |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**  
**Tiết 02:– Trang 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Cộng trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm đến 10 000 (ôn tập).
  - + Thực hiện giải toán có lời văn dạng hơn kém một số đơn vị (ôn tập).
  - + Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+ Cộng trừ nhẩm các số tròn chục | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>nghìn , tròn trăm... đến 10 000 (ôn tập).</p> <p>+ Thực hiện giải toán có lời văn dạng hơn kém một số đơn vị (ôn tập).</p> <p>+Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <p>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 5 Vở luyện tập Toán.</p> <p>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 5 Vở luyện tập Toán.</p> <p>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</p> <p>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>-Hs làm bài</p> <p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p><b>* Bài 1: Tính nhẩm VLT tr.5</b></p> <p>- Cho HS nối tiếp nêu miệng, ghi vở:</p> <p><math>2\ 000 + 9\ 000 = \dots\dots\dots</math></p> <p><math>13\ 000 + 7\ 000 + 76\ 000 = \dots\dots\dots</math></p> <p><math>16\ 000 - 7\ 000 = \dots\dots\dots</math></p> <p><math>90\ 000 - 50\ 000 + 2\ 000 = \dots\dots\dots</math></p> <p><math>27\ 000 + 53\ 000 = \dots\dots\dots</math></p> <p><math>100\ 000 - 30\ 000 - 70\ 000 = \dots\dots\dots</math></p> <p>b) Đặt tính rồi tính.</p> <p><math>8\ 254 + 3\ 639</math></p> <p><math>73\ 417 - 32\ 809</math></p> <p><math>17\ 109 \times 5</math></p> <p><math>63\ 072 : 9</math></p> <p>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</p> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p><b>→ Gv chốt cách cộng trừ nhân chia</b></p> | <p>Học sinh trả lời cách nhẩm, ghi vở</p> <p>- HS nối tiếp trả lời kết quả</p> <p><math>2\ 000 + 9\ 000 = 11\ 000</math></p> <p><math>13\ 000 + 7\ 000 + 76\ 000 = 96\ 000</math></p> <p><math>16\ 000 - 7\ 000 = 9\ 000</math></p> <p><math>90\ 000 - 50\ 000 + 2\ 000 = 42\ 000</math></p> <p><math>27\ 000 + 53\ 000 = 80\ 000</math></p> <p><math>100\ 000 - 30\ 000 - 70\ 000 = 0</math></p> <p>b) Đặt tính rồi tính.</p> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="margin-right: 20px;"> <math display="block">\begin{array}{r} 8254 \\ + 3639 \\ \hline 11893 \end{array}</math> </div> <div> <math display="block">\begin{array}{r} 73417 \\ - 32809 \\ \hline 40608 \end{array}</math> </div> </div> <div style="display: flex; align-items: center; margin-top: 10px;"> <div style="margin-right: 20px;"> <math display="block">\begin{array}{r} 17109 \\ \times 5 \\ \hline 85545 \end{array}</math> </div> </div> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\begin{array}{r} 63072 \quad   \quad 9 \\ 63 \quad   \quad 7008 \\ 07 \\ 72 \\ 0 \end{array}$ <p>- Học sinh đổi vở soát phần a, phần b làm bảng con ,nhận xét</p>                                                                                                                                                                                                                  |
| <p><b>* Bài 2:</b> Tính giá trị của biểu thức.<br/>(VLT/4)</p> <p>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”<br/>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</p> <p>a) <math>71\,999 + (21\,452 - 3\,452)</math><br/>b) <math>(15\,000 - 6\,000) \times 5 : 3</math></p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/><b>→ Gv chốt cách tính giá trị biểu thức</b></p>                                                                                                                                          | <p>- HS lắng nghe cách thực hiện<br/>- HS thực hiện làm bài</p> <p>a) <math>71\,999 + (21\,452 - 3\,452)</math><br/><math>71\,999 + 18\,000 = 89\,999</math><br/>b) <math>(15\,000 - 6\,000) \times 5 : 3</math><br/><math>9\,000 \times 5 : 3 = 45\,000 : 3 = 15\,000</math></p> <p>- HS nhận xét<br/>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                 |
| <p><b>* Bài 3: VLT/5 :</b><br/>Cuối năm học vừa qua, trường học của Đảng phát động phong trào quyên góp "Dành tặng sách giáo khoa cho học sinh lớp sau". Tổng kết phong trào, khối lớp Bốn của Đảng đã quyên góp được 1 500 cuốn sách giáo khoa. Tổng số cuốn sách giáo khoa quyên góp được của các khối lớp còn lại gấp 3 lần khối lớp Bốn. Hỏi cả trường đã quyên góp được bao nhiêu cuốn sách giáo khoa để dành tặng cho học sinh lớp sau?</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài<br/>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/><b>→ Gv chốt giải và trình bày toán có lời văn dạng giải bài toán nhiều phép tính , vận dụng tính nhân và cộng</b></p> | <p>- 2 HS lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm<br/>Lớp làm vở, đổi vở soát , nhận xét nêu cách làm</p> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Các khối còn lại quyên góp được số sách là:<br/><math>1500 \times 3 = 4500</math> (quyển)<br/>Tổng số sách quyên góp được là:<br/><math>1500 + 4500 = 6000</math> (quyển)<br/>Đáp số 6000 quyển</p> <p>-HS liên hệ</p> |
| <p><b>* Bài 4</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm?<br/><b>VLT/5</b><br/>- GV gọi 1 hs nêu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>Hs đọc đề nêu cách làm<br/>-Hs nêu kết quả:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Bạn Nguyên lập một số tròn chục có năm chữ số khác nhau. Biết rằng chữ số hàng chục nghìn gấp 2 lần chữ số hàng nghìn, chữ số hàng nghìn gấp 2 lần chữ số hàng trăm và chữ số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng chục. Vậy số mà bạn Nguyên đã lập là .....</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>➔ <i>Gv chốt cách giải toán dạng tính ngược từ cuối vận dụng tìm thành phần chưa biết của phép tính</i></p> | <p>Vậy số mà bạn Nguyên đã lập là .....<br/>84210</p>                                                                    |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Hãy cho biết bạn nào viết đúng: số liền trước của 369 là</p> <p>+ Bạn Lan viết:<br/>368</p> <p>+ Bạn Việt viết:<br/>268</p> <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 1</p>    | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>+ <i>Bạn Lan viết: Đúng</i></p> <p>- HS nghe</p> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                          |

**TOÁN**  
**TUẦN 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**  
**Tiết 03:– Trang 6**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Cộng trừ nhân chia với số có 5 chữ số (ôn tập).
  - + Củng cố số liền trước, liền sau, làm tròn số. (ôn tập).
  - + Giải toán có nhiều phép tính liên quan đến giảm đi 1 số lần , có liên quan đến số có 5 chữ số(ôn tập).

+Củng cố số nhỏ nhất, lớn nhất tới 5 chữ số, số dư lớn nhất trong phép chia (bổ sung)

## 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

## 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hoạt động của học sinh                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+Thực hiện cộng trừ nhân chia với số có 5 chữ số (ôn tập).<br>+ Tách được cấu tạo và phân tích số của số có ba chữ số, viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị. (ôn tập).<br>+Giải toán với nhiều phép tính có giảm đi 1 số lần có liên quan đến số có 5 chữ số(ôn tập).<br>+Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung) | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                        |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 6 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 6 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.                                                                  | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>-Hs làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |

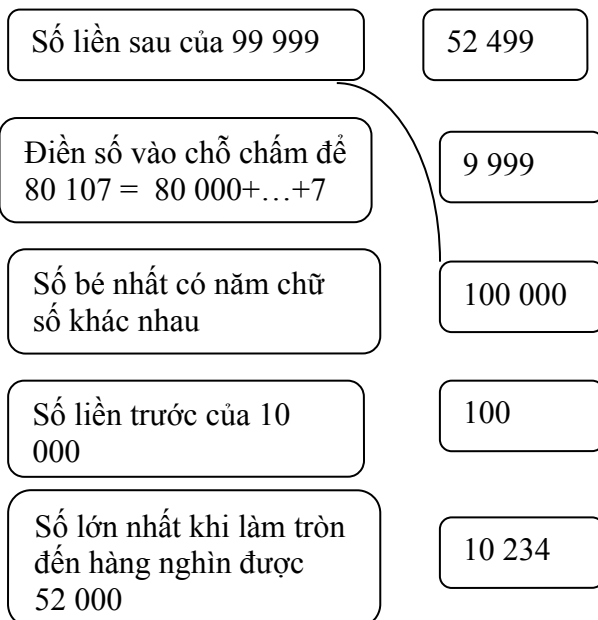
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

## Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

\* **Bài 1: Nối (theo mẫu)./VLT tr.6**

- Cho HS quan sát



- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  
- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.

→ *Gv chốt số liền trước, liền sau, làm tròn số.*

## \* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. (VLT/6)

- Tổng của 13 560 và 46 270 là .
- Hiệu của 86 947 và 37 129 là .
- Tích của số bé nhất có năm chữ số với số lớn nhất có một chữ số là
- Trong các phép chia cho 5, số dư lớn nhất có thể là .....

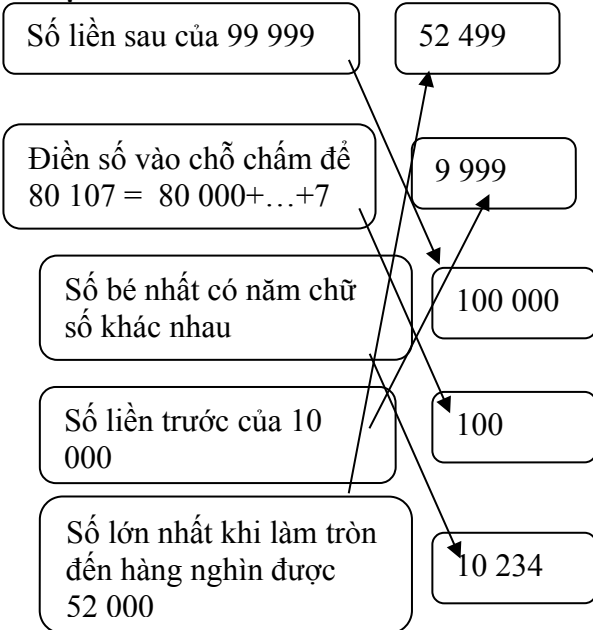
- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”  
+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Con bướm vàng”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét  
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ *Gv chốt cách nhận biết và lập phép*

-HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu

- Học sinh trả lời:



- HS nối tiếp trả lời  
- Học sinh nhận xét chữa bài

- HS lắng nghe cách thực hiện  
- HS thực hiện làm bài

a) Tổng của 13 560 và 46 270 là : 59 830

b) Hiệu của 86 947 và 37 129 là : 49 818

c) Tích của số bé nhất có năm chữ số với số lớn nhất có một chữ số là:  $10\ 000 \times 9 = 90\ 000$

d) Trong các phép chia cho 5, số dư lớn nhất có thể là 4

- HS nhận xét

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><i>tính tổng, hiệu tích thương và số dư lớn nhất nhỏ hơn số chia 1 đơn vị.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <p><b>* Bài 3: VLT/6 :</b><br/>         Một vườn ươm vừa xuất bán được 4 150 cây keo giống. Số cây giống bạch đàn xuất bán được bằng số cây keo giống giảm đi 2 lần. Hỏi vườn ươm đã xuất bán được tất cả bao nhiêu cây giống gồm keo và bạch đàn?<br/>         - GV cho học sinh nêu toán tắt đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở<br/>         - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/> <i>→ Gv chốt cách giải và trình bài toán có lời văn dạng giải bài toán bằng hai phép tính liên quan đến hơn kém 1 số lần, tìm tổng hai số</i></p> | <p>- 2 HS lên bảng làm bài<br/>         Đáp án<br/>         Số cây bạch đàn xuất bán được là:<br/> <math>4150 : 2 = 2075</math> (cây)<br/>         Vườn ươm xuất bán được tổng số cây là: <math>4150 + 2075 = 6225</math> (cây)<br/>         Đáp số: 6225 cây<br/>         -HS đọc lại nội dung lời giải</p>                                                                                                                                                                           |
| <p><b>* Bài 4:</b> Bạn Nguyên lập một biểu thức theo cách diễn đạt như sau: Lấy số lớn nhất có năm chữ số trừ đi số lớn nhất có bốn chữ số, được bao nhiêu chia cho số lớn nhất có một chữ số, cuối cùng cộng với số bé nhất có năm chữ số.<br/>         Em hãy viết biểu thức mà bạn Nguyên lập rồi tính giá trị của biểu thức đó.<br/>         - GV gọi 1 hs nêu cách lập phép tính và tìm kết quả<br/>         - GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> <i>→ Gv chốt cách lập biểu thức tính giá trị biểu thức.</i></p>                                       | <p>Hs đọc đề nêu cách làm<br/>         -Hs nêu cách lập phép tính:<br/>         - Chỉ ra số lớn nhất có 5 chữ số, 4 chữ số, 1 chữ số, số bé nhất có 5 chữ số:<br/>         Viết biểu thức và tính:<br/>         - Số lớn nhất có 5 chữ số là: 99 999, Số lớn nhất có 4 chữ số là: 9999, Số lớn nhất có 1 chữ số là 9, số bé nhất có 5 chữ số: 10000<br/>         Ta có biểu thức:<br/> <math>(99999 - 9999) : 9 + 10000 = 90\ 000 : 9 + 10000 = 10\ 000 + 10\ 000 = 20\ 000</math></p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b><br/>         - Tìm tổng các hàng của mỗi số sau<br/>         2234, 4547, 3652, 53945<br/>         - GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng<br/>         - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br/>         - GV nhận xét giờ học.<br/>         - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 2 tiết 1</p>                                                                                                                                                                             | <p>- HS nghe<br/>         - HS thực hiện<br/> <math>2234 = 2000 + 200 + 30 + 4</math><br/> <math>4547 = 4000 + 500 + 40 + 7</math><br/> <math>3652 = 3000 + 600 + 50 + 2</math><br/> <math>53\ 945 = 50\ 000 + 3000 + 900 + 40 + 5</math><br/>         - HS trả lời, nhận xét<br/>         - HS nghe</p>                                                                                                                                                                               |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br/>         .....<br/>         .....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 2: SỐ CHẴN, SỐ LẺ. BIỂU THỨC CHỨA CHỮ**

## **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

### **1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.
  - + Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.

### **2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### **3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán 4 ; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| <b>Hoạt động của giáo viên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Hoạt động của học sinh</b>                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV tổ chức cho Hs hát</li><li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li><li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện</li><li>- HS lắng nghe</li></ul>                                                                                                              |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 8 Vở luyện tập Toán.</li><li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 8 Vở luyện tập Toán.</li><li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li><li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li><li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>-Hs làm bài</li><li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li></ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li></ul> <b>* Bài 1:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                    |

a/ Tô màu đỏ vào hình ghi số chẵn, tô màu xanh vào hình ghi số lẻ.



-Gv yêu cầu hs đọc các số tương ứng các hình.

-Yêu cầu hs chữa bài.

b/ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Trong câu a:

-Hình ghi số lẻ lớn nhất là....

-Số chẵn liền sau của số ghi ở hình vuông là...

-Tổng của các số lẻ bằng...

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

→ Gv chốt cách nhận biết số chẵn và số lẻ.

**\* Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng) (VLT/8)**

a/ Những số nào dưới đây là ba số chẵn liên tiếp:

A/ 95, 96, 97

B/ 62, 64, 68

C/ 60, 62, 65

D/98, 100, 102

b Những số nào dưới đây là ba số lẻ liên tiếp:

A/ 19, 20, 21

B/ 103, 102, 101

C/ 501, 499, 497

D/ 68, 70, 72

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “hỏi đáp?”

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt cách nhận biết các số chẵn và lẻ liên tiếp.

- HS nêu

-Hs trả lời:

a/ Số chẵn là: 1 350 ( tô màu đỏ)

Số lẻ là: 15, 1 207, 99 ( tô màu xanh)

-Hs trả lời:

-Hình ghi số lẻ lớn nhất là: 1 207

-Số chẵn liền sau của số ghi ở hình vuông là: 1 352, 1 354

-Tổng của các số lẻ bằng: 1 321

- Học sinh trả lời hoàn thiện vào vở:

- HS nối tiếp trả lời

- HS lắng nghe cách thực hiện

- HS thực hiện làm bài

a. Khoanh vào D

b/ Khoanh vào C

- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát

**\* Bài 3: VLT/8:?**

Đúng ghi Đ, sai ghi S:

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>a/ Có tất cả 9 số lẻ có hai chữ số mà hai chữ số đó giống nhau.<br/> b/Số chẵn lớn nhất có năm chữ số giống nhau là 99 998<br/> c/Số dư nhận được khi thực hiện phép chia một số chẵn cho 2 là 0.<br/> d/Hiệu của hai số lẻ là một số lẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh đọc đề</li> <li>- Gv yêu cầu hs đọc kĩ các phần và làm bài vào vở.</li> <li>- Gv mời 4 hs nối tiếp nhau chữa bài</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p><b>→ Gv chốt thế nào là số chẵn, lẻ có các chữ số giống nhau. Phép chia 1 số chẵn cho 2 và hiệu của hai số lẻ.</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc lại nội dung</li> <li>- Hs làm bài vào vở.</li> <li>- Hs chữa bài.</li> </ul> <p>a. S<br/> b. S<br/> c. Đ<br/> d. S</p>                                                                                               |
| <p><b>* Bài 4: Từ năm số thẻ 1, 2, 3, 4, 5 bạn Đăng muốn chọn ra ba thẻ số để lập được nhiều nhất các số lẻ có hai chữ số. Hỏi Đăng cần chọn ba thẻ số nào? Khi đó, lập được bao nhiêu số lẻ có hai chữ số, đó là các số nào?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nêu bài toán</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> </ul> <p><b>→ Gv chốt cách tìm các số lẻ được lập từ thẻ số.</b></p>                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hs nêu</li> <li>Hs đọc đề nêu cách làm</li> <li>-Hs nêu kết quả:</li> <li>+ Đăng sẽ chọn ra được 3 thẻ số đó là số: 1, 3, 5</li> <li>+ Đăng lập được 6 số lẻ có hai chữ số, đó là các số: 13, 15, 31, 35, 51, 53.</li> </ul> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tham gia chơi trò chơi “ XÌ ĐIỆN” nối tiếp đọc 1 dãy số chẵn hoặc lẻ liên tiếp.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 2</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>-Hs tham gia trò chơi.</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                                                               |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....

.....

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 2 : SỐ CHẴN, SỐ LẺ. BIỂU THỨC CHỨA CHỮ**  
**Tiết 02 - Trang 9**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện tính được giá trị của biểu thức có chứa chữ,
- + Biết cách tính giá trị của biểu thức theo các giá trị cụ thể của chữ. Áp dụng vào thực hiện giải các bài toán có lời văn.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán 4 , bài giảng điện tử, bảng phụ, máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh:** Sách vở, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

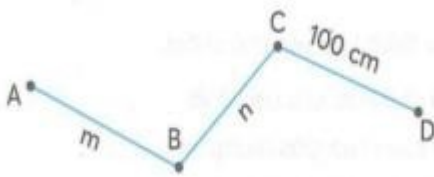
| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                             | Hoạt động của học sinh           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>1. Củng cố kiến thức.</b><br>- GV củng cố lại nội dung kiến thức cho Hs thông qua trò chơi “ Ô cửa bí mật”<br>- GV nhận xét trò chơi, tuyên dương học sinh. Chốt nội dung kiến thức phần củng cố.<br>- Gv dẫn dắt vào bài.       | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe |
| <b>2. HD Hướng dẫn HS làm bài tập.</b><br>- Giáo viên giao bài tập cho 2 nhóm<br>+ Nhóm 1 : làm các bài tập 1, 2, 3<br>+ Nhóm 2 : làm các bài tập 3, 4<br>( Các nhóm sau khi làm xong các bài tập theo yêu cầu thì quay lại làm các | - Hs lắng nghe                   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |                 |                   |     |    |           |          |                |                 |                   |                  |       |    |       |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-------------------|-----|----|-----------|----------|----------------|-----------------|-------------------|------------------|-------|----|-------|----|
| <p>bài tập còn lại).</p> <p>- GV yêu cầu Hs đọc thầm các bài tập rồi nêu thắc mắc về các bài tập.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>- Hs đọc thầm các bài tập, nêu thắc mắc về 4 bài tập ( nếu có).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                 |                   |     |    |           |          |                |                 |                   |                  |       |    |       |    |
| <p>- Gv phát 2 bảng phụ , yêu cầu 1 Hs làm vào bảng phụ bài tập 1, 1 HS làm bảng phụ bài tập 4.</p> <p>- Yêu cầu Hs làm bài thời gian ( 12 phút đến 15 phút).</p> <p>- Giúp đỡ Hs trong quá trình làm bài</p> <p><b>3. Tổ chức chữa bài.</b></p> <p><b>Bài 1: Số</b></p> <p>- Gv gọi Hs đọc yêu cầu đề bài.</p> <p>- Mời Hs treo bảng phụ bài làm, nêu cách làm bài</p> <p>- Gọi Hs nhận xét bài làm của bạn</p> <p>- Mời 1 vài Hs nêu lại cách thực hiện tính giá trị của biểu thức chứa chữ</p> <p>- Gv nhận xét, chữa bài</p> <p><b>→ Củng cố cách tính giá trị biểu thức có chứa chữ</b></p> <p><b>Bài 2. Tính giá trị của mỗi biểu thức sau với m = 200 và n = 20.</b></p> <p>- Gv gọi Hs đọc yêu cầu đề bài.</p> <p>- Mời 4Hs lên bảng làm bài</p> <p>- Gọi Hs nhận xét bài làm của bạn</p> <p>+ Để tính được giá trị của biểu thức chứa chữ ta làm như thế nào?</p> | <p>- Hs thực hiện làm bài theo yêu cầu</p> <p>- Hs làm bài</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Hs đọc đề bài</p> <p>- Hs thực hiện theo yêu cầu</p> <p>Hs nêu bài làm:</p> <table><tr><td>a</td><td>1 070</td><td>2</td><td>998</td><td>85</td></tr><tr><td>Biểu thức</td><td><math>ax - 4</math></td><td><math>45 + 5x</math><br/>a</td><td><math>(a + 2)x</math><br/>3</td><td><math>(15 + a)</math><br/>: 2</td></tr><tr><td>GT của biểu thức</td><td>4 280</td><td>55</td><td>3 000</td><td>50</td></tr></table> <p>- Nhận xét bài bạn</p> <p>- Hs nêu</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Hs đọc yêu cầu</p> <p>- 4 Hs lên bảng làm bài</p> <p>a) <math>m : 5 + n : 5</math><br/><math>= 200 : 5 + 20 : 5</math><br/><math>= 40 + 4</math><br/><math>= 44</math></p> <p>b) <math>( m + n) \times 2</math><br/><math>= ( 200 + 20) \times 2</math><br/><math>= 220 \times 2</math><br/><math>= 440</math></p> <p>c) <math>m + n \times 2</math><br/><math>= 200 + 20 \times 2</math><br/><math>= 200 + 40</math><br/><math>= 240</math></p> | a              | 1 070           | 2                 | 998 | 85 | Biểu thức | $ax - 4$ | $45 + 5x$<br>a | $(a + 2)x$<br>3 | $(15 + a)$<br>: 2 | GT của biểu thức | 4 280 | 55 | 3 000 | 50 |
| a                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1 070                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2              | 998             | 85                |     |    |           |          |                |                 |                   |                  |       |    |       |    |
| Biểu thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | $ax - 4$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | $45 + 5x$<br>a | $(a + 2)x$<br>3 | $(15 + a)$<br>: 2 |     |    |           |          |                |                 |                   |                  |       |    |       |    |
| GT của biểu thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4 280                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 55             | 3 000           | 50                |     |    |           |          |                |                 |                   |                  |       |    |       |    |

- Gv nhận xét, chữa bài. Tuyên dương Hs

→ *Củng cố lại cách tính giá trị và thứ tự thực hiện tính giá trị của biểu thức chứa chữ.*

**Bài 3:** Một con ốc sên bò từ bụi cỏ đến cây chuối theo đường gấp khúc ABCD như hình vẽ:



- Gv gọi Hs đọc đề bài  
+ Mời 1 Hs lên bảng làm bài, chia sẻ bài làm

- Gv nhận xét, chữa bài  
- Yêu cầu Hs đổi vở kiểm tra chéo

**Bài 4:** Nối hai biểu thức có giá trị bằng nhau (với  $a = 50$ ;  $b = 3$ ;  $c = 7$ )

Nối hai biểu thức có giá trị bằng nhau (với  $a = 50$ ;  $b = 3$ ;  $c = 7$ ).

|                    |                           |                           |
|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| $a - (b + c)$      | $a \times b + a \times c$ | $a \times c - a \times b$ |
| $a \times (b + c)$ | $a \times (c - b)$        | $a - b - c$               |

- Gọi Hs đọc đề bài  
- Yêu cầu Hs treo bảng phụ bài làm, trình bày cách làm

$$\begin{aligned} & \text{d) } (m + n) : 5 \\ &= (200 + 20) : 5 \\ &= 220 : 5 \\ &= 44 \end{aligned}$$

- Nhận xét bài của bạn  
+ Hs nêu

- Lắng nghe

- Hs đọc đề bài  
- 1 Hs làm bài trên bảng, chia sẻ bài làm với cả lớp.

a)  $m = 105 \text{ cm}$ ;  $n = 95 \text{ cm}$ .

Độ dài quãng đường ốc sên bò từ bụi cỏ đến cây chuối là:

$$105 + 95 + 100 = 300 \text{ (cm)}$$

b)  $m = 10 \text{ dm}$ ;  $n = 9 \text{ dm}$ .

$$\text{Đổi } 100 \text{ cm} = 10 \text{ dm}$$

Độ dài quãng đường ốc sên bò từ bụi cỏ đến cây chuối là:

$$10 + 9 + 10 = 29 \text{ (dm)}$$

Đáp số : a) 300 cm

b) 29 dm

- Hs đổi vở kiểm tra chéo.

- Hs đọc đề bài  
- Hs treo bảng phụ, nêu cách làm bài

Nối hai biểu thức có giá trị bằng nhau (với  $a = 50$ ;  $b = 3$ ;  $c = 7$ ).

|                    |                           |                           |
|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| $a - (b + c)$      | $a \times b + a \times c$ | $a \times c - a \times b$ |
| $a \times (b + c)$ | $a \times (c - b)$        | $a - b - c$               |

- Hs nhận xét  
- Lắng nghe  
- Hs nêu

- Hs nêu

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi Hs nhận xét</li> <li>- Gv nhận xét, chữa bài</li> <li>+ Muốn trừ một số cho một tổng ta làm như thế nào?</li> <li>+ Muốn nhân một số với một hiệu, ( một tổng ) ta làm như thế nào?</li> </ul>                                                                                                                                                             |                                                                                                                           |
| <p>→ <i>Củng cố lại cách trừ đi một tổng, nhân một số với một hiệu, nhân một số với một tổng.</i></p> <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu Hs nêu những nội dung kiến thức vừa học</li> <li>+ Muốn thực hiện tính giá trị của biểu thức có chứa chữ ta làm như thế nào?</li> <li>- Nhận xét, tuyên dương</li> <li>- Nhắc Hs chuẩn bị bài tiếp theo.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs lắng nghe</li> <li>- Hs nêu</li> <li>+ Hs nêu</li> <li>- Lắng nghe</li> </ul> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                           |

-----

**LUYỆN TOÁN**

**TUẦN 2 : SỐ CHẴN, SỐ LẺ. BIỂU THỨC CHỨA CHỮ**

**Tiết 03 - Trang 10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.
  - + Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.
  - + Biết cách tính giá trị của biểu thức theo các giá trị cụ thể của chữ.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán 4 ; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                                                     |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 10 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 10 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.         | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>-Hs làm bài<br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.                                  |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1:</b> Tô màu đỏ vào đám mây ghi phép tính có kết quả là số chẵn, màu xanh vào đám mây ghi phép tính có kết quả là số lẻ.<br><br>-Gv yêu cầu hs đọc các phép tính và kết quả các phép tính tương ứng các hình.<br>-Yêu cầu hs chữa bài.<br><br><b>→ Gv chốt cách nhận biết số chẵn và số lẻ.</b> | - HS nêu<br>-Hs trả lời:<br>Tô màu đỏ vào các phép tính:<br>$60\ 000 : 2$ ; $20\ 000 \times 4$<br>Tô màu xanh vào các phép tính:<br>$3\ 081 : 3$ ; $1\ 024 + 3\ 081$ |
| <b>* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b><br>a) Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - HS lắng nghe cách thực hiện                                                                                                                                        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>b) Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.</p> <p>c) Từ 20 đến 50 có ..... số lẻ và có .... số chẵn</p> <p>d) 102, ....., 106 là ba số chẵn liên tiếp. 151, 149, .... là ba số lẻ liên tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “hỏi đáp?”</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ Gv chốt cách nhận biết các số chẵn và lẻ liên tiếp.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> <p>a) Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau <b>2</b> đơn vị</p> <p>b) Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau <b>2</b> đơn vị.</p> <p>c) Từ 20 đến 50 có <b>15</b> số lẻ và có <b>16</b> số chẵn</p> <p>d) 102, <b>104</b>, 106 là ba số chẵn liên tiếp. 151, 149, <b>147</b> là ba số lẻ liên tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p>* <b>Bài 3:</b> Nhà bác Lâm có cái ao hình chữ nhật với chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Phía trên mặt ao, bác Lâm bắc một giàn mướp hình vuông có độ dài cạnh bằng chiều rộng cái ao giảm 4 lần. Gọi a là chiều rộng cái ao</p> <p>a) Viết biểu thức thích hợp vào chỗ chấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu thức tính chiều dài của cái ao là:.....</li> <li>- Biểu thức tính cạnh của giàn mướp là:.....</li> <li>- Biểu thức tính chu vi của cái ao là:.....</li> <li>- Biểu thức tính chu vi của giàn mướp là:.....</li> </ul> <p>b) Tính chu vi của cái ao và chu vi của giàn mướp với <math>a = 16m</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh đọc đề</li> <li>- Gv yêu cầu hs đọc kĩ các phần và làm bài vào vở.</li> <li>- Gv mời hs nối tiếp nhau chữa bài</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc lại nội dung</li> <li>- Hs làm bài vào vở.</li> </ul> <p>a) Viết biểu thức thích hợp vào chỗ chấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu thức tính chiều dài của cái ao là: <b><math>a \times 2</math></b></li> <li>- Biểu thức tính cạnh của giàn mướp là: <b><math>a : 4</math></b></li> <li>- Biểu thức tính chu vi của cái ao là: <b><math>[(a \times 2) + a] \times 2</math></b></li> <li>- Biểu thức tính chu vi của giàn mướp là: <b><math>(a : 4) \times 4</math></b></li> </ul> <p>b) Tính chu vi của cái ao và chu vi của giàn mướp với <math>a = 16m</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chu vi của cái ao là:<br/><math>[(16 \times 2) + 16] \times 2 = 96 (m)</math></li> <li>- Chu vi của giàn mướp là:<br/><math>(16 : 4) \times 4 = 16 (m)</math></li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>→ Gv chốt cách vận dụng tính giá trị biểu thức chứa chữ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <p>- Hs chữa bài.</p>                                                                                                                                               |
| <p><b>* Bài 4:</b></p> <p>a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.<br/>Biểu thức tính chu vi của hình tam giác có ba cạnh a, b, c (cùng đơn vị đo) là:<br/>.....</p> <p>b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng<br/>Trong ba hình tam giác với ba cạnh a, b, c dưới đây, hình nào có chu vi lớn nhất?<br/>A. Hình tam giác MNP với a = 30cm; b = 40cm; c = 50 cm<br/>B. Hình tam giác EGH với a = 5dm; b = 4dm; c = 4dm<br/>C. Hình tam giác QRS với a = 3dm; b = 5dm; c = 4dm</p> <p>- GV gọi 1 hs nêu bài toán</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br/>→ Gv chốt cách tính chu vi hình tam giác</p> | <p>-Hs nêu<br/>Hs đọc đề nêu cách làm<br/>-Hs nêu kết quả:<br/>a) Biểu thức tính chu vi tam giác có cạnh a,b,c là:<br/>Chu vi = a + b + c<br/>b) Chọn đáp án: B</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Học sinh tham gia chơi trò chơi “ XÌ ĐIỆN” nối tiếp đọc 1 dãy số chẵn hoặc lẻ liên tiếp.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 2</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>- HS nghe</p> <p>-Hs tham gia trò chơi.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>- HS nghe</p>                                                 |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                     |

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 3: GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH. LUYỆN TẬP CHUNG.

#### ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC

#### Tiết 01: Trang 11

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

#### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - +Giải bài toán có ba bước tính.
  - +Trình bày bài đúng cách và khoa học.

+ Nhận biết được dạng toán có lời văn có ba bước tính.

## 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

## 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Giải bài toán có ba bước tính.</li> <li>+ Trình bày bài giải rõ ràng, đúng với phương pháp giải bài toán có ba bước tính.</li> <li>+ Nhận biết đúng dạng toán có lời văn</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 11 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 11;12 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Một trung tâm tiêm chủng trong tháng 10 đã tiêm được 19785 liều.</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>tháng 11, trung tâm tiêm được nhiều hơn tháng 10 là 1 2 0 0 liều vắc xin nhưng lại ít hơn tháng 12 là 1.500 liều vắc xin. Hỏi trong 3 tháng cuối năm, trung tâm đó đã tiêm được tất cả bao nhiêu liều vắc xin ?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát đề bài .</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời Bài cho biết gì? Bài hỏi gì?</li> <li>- gọi một học sinh làm bài trên bảng.</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt bài làm đúng.</i></p>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời:</li> </ul> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul>                 |
| <p><b>* Bài 2:</b> Tại một cửa hàng vân phòng phẩm, một hộp bút có giá là 21 500 đồng. Giá tiền của một ba lô gấp 3 lần giá tiền của một hộp bút. Bgn Nguyễn mua một hộp bút và một ba lô. Nguyễn đưa cho người bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng cần trả lại Nguyễn bao nhiêu tiền?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 1 bạn lên thực hiện và trình bày cách giải của mình.</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách giải bài đúng</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3:</b></p> <p><b>Ngày thứ nhất, bác Hoa thu hoạch được 20 l mật ong rồi chia hết vào các chai loại 2 l. Ngày thứ hai, bác Hoa thu hoạch được 26 l mật ong và cũng chia hết vào các chai loại 2 l như vậy. Hỏi ngày thứ nhất hay ngày thứ hai, bác Hoa thu hoạch được nhiều chai mật ong hơn và nhiều hơn bao nhiêu chai?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt bài giải đúng.</i></p>                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS lên bảng làm bài</li> <li>- HS đọc lại nội dung lời giải</li> </ul> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p>                                                                          |
| <p><b>* Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu</li> <li>- Bài có mấy yêu cầu?</li> <li>- Cho học sinh lên bảng trình bày bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>Học sinh nêu<br/>Hs đọc đề nêu<br/>1 học sinh lên bảng trình bày</p>                                                                                                                                                           |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - GV nhận xét, chốt kết quả<br>→ <i>Gv chốt cách giải bài toán dựa vào sơ đồ đoạn thẳng.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b>                                                                      |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- Hãy giải bài toán bằng 3 phép tính?<br>Lan gấp được 236 chiếc thuyền, Lan gấp nhiều hơn Hà 37 chiếc thuyền. Hoa gấp ít hơn Lan và Hà 12 chiếc Hỏi cả ba bạn gấp được bao nhiêu chiếc thuyền?<br>- GV cho học sinh quan sát, làm bài<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra bài giải đúng và nhanh.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 3 | - HS nghe<br><br>- HS thực hiện<br><br>- HS trả lời, nhận xét <i>bạn làm nhanh nhất</i><br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                      |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 3: GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH. LUYỆN TẬP CHUNG.**  
**ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC**  
**Tiết 02:– Trang 13**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

- Tính giá trị của biểu thức và giải bài toán có ba bước tính , xác định được số đo của góc theo yêu cầu.
- Tính đúng giá trị của biểu thức chữ và số.
- + Thực hiện giải toán có lời văn dạng gấp một số đơn vị (ôn tập).
- + Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hoạt động của học sinh                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+ Tính được giá trị của biểu thức chữ và số.<br>+ Thực hiện giải toán có lời văn dạng hơn gấp một số đơn vị (ôn tập).<br>+ Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)                                                                                                                                                                                          | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                         |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 13 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 14 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.                                      | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- Hs làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1:</b> Tính giá trị của biểu thức. (VLT/13)<br>- GV cho 4 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”<br>+ 4 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Cả nhà thương nhau”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.<br>- Cho học sinh nhận xét<br>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br><b>→ Gv chốt cách tính giá trị biểu thức</b> | - HS lắng nghe cách thực hiện<br>- HS thực hiện làm bài<br><br>- HS nhận xét<br>- HS lắng nghe, quan sát một                             |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 2: VLT/13 :</b><br/>         Một MV( video âm nhạc) Sau một ngày phát hành đã có 26.150 lượt xem và 18.300 lượt yêu thích. đến hết ngày thứ hai, MV đó đã có số lượt xem gấp 3 lần và số lượt yêu thích gấp 5 lần .<br/>         Hỏi tính đến hết ngày thứ hai, MV đó có số lượt xem hay số lượt yêu thích nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lượt?<br/>         sau đó, em hãy làm tròn đáp số đến hàng trăm,<br/>         - GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài<br/>         - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p><i>→ Gv chốt giải và trình bày toán có lời văn dạng giải bài toán nhiều phép tính , vận dụng tính nhân và cộng</i></p> | <p>- 2 HS lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm<br/>         Lớp làm vở, đổi vở soát , nhận xét nêu cách làm</p> <p>a.Bài giải<br/>         Tính đến hết ngày thứ hai MV đó có số lượt xem là: <math>26\ 150 \times 3 = 78450</math> (Số lượt xem)<br/>         tính đến hết ngày thứ hai MV đó có số lượt yêu thích là: <math>18300 \times 5 = 91500</math> (lượt yêu thích)<br/>         Tính đến hết ngày thứ hai, em Vy đó có số lượt yêu thích nhiều hơn và nhiều hơn số lượt là: <math>91.500 - 78.450 = 13050</math> (lượt)<br/>         Đáp số : 13050 lượt<br/>         13050 làm tròn 13100<br/>         -HS liên hệ</p> |
| <p><b>* Bài 3 Quan sát hình sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp( theo mẫu)</b><br/>         - GV gọi 1 hs nêu<br/>         - GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> <i>→ Gv chốt cách xem góc bao nhiêu độ.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Hs đọc yêu cầu<br/>         -Hs nêu kết quả:<br/>         -Góc đỉnh B; cạnh BA;BC bằng <math>120^\circ</math><br/>         - Góc đỉnh C; cạnh C B, CD bằng <math>60^\circ</math><br/>         - Góc đỉnh D; cạnh DA, DC bằng <math>90^\circ</math></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b><br/>         - Hãy cho biết bạn nào viết đúng: số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:<br/>         + Bạn Hà viết:<br/>         999<br/>         + Bạn Hoa viết:<br/>         987<br/>         - GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích<br/>         - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br/>         - GV nhận xét giờ học.<br/>         - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 3</p>                                                                                                                                                                                                 | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét<br/>         + <i>Bạn Hoa viết: Đúng</i><br/>         - HS nghe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

**TOÁN**  
**TUẦN 3: GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH. LUYỆN TẬP CHUNG.**  
**ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC**  
**Tiết 03:– Trang 14-15**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Tính giá trị của biểu thức .
- Giải thành thạo bài toán có ba bước tính.
- Nhìn hình và biết được số đo của các góc .
- Củng cố cách làm tròn một số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Thực hiện thành thạo tính giá trị của biểu thức</li> <li>+Giải toán với nhiều phép tính có gấp lên 1 số lần .</li> <li>+ Củng cố cách làm tròn 1 số.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                          |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 14 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 14;15 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                             |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Tính giá trị của biểu thức.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.</li> <li>→ <i>Gv chốt cách tính giá trị của biểu thức.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu</li> <li>- Học sinh trả lời:</li> </ul> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét chữa bài</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2:</b></p> <p>Một hội khỏe Phù Đổng cấp trường có 32 học sinh tham gia môn cờ vua. số môn Nhảy aerobic 3 lần môn Cờ vua nhưng bằng một nửa số học sinh tham gia môn Bóng đá . Biết rằng mỗi học sinh chỉ tham gia một trong ba môn trên. Hỏi Có tất cả bao nhiêu học sinh tham gia ba môn Cờ vua , Nhảy aerobic và Bóng đá?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 2 bạn lên thực hiện .</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> <li>→ <i>Gv chốt cách Giải bài toán bằng ba bước liên quan đến phép nhân và phép cộng.</i></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                                   |
| <p><b>* Bài 3: Quan sát hình sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh làm bài, , thực hiện phiếu nhóm 4 , vở</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS đại diện nhóm lên bảng nêu kết quả.</li> </ul>                                                                                                                                                                                        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> <li>→ <i>Gv chốt cách quan sát hình để xác định số đo của các góc.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                              | <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc lại nội dung lời giải</li> </ul>                    |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Bài 4:</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</li> <li>- GV gọi 1 hs nêu cách làm và tìm kết quả</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> <li>→ <i>Gv chốt cách làm tròn Các số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn.</i></li> </ul>                                                                                                | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hs nêu tìm số đó.</li> </ul> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm tròn các số sau đến hàng chục: 13 25 7;38.112</li> <li>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 4 tiết 1</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul>    |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                           |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 4: ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾP THEO)**  
**GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT**  
**LUYỆN TẬP CHUNG**  
**Tiết 01 – Trang 16**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết được đơn vị đo góc
  - + Sử dụng được thước đo góc để đo các góc:  $60^\circ$ ,  $90^\circ$ ,  $120^\circ$ ,  $180^\circ$ .

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

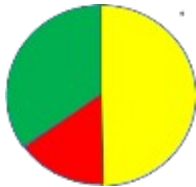
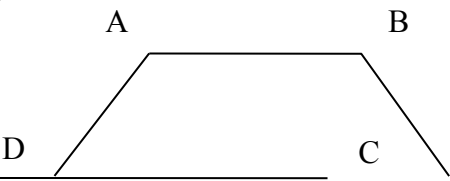
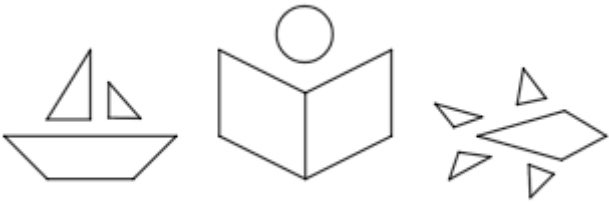
## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được đơn vị đo góc</li> <li>+ Sử dụng được thước đo góc để đo các góc: <math>60^\circ</math>, <math>90^\circ</math>, <math>120^\circ</math>, <math>180^\circ</math>.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                 |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 16 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 16 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <b>* Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)/VLT tr.16</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập:</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời phần 1a</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nêu:</li> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> </ul> <p>Góc nhọn      góc vuông      góc bẹt</p> <p>Góc tù                      góc nhọn      góc tù</p>     |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét và chốt câu trả lời đúng.</li> <li>- GV gọi HS lên bảng dùng thước đo để kiểm tra số đo góc, HS cả lớp hoàn thành vào vở.</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách xác định góc.</i></p>                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lên bảng đo</li> </ul> <p>Góc nhọn <math>30^\circ</math> góc vuông <math>45^\circ</math> góc bẹt <math>180^\circ</math></p><br><p>Góc tù <math>60^\circ</math> góc nhọn <math>30^\circ</math> góc tù <math>90^\circ</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2:(VLT/16)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS làm việc cá nhân và hướng dẫn HS cách làm</li> <li>- Yêu cầu HS dùng thước đo các góc, sau đó tô màu</li> <li>- Gọi HS lên bảng đo</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách đo các góc bằng thước đo độ.</i></p>                                                                                                                         | <p>-HS thực hiện</p>                                                                                                                                                                                                                                          |
| <p><b>* Bài 3: VLT/4 :Đo các góc trong hình tứ giác ABCD rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu) ?</b></p> <p>M: Góc tù đỉnh A, cạnh AB,AD bằng <math>120^\circ</math></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt lại cách xác định góc và số đo các góc.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 HS lên bảng làm bài</li> <li>+ Góc tù đỉnh B, cạnh BA,BC bằng <math>120^\circ</math></li> <li>+ Góc nhọn đỉnh C, cạnh CB,CD bằng <math>30^\circ</math></li> <li>+ Góc nhọn đỉnh D, cạnh DA,DC bằng <math>30^\circ</math></li> </ul> <p>-HS đọc lại nội dung lời giải</p>                              |
|  <p>A B C</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>u - HS nghe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

- GV cho học sinh quan sát, tìm ra số góc  
- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

- GV nhận xét giờ học.  
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 1

- HS thực hiện  
+ Hình A có 16 góc nhọn.  
+ Hình B có 4 góc nhọn.  
+ Hình C có 12 góc nhọn.  
- HS nhận xét  
- HS nghe

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

## LUYỆN TOÁN

### TUẦN 4: ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾP THEO)

### GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT

### LUYỆN TẬP CHUNG

#### Tiết 02:– Trang 17

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông.
  - + Giải quyết được một số bài toán, tình huống liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông.

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

##### 3. Phẩm chất:

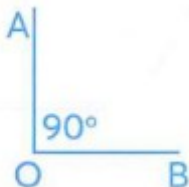
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+ Nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông.<br>+ Giải quyết được một số bài toán, tình huống liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông.                                                                                                                                                                      | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                                              |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 17 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 17 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- Hs làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.                      |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1: Đặt tên cho mỗi góc đo góc và viết số đo vào hình vẽ -VLT tr.17</b><br>- Cho HS làm theo nhóm đôi:<br>Mẫu: <br>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời<br>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.                                                            | Học sinh thực hiện theo nhóm đôi và làm vào vở<br><br>- Học sinh soát bài |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>→ Gv chốt cách nhận biết các góc</b></p> <p><b>* Bài 2:</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm. (VLT/17)</p>  <p>- Hình bên có:<br/>       + ..... góc vuông<br/>       + ..... góc nhọn<br/>       + ..... góc tù<br/>       - Yêu cầu HS suy nghĩ và nêu câu trả lời miệng.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/>       - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> <b>→ Gv chốt củng cố thêm các góc</b></p> | <p>- HS lắng nghe cách thực hiện</p> <p>-HS trả lời:<br/>       + 2 góc vuông<br/>       + 2 góc nhọn<br/>       + 1 góc tù</p>      |
| <p><b>* Bài 3: VLT/17:</b><br/>       A, Em hãy vẽ một hình tam giác có một góc nhọn và một góc vuông.<br/>       B, Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.<br/>       Góc còn lại em vừa vẽ là góc gì?<br/>       A. Góc vuông                      B. Góc tù<br/>       C. Góc nhọn                        D. Góc bẹt</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/> <b>→ Gv chốt lại cách vẽ hình</b></p>                                                                                                   | <p>- HS tự vẽ hình vào vở, 1 HS lên vẽ trên bảng</p> <p>- HS trả lời<br/>       Đáp án C</p> <p>-HS đối vở, kiểm tra vở của bạn.</p> |
| <p><b>* Bài 4</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm?<br/> <b>VLT/17</b><br/>       - GV gọi 1 hs nêu<br/>       Vào buổi chiều, bạn Nguyễn hỏi bạn Đăng: “Bây giờ là mấy giờ?” bạn Đăng trả lời: “Bây giờ đang là giờ đúng mà kim giờ và kim phút trên đồng hồ tạo thành góc vuông đấy!”.<br/>       Vậy bây giờ là ... giờ chiều hay ... giờ<br/>       - GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> <b>→ Gv chốt lại cách nhận biết góc</b></p>                                                                                 | <p>Hs đọc đề nêu cách làm<br/>       -Hs nêu kết quả:<br/>       Vậy bây giờ là 3 giờ chiều hay 15 giờ</p>                           |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>vuông</i>                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                         |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- Tổ chức cho HS cắt những hình tròn đã chuẩn bị, tạo thành các góc đã được học.<br>- GV cho học sinh trưng bày kết quả<br>- GV khen HS đã làm nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 1 | - HS nghe và thực hiện<br><br>- HS thực hiện<br><br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                         |

## **TUẦN 4: ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾP THEO)**

### **GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT**

#### **LUYỆN TẬP CHUNG**

#### **Tiết 03 – Trang 17,18**

### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

#### **1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Củng cố, sử dụng đơn vị đo góc.
  - + Củng cố cách nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt. (ôn tập).
  - + Vận dụng giải được các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo góc và nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

#### **2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

#### **3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

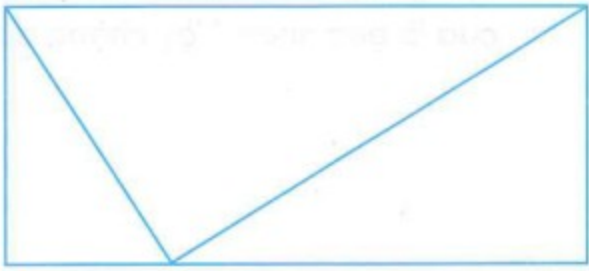
### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                           | Hoạt động của học sinh |
|---------------------------------------------------|------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát | - HS thực hiện         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Củng cố, sử dụng đơn vị đo góc.</li> <li>+ Củng cố cách nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt. (ôn tập).</li> <li>+ Vận dụng giải được các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo góc và nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                                                              |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 17,18 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 17,18 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                      |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> <li>* <b>Bài 1:</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm. (VLT/17)</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình bên có:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ ..... góc vuông</li> <li>+ ..... góc nhọn</li> <li>+ ..... góc tù</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu HS suy nghĩ và nêu câu trả lời miệng.</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS trả lời:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 2 góc vuông</li> <li>+ 2 góc nhọn</li> <li>+ 1 góc tù</li> </ul> </li> </ul> |

→ Gv chốt củng cố thêm các góc

**\* Bài 2: Nối (theo mẫu) (VLT/18)**

Dùng thước đo góc để đo các góc rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Hình bên có:

A, ..... góc bằng  $60^\circ$

B, ..... góc bằng  $120^\circ$



- GV cho 2 bạn lên bảng thực hiện.
- Cho học sinh nhận xét
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt củng cố lại các góc và số đo góc.

- HS lắng nghe cách thực hiện

- HS thực hiện

A, 6 góc bằng  $60^\circ$

B, 8 góc bằng  $120^\circ$

- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát

**\* Bài 3: VLT/18 :**

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Hai bán kính nào của hình tròn bên tạo thành góc có số đo  $120^\circ$

A, OM và OP

B, ON và OP

C, OM và ON

- Gọi HS trả lời

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

→ Gv chốt củng cố lại các góc và số đo góc.

- 2 HS lắng nghe

Đáp án đúng:

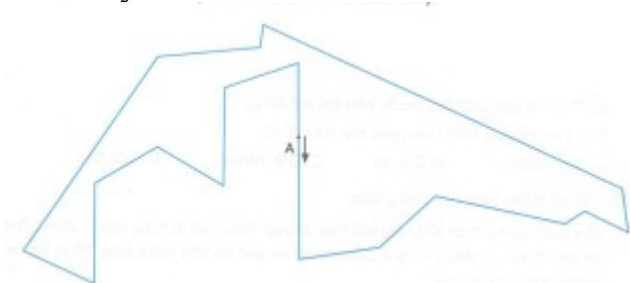
Đáp án C

-HS đọc lại nội dung lời giải

**\* Bài 4: VLT/18 :**

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Một đường đua được thiết kế theo hình dưới đây:



Xuất phát từ điểm A, các xe chạy trên đường đua theo hướng mũi tên. Khi xe gặp điểm A lần thứ nhất thì xe đã chạy được 1 vòng đua.

a) Đường đua có khúc cua là góc nhọn và ..... khúc cua là góc tù.



**TUẦN 5: LUYỆN TẬP CHUNG (tiếp theo)**  
**SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000.**  
**HÀNG VÀ LỚP**  
**Tiết 01 - Trang 19**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Vẽ được góc vuông, góc nhọn, góc tù và đặt tên cho các cạnh của mỗi góc.
  - + Biết cách so sánh các góc với nhau
  - + Nói được số theo mẫu
  - + Lập được các số chẵn có sáu chữ số khác nhau từ các thẻ số đã cho.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ được góc vuông, góc nhọn, góc tù và đặt tên cho các cạnh của mỗi góc.</li> <li>+ Biết cách so sánh các góc với nhau</li> <li>+ Nói được số theo mẫu</li> <li>+ Lập được các số chẵn có sáu chữ số khác nhau từ các thẻ số đã cho.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> </ul>  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>2/ 4 Vở luyện tập Toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Hãy vẽ một góc vuông đỉnh A, một góc nhọn đỉnh M, một góc tù đỉnh P rồi đặt tên cho các cạnh của mỗi góc đó./VLT tr.19</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS đọc YC</li> <li>- GV gọi 3 học sinh nối tiếp lên bảng thực hiện yêu cầu</li> <li>- Gọi HSNX</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ Gv chốt thế nào là góc vuông, góc nhọn, góc tù?</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc YC</li> <li>- 3 HS nối tiếp lên bảng thực hiện yêu cầu</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| <p><b>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VLT/19)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS lên bảng điền</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ Gv chốt lại cách so sánh các góc</p>                                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> <li>a, Góc bẹt bằng <b>hai</b> góc vuông.</li> <li>b, Góc vuông có số đo bằng <b>90°</b>.</li> <li>c, Góc tù có số đo lớn hơn <b>góc vuông</b>.</li> <li>d, Góc nhọn có số đo <b>bé hơn</b> góc tù.</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3: Nối (theo mẫu) VLT/19</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p>→ Gv chốt cách đọc số, xác định hàng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 HS lên bảng làm bài</li> <li>- HS đọc lại nội dung lời giải</li> </ul>                                                                                                                                                                             |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs đọc đề bài</li> <li>- GV gọi HS nêu cách làm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs đọc đề</li> <li>- HS nêu cách làm</li> <li>- Hs nêu kết quả:</li> </ul> <p>Mỗi số lập được đều có chữ số hàng trăm nghìn là 5, chữ số hàng chục nghìn là 0, tổng hai chữ số hàng nghìn và hàng trăm bằng 5 và tổng hai chữ số hàng chục và hàng đơn vị cũng bằng 5. Vì vậy ta có hai cặp chữ số mà tổng đều bằng 5 là 2,3 và 1,4.</p> <p>Số lập được là số chẵn nên chữ số hàng đơn vị là 2 hoặc 4.</p> <p>Các số lập được là 502 31; 503 214; 501 432; 504 132.</p> |
| <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>➔ <i>Gv chốt cách lập số chẵn</i></p> <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho các thẻ số sau: 3;0;4;7;5;1. Hãy lập 5 số chẵn có 6 chữ số.</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau: Tiết 2 tuần 5</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 5: LUYỆN TẬP CHUNG (tiếp theo)**  
**SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000.**  
**HÀNG VÀ LỚP**  
**Tiết 02:– Trang 20**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Biết cách phân tích số thành tổng các số hạng, tìm được số liền sau của số có sáu chữ số.
  - + Biết cách xác định hàng và lớp
  - + Lập được các số lẻ có sáu chữ số từ các thẻ số đã cho.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết cách phân tích số thành tổng các số hạng, tìm được số liền sau của số có sáu chữ số.</li> <li>+ Biết cách xác định hàng và lớp</li> <li>+ Lập được các số lẻ có sáu chữ số từ các thẻ số đã cho.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 5 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 5 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <b>* Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng VLT tr.20</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc YC</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                         |

<

|                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>→ Gv chốt cách lập số lẻ.</b>                                                                                                                                                                                                                           |                                                                        |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- - Cho các thẻ số sau: 3;0;4;7;5;1. Hãy lập 5 số lẻ có 6 chữ số.<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 5 | - HS nghe<br>- HS thực hiện<br><br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                       |                                                                        |

**TOÁN**  
**TUẦN 5: LUYỆN TẬP CHUNG (tiếp theo)**  
**SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000.**  
**HÀNG VÀ LỚP**  
**Tiết 03:– Trang 21**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Biết cách xác định hàng và lớp, giá trị của chữ số
  - + Viết được các số chẵn có sáu chữ số thỏa mãn yêu cầu bài ra.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

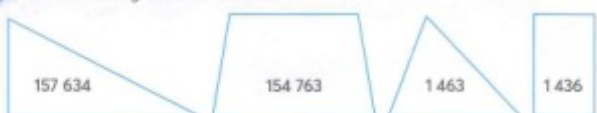
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|-------------------------|------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b>  |                        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết cách xác định hàng và lớp, giá trị của chữ số</li> <li>+ Viết được các số chẵn có sáu chữ số thỏa mãn yêu cầu bài ra.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 6 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 6 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Cho các hình ghi các số như sau:</b></p>  <p>Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng</p> <p>a, Hình có ba góc nhọn ghi số nào?<br/>A. 1436    B. 1463    C. 154 763    D. 157 634</p> <p>b, Ở số ghi trong hình có hai góc tù, giá trị chữ số 4 là:<br/>A. 4    B. 400    C. 4 000    D. 40 000</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ Gv chốt</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS quan sát, đọc đề bài</li> <li>- Học sinh trả lời:</li> <li>a, Chọn đáp án B</li> <li>b, Chọn đáp án C</li> <li>- Học sinh nhận xét chữa bài</li> </ul>       |
| <p><b>* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                         |

- a) 780 000 000, 790 000 000, ....., 810 000 000, .....
- b)  $783\,251 = 700\,000 + \dots + 3000 + 200 + 50 + 1$
- c) Chữ số 2 thuộc lớp nghìn của số 821 259 có giá trị là ....
- d) Chữ số 7 ở hàng chục triệu của số 77 000 000 có giá trị là.....

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”  
+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Con bướm vàng”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt cách xác định hàng và lớp, giá trị chữ số trong số có sáu chữ số.

**\* Bài 3: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)**

|                   |           |         |         |         |
|-------------------|-----------|---------|---------|---------|
| Chữ số 2 trong số | 132 000   | 751 243 | 931 452 | 214 083 |
| Ở hàng            | Triệu     |         |         |         |
| Thuộc lớp         | Triệu     |         |         |         |
| Giá trị           | 2 000 000 |         |         |         |

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức
- Gv chốt cách xác định hàng và lớp, giá trị chữ số trong số có sáu chữ số.

**\* Bài 4: Từ ba chữ số 7,8,9, hãy viết tất cả các số chẵn có sáu chữ số. Biết rằng trong mỗi số, các chữ số thuộc lớp nghìn khác nhau, các chữ số thuộc lớp đơn vị giống nhau.**

- Gọi Hs đọc đề
- GV gọi 1 hs nêu kết quả

- HS lắng nghe cách thực hiện
- HS thực hiện làm bài

- a) 780 000 000, 790 000 000, **800 000 000**, 810 000 000, **820 000 000**
- b)  $783\,251 = 700\,000 + \mathbf{80\,000} + 3000 + 200 + 50 + 1$
- c) Chữ số 2 thuộc lớp nghìn của số 821 259 có giá trị là **20 000**
- d) Chữ số 7 ở hàng chục triệu của số 77 000 000 có giá trị là **70 000 000**

- HS nhận xét
- HS lắng nghe, quan sát

- 3 HS lên bảng làm bài

-HS đọc lại nội dung lời giải

|                   |           |         |         |            |
|-------------------|-----------|---------|---------|------------|
| Chữ số 2 trong số | 132 000   | 751 243 | 931 452 | 214 083    |
| Ở hàng            | Triệu     | Trăm    | Đơn vị  | Trăm nghìn |
| Thuộc lớp         | Triệu     | Đơn vị  | Đơn vị  | ng nghìn   |
| Giá trị           | 2 000 000 | 200     | 2       | 200 000    |

- Hs đọc đề
- Hs nêu kết quả
- Vì viết các số chẵn nên chữ số hàng

|                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> <b>→ Gv chốt cách viết số chẵn có sáu chữ số từ các chữ số đã cho trước.</b></p>                                                                                                                                                                | <p>đơn vị là 8. Do các chữ số thuộc lớp đơn vị giống nhau nên các chữ số lớp đơn vị là 8,8,8<br/>         Viết được các số: 789 888; 879 888; 978 888; 987 888.</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Hãy lập các số chẵn thỏa mãn điều kiện:<br/>         - Lớp nghìn gồm các chữ số 0,0,2<br/>         - Lớp đơn vị gồm các chữ số 7, 4, 4</p> <p>- GV nhận xét giờ học.<br/>         - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 6 tiết 1</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện<br/>         - HS trả lời, nhận xét<br/>         - HS nghe</p>                                                                   |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                     |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 6: HÀNG VÀ LỚP (tiếp theo)**  
**CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU.**  
**LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN.**  
**Tiết 01 - Trang 22**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Xác định vị trí hàng, lớp của các chữ số trong một số
  - + Đọc số và phân tích các hàng, lớp của một số
  - + Viết được các số thành tổng
  - + Lập được các số chẵn có chín chữ số khác nhau từ các chữ số đã cho.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định vị trí hàng, lớp của các chữ số trong một số</li> <li>+ Đọc số và phân tích các hàng, lớp của một số</li> <li>+ Viết được các số thành tổng</li> <li>+ Lập được các số chẵn có chín chữ số khác nhau từ các chữ số đã cho.</li> </ul> </li> </ul>                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 19 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/19,20 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> <li>* <b>Bài 1/VLT tr.19: Khoanh vào chữ số đặt trước câu trả lời đúng</b></li> <li>- Gọi 1 HS đọc YC</li> <li>- GV gọi HS trả lời miệng phần a,b</li> <li>- Gọi HSNX</li> <li>? Tại sao không khoanh vào số 125 098?</li> <li>? Làm thế nào để tìm đúng giá tiền của chiếc áo?</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nêu được cách tìm.</li> </ul>                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc YC</li> <li>- 1 HS trả lời</li> <li>a/ 810 647      b/ 532 000 đồng</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> <li>- HS trả lời</li> </ul>                     |
| * <b>Bài 2 VLT/19: Viết tiếp vào chỗ chấm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>cho thích hợp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc số và phân tích</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> <li>→ <i>Gv chốt cách đọc số, xác định các hàng</i></li> </ul>                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>a/ 99 389 368: Chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi tám</li> <li>b/ Số dân của Việt Nam gồm: 9 chục triệu, 9 triệu, 3 trăm nghìn, 8 chục nghìn, 3 trăm. 6 chục, 8 đơn vị</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                      |
| <p><b>* Bài 3: Viết số thành tổng (theo mẫu)VLT/19</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> <li>→ <i>Gv chốt cách viết số thành tổng</i></li> </ul>                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 HS lên bảng làm bài</li> <li>a/ <math>110\ 100\ 000 = 100\ 000\ 000 + 10\ 000\ 000 + 100\ 000</math></li> <li>b/ <math>452\ 000\ 000 = 400\ 000\ 000 + 50\ 000\ 000 + 2\ 000\ 000</math></li> <li>c/ <math>905\ 600\ 000 = 900\ 000\ 000 + 5\ 000\ 000 + 600\ 000</math></li> <li>-HS đọc lại nội dung lời giải</li> </ul>                                        |
| <p><b>* Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs đọc đề bài</li> <li>- GV gọi HS nêu cách làm</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> <li>→ <i>Gv chốt cách lập số chẵn</i></li> </ul>                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs đọc đề</li> <li>- HS nêu cách làm</li> <li>-Hs nêu kết quả:</li> </ul> <p>Mỗi số lập được có các chữ thuộc lớp triệu khác nhau nên lớp triệu được viết bởi các số 1, 0, 2; các số lớp nghìn đều là 0; vì các số là số chẵn và giống nhau khác 0 nên các chữ số hàng đơn vị là 2</p> <p>Các số lập được là 102 000 222; 120 000 222; 201 000 222; 210 000 222</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bác Phương ra cửa hàng tạp hóa nhờ đổi 1 500 000 đồng tiền lẻ với các tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng; 100 000 đồng và 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng cần đưa số lượng tờ tiền từng loại mệnh giá như thế nào để đúng với số tiền bác Phương cần</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|                                                                                                                                                      |                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| đổi?<br>- GV yêu cầu HS thảo luận nêu cách đổi<br>- Gọi HS trả lời<br>- GV nhận xét<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau: Tiết 2 tuần 6 | - HS thực hiện<br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                 |                                                       |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 6: HÀNG VÀ LỚP (tiếp theo)**  
**CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU.**  
**LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN.**  
**Tiết 02 - Trang 23**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Xác định hàng, lớp của các chữ số trong một số.
  - + Nói đúng được số theo nội dung.
  - + Làm tròn được số tới hàng chục nghìn, trăm nghìn.
  - + Liên hệ thực tế nêu được số dân và làm tròn số tới hàng nghìn, triệu.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                           | Hoạt động của học sinh |
|---------------------------------------------------|------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát | - HS thực hiện         |

| <ul style="list-style-type: none"><li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li><li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Xác định hàng, lớp của các chữ số trong một số.</li><li>+ Nói đúng được số theo nội dung.</li><li>+ Làm tròn được số tới hàng chục nghìn, trăm nghìn.</li><li>+ Liên hệ thực tế nêu được số dân và làm tròn số tới hàng nghìn, triệu</li></ul></li></ul>                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS lắng nghe</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |            |                 |                 |            |            |           |             |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|------------|-----------|-------------|--|--|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|-----------|-----------|-------------|-------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----------|--|--|---|---|---|---|---|---|---|-------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 22Vở luyện tập Toán.</li><li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 22,23 Vở luyện tập Toán.</li><li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li><li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li><li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>-Hs làm bài</li><br/><li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |            |                 |                 |            |            |           |             |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li></ul> <p><b>* Bài 1/VLT tr.22: Hoàn thành bảng</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi 1 HS đọc YC</li><li>- GV gọi HS lên bảng điền</li><li>- Gọi HSNX</li><li>- GV nhận xét, khen học sinh</li></ul> <p>=&gt; GV chốt cách viết số và xác định hàng, lớp</p>                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc YC</li><li>- HS điền</li></ul> <table><tr><th rowspan="2">Viết số</th><th colspan="3">Lớp triệu</th><th colspan="3">Lớp nghìn</th><th colspan="3">Lớp đơn vị</th></tr><tr><th>Hàng trăm triệu</th><th>Hàng chục triệu</th><th>Hàng triệu</th><th>Hàng trăm nghìn</th><th>Hàng chục nghìn</th><th>Hàng nghìn</th><th>Hàng trăm</th><th>Hàng chục</th><th>Hàng đơn vị</th></tr><tr><td>951 140 630</td><td>9</td><td>5</td><td>1</td><td>1</td><td>4</td><td>0</td><td>6</td><td>3</td><td>0</td></tr><tr><td>103 978 400</td><td>1</td><td>0</td><td>3</td><td>9</td><td>7</td><td>8</td><td>4</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>4 352 248</td><td></td><td></td><td>4</td><td>3</td><td>5</td><td>2</td><td>2</td><td>4</td><td>8</td></tr><tr><td>976 501 308</td><td>9</td><td>7</td><td>6</td><td>5</td><td>0</td><td>1</td><td>3</td><td>0</td><td>8</td></tr><tr><td>23 018 910</td><td></td><td>2</td><td>3</td><td>0</td><td>1</td><td>8</td><td>9</td><td>1</td><td>0</td></tr></table> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh nhận xét</li></ul> | Viết số         | Lớp triệu  |                 |                 | Lớp nghìn  |            |           | Lớp đơn vị  |  |  | Hàng trăm triệu | Hàng chục triệu | Hàng triệu | Hàng trăm nghìn | Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị | 951 140 630 | 9 | 5 | 1 | 1 | 4 | 0 | 6 | 3 | 0 | 103 978 400 | 1 | 0 | 3 | 9 | 7 | 8 | 4 | 0 | 0 | 4 352 248 |  |  | 4 | 3 | 5 | 2 | 2 | 4 | 8 | 976 501 308 | 9 | 7 | 6 | 5 | 0 | 1 | 3 | 0 | 8 | 23 018 910 |  | 2 | 3 | 0 | 1 | 8 | 9 | 1 | 0 |
| Viết số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Lớp triệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |            | Lớp nghìn       |                 |            | Lớp đơn vị |           |             |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hàng trăm triệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hàng chục triệu | Hàng triệu | Hàng trăm nghìn | Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm  | Hàng chục | Hàng đơn vị |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 951 140 630                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5               | 1          | 1               | 4               | 0          | 6          | 3         | 0           |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 103 978 400                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0               | 3          | 9               | 7               | 8          | 4          | 0         | 0           |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 352 248                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                 | 4          | 3               | 5               | 2          | 2          | 4         | 8           |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 976 501 308                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7               | 6          | 5               | 0               | 1          | 3          | 0         | 8           |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 23 018 910                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2               | 3          | 0               | 1               | 8          | 9          | 1         | 0           |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <p><b>* Bài 2: Nói (theo mẫu) VLT/19</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- 3 HS lên bảng làm bài</li><li>-HS đọc lại nội dung lời giải</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |            |                 |                 |            |            |           |             |  |  |                 |                 |            |                 |                 |            |           |           |             |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |  |  |   |   |   |   |   |   |   |             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |           |           |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------|--|--|--|--|---------------------|--|-----------|-----------|-----------|---------------------|--|-----------|-----------|-----------|
| <div><div>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</div><div>➔ Gv chốt số liền sau, xác định chữ số thuộc các lớp, các hàng</div></div>                                                                                                                                                                                                | <div><div><div>600 000 000 + 80 000 000 + 9 000 000</div><div><div>8 030 123</div><div>1 000 000 000</div><div>385 000 000</div><div>689 000 000</div></div><div><div>Số liền sau của 999 999 999</div><div>Số có lớp nghìn và lớp đơn vị đều có chữ số 3</div><div>Số có chữ số 3 ở hàng trăm triệu</div></div></div></div>                                                                                                                                                |           |           |           |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| <div><div>* Bài 3: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)VLT/19</div><div><div>- GV cho học sinh lên bảng làm</div><div>- Gọi HS nhận xét.</div><div>- YC HS nêu lại cách làm tròn số</div></div><div>➔ Gv chốt cách làm tròn số</div></div>                                                                                              | <div><div>- 3 HS lên bảng làm bài</div><div><table><tr><td></td><td>Số</td><td>1 167 900</td><td>1 916 400</td><td>3 364 200</td></tr><tr><td>Làm tròn số</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đến hàng chục nghìn</td><td></td><td>1 170 000</td><td>1 920 000</td><td>3 360 000</td></tr><tr><td>Đến hàng trăm nghìn</td><td></td><td>1 200 000</td><td>1 900 000</td><td>3 400 000</td></tr></table></div><div>-HS đọc lại nội dung lời giải</div></div> |           | Số        | 1 167 900 | 1 916 400 | 3 364 200 | Làm tròn số |  |  |  |  | Đến hàng chục nghìn |  | 1 170 000 | 1 920 000 | 3 360 000 | Đến hàng trăm nghìn |  | 1 200 000 | 1 900 000 | 3 400 000 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1 167 900 | 1 916 400 | 3 364 200 |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| Làm tròn số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |           |           |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| Đến hàng chục nghìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1 170 000 | 1 920 000 | 3 360 000 |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| Đến hàng trăm nghìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1 200 000 | 1 900 000 | 3 400 000 |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| <div><div>* Bài 4:</div><div><div>- GV gọi 1 hs đọc đề bài</div><div>- GV gọi HS nêu số liệu và nêu rõ thời điểm tìm hiểu</div><div>- Gọi HS làm tròn số</div><div>- GV nhận xét.</div><div>➔ Nếu HS nêu được các số liệu ở những thời điểm khác nhau có thể cho HS nhận xét về sự gia tăng dân số của Việt Nam</div></div></div> | <div><div>- Hs đọc đề</div><div>- HS nêu tùy theo số liệu HS tìm hiểu được</div></div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           |           |           |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| <div><div>3. HĐ Vận dụng</div><div><div>- Tìm hiểu số dân của địa phương tại thời điểm hiện tại và làm tròn đến hàng thích hợp</div><div>- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu và trả lời trong tiết sau</div><div>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau: Tiết 3 tuần 6</div></div></div>                                      | <div><div>- HS nghe nhiệm vụ</div><div>- HS nghe</div></div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |           |           |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |
| <div>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</div> <div></div> <div></div>                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |           |           |           |           |             |  |  |  |  |                     |  |           |           |           |                     |  |           |           |           |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 6: HÀNG VÀ LỚP (tiếp theo)**  
**CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU.**  
**LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN.**

**Tiết 03 - Trang 23**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Xác định hàng, lớp của các chữ số trong một số.
  - + Phân tích được số thành tổng.
  - + Xác định giá trị của chữ số trong một số, làm tròn được số tới hàng trăm nghìn.
  - + Tạo lập được số có chín chữ số thỏa mãn yêu cầu cho trước.

### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định hàng, lớp của các chữ số trong một số.</li> <li>+ Nói đúng được số theo nội dung.</li> <li>+ Làm tròn được số tới hàng chục nghìn, trăm nghìn.</li> <li>+ Liên hệ thực tế nêu được số dân và làm tròn số tới hàng nghìn, triệu</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                    |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> </ul>                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |            |             |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------|------------|-------------|----------------------|---|--------|-----------|-------------|---------------------------------|---------|-----------|------------|-------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li><li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li></ul>                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |            |             |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li></ul> <p><b>* Bài 1/VLT tr.22: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi 1 HS đọc YC</li><li>- GV gọi nối tiếp HS nêu miệng các phần</li><li>- Gọi HSNX</li><li>- GV nhận xét, khen học sinh</li></ul> <p>=&gt; GV chốt cách xác định các chữ số trong 1 lớp của một số</p> | <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc YC</li><li>- HS nêu: Cho số 719 604 375</li><li>a/ Các chữ số thuộc lớp triệu của số đã cho là: 7; 1; 9</li><li>b/ Các chữ số thuộc lớp nghìn của số đã cho là: 6; 0; 4</li><li>c/ Các chữ số thuộc lớp đơn vị của số đã cho là: 3; 7; 5</li><li>- Học sinh nhận xét</li></ul>                                                                                                                                                                   |           |            |             |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |
| <p><b>* Bài 2: VLT/19</b></p> <p>a/ <b>Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu)</b></p> <p>b/ <b>Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS nhận xét</li><li>- GV nhận xét, khen</li></ul> <p>=&gt; GV chốt lại cách viết số thành tổng</p>                                                                          | <ul style="list-style-type: none"><li>- 2 HS lên bảng làm bài</li><li>-HS đọc lại nội dung lời giải</li><li>a/ <math>40\ 500\ 017 = 40\ 000\ 000 + 500\ 000 + 10 + 7</math></li><li><math>100\ 100\ 101 = 100\ 000\ 000 + 100\ 000 + 100 + 1</math></li><li>b/ <math>200\ 430\ 500 = 200\ 000\ 000 + 400\ 000 + 30\ 000 + 500</math></li><li><math>7\ 000\ 000 + 500\ 000 + 3\ 000 + 20 = 7\ 503\ 020</math></li></ul>                                                                            |           |            |             |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |
| <p><b>* Bài 3: Số? VLT/19</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho học sinh lên bảng làm</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS nhận xét.</li></ul> <p>? Nhờ vào đâu để xác định giá trị của chữ số 9?</p>                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>- 4 HS lên bảng làm bài</li></ul> <table><tr><td>Số</td><td>854 679</td><td>1 194 476</td><td>19 432 375</td><td>900 145 027</td></tr><tr><td>Giá trị của chữ số 9</td><td>9</td><td>90 000</td><td>9 000 000</td><td>900 000 000</td></tr><tr><td>Làm tròn số đến hàng trăm nghìn</td><td>900 000</td><td>1 200 000</td><td>19 400 000</td><td>900 100 000</td></tr></table> <ul style="list-style-type: none"><li>-HS đọc lại nội dung lời giải</li></ul> | Số        | 854 679    | 1 194 476   | 19 432 375 | 900 145 027 | Giá trị của chữ số 9 | 9 | 90 000 | 9 000 000 | 900 000 000 | Làm tròn số đến hàng trăm nghìn | 900 000 | 1 200 000 | 19 400 000 | 900 100 000 |
| Số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 854 679                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1 194 476 | 19 432 375 | 900 145 027 |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |
| Giá trị của chữ số 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 90 000    | 9 000 000  | 900 000 000 |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |
| Làm tròn số đến hàng trăm nghìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 900 000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1 200 000 | 19 400 000 | 900 100 000 |            |             |                      |   |        |           |             |                                 |         |           |            |             |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - YC HS nêu lại cách làm tròn số<br>→ <i>Gv chốt cách làm tròn số</i>                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| * <b>Bài 4:</b><br>- GV gọi 1 hs đọc đề bài<br>- GV gọi HS nêu cách làm<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br>→ <i>GV chốt cách lập số từ yêu cầu cho trước.</i>                                                                                                                                                | - Hs đọc đề<br>- HS nêu cách làm<br>- Hs nêu kết quả:<br>Mỗi số lập là số tròn trăm nghìn và sử dụng ít nhất các chữ số 0 nên 5 chữ số từ chữ số từ hàng đơn vị đến hàng chục nghìn là chữ số 0; Vì số có 9 chữ số có đủ các số đã cho nên 4 chữ số còn lại thuộc hàng trăm nghìn và lớp triệu được viết bởi các số 1, 2, 3; Lớp triệu đều là chữ số 1 và được sử dụng nhiều nhất nên có 1 chữ số 1 ở lớp triệu.<br>Vậy các số lập được là: 112 300 000; 121 300 000; 211 300 000; 113 200 000; 131 200 000; 311 200 000 |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- Từ các số 8; 6; 5; 0 hãy lập 5 số có chín chữ số có đủ các chữ số trên mà các số làm tròn tới hàng trăm nghìn và các số lớp triệu đều là các số chẵn<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau: Tiết 1 tuần 7 | - HS nghe<br><br><br>- HS thực hiện<br>- HS trả lời, nhận xét<br><br><br>- HS nghe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 7: SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

#### Tiết 21: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ – Trang 26

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết được cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số
  - + Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm các số.

+Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm các số.

## 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

## 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số</li> <li>+ Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm các số.</li> </ul> </li> <li>+Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm các số.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                    |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2 / 26 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 26 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế</li> </ul>                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p><b>* Bài 1: Điền dấu &lt;, &gt;, = ? / VLT tr.26</b></p> <p>- Cho HS đọc yêu cầu bài tập. Xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>a) 6 812 305 <input type="text"/> 999 999<br/> 7 186 345 <input type="text"/> 7 186 350<br/> 10 011 001 <input type="text"/> 1 011 001</p> <p>b) 1 080 500 <input type="text"/> 100 000 + 8 000 + 500<br/> 1 000 000 <input type="text"/> số lớn nhất có sáu chữ số<br/> 3 000 000 + 5000 + 4 <input type="text"/> 3 005 004</p> <p>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</p> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p>-GV hỏi HS cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số.</p> <p><b>→ Gv chốt cách cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số</b></p> | <p>- Học sinh đọc yêu cầu bài tập</p> <p>- HS nối tiếp trả lời</p> <p>- Học sinh nhận xét</p> <p>-HS trả lời</p> <p>-HS chú ý lắng nghe</p>                                                                                                                                                                                           |
| <p><b>* Bài 2:</b> Viết các số 2 332 400, 6 320 500, 909 123, 100 000 000 theo thứ tự:</p> <p>a) Từ bé đến lớn:.....</p> <p>b) Từ lớn đến bé:.....</p> <p>-GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-Xác định yêu cầu bài tập hỏi gì?</p> <p>- GV cho 2 bạn lên bảng làm bài tập các học sinh khác quan sát và nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>-GV yêu cầu mỗi HS đọc bài làm của mình và chia sẻ cách làm của mình. Các bạn khác nghe nhận xét và bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh –</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>-HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>-HS xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>-2 HS lên bảng thực hiện làm bài tập.</p> <p>a) Từ bé đến lớn: 909 123, 2 332 400, 6 320 500, 100 000 000</p> <p>b) Từ lớn đến bé: 100 000 000, 6 320 500, 2 332 400, 909 123.</p> <p>-HS đọc kết quả bài làm và chia sẻ cách làm bài. HS khác nhận xét bổ</p> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>đúng và chốt đáp án.</p> <p>→ Gv chốt cách Nhận biết được cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số. Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm các số.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>sung.</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                                    |
| <p>* <b>Bài 3: VLT/26</b> :Viết số thích hợp vào chỗ chấm:</p> <p>a) Số lớn nhất có sáu chữ số là:.....</p> <p>b) Số bé nhất có sáu chữ số khác nhau là:....</p> <p>c) Số chẵn bé nhất có chín chữ số khác nhau là:....</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện làm bài và chia sẻ bài làm.</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>→ Gv chốt tìm được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm các số theo yêu cầu.</p>                                                                                                                            | <p>-HS đọc yêu cầu bài tập và xác định yêu cầu bài tập</p> <p>- 3 HS nối tiếp lên bảng làm bài</p> <p>a) 999 999</p> <p>b) 102 345</p> <p>c) 102 346</p> <p>-HS nhận xét bài bạn</p> <p>-HS chú ý lắng nghe</p> |
| <p>* <b>Bài 4:</b></p> <p>a) Em hãy xếp các que tính thành số 3 048 257 như hình trong sách:</p> <p>b) Di chuyển hai que tính trong hình em vừa xếp để được số có bảy chữ số lớn nhất có thể. Viết số đó:....</p> <p>- GV gọi 1 hs nêu</p> <p>-GV gọi 1-2 HS lên bảng di chuyển que tính trên bảng để đọc số mà mình tạo được.</p> <p>-GV quan sát và ghi kết quả khi HS tìm được lên bảng, gọi HS khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả: được số 9949257</p> <p>→ Gv chốt cách di chuyển 2 que tính để được số có bảy chữ số lớn nhất có thể.</p> | <p>-Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>-Hs nêu kết quả theo cách làm. HS lên bảng di chuyển que tính để được số mà mình đã tìm ra.</p> <p>-HS nêu số.</p> <p>-HS quan sát để hiểu cách làm đúng nhất</p>             |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS nêu lại cách so sánh số có nhiều chữ số.</li> <li>- Trên thực tế cuộc sống hàng ngày của chúng ta gặp rất nhiều các nhóm số và dựa vào cách so sánh số có nhiều chữ số ta có thể sắp xếp chúng theo yêu cầu bài tập. Các em cần nắm rõ cách so sánh và đọc kĩ yêu cầu để làm bài tập cho đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 7</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu lại</li> <li>- HS chú ý lắng nghe</li> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện theo yêu cầu.</li> </ul> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                       |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 7: SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**  
**Tiết 02:– Trang 26**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Làm quen, nhận biết số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
  - + Hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên
  - + Vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm quen, nhận biết số tự nhiên và dãy số tự nhiên.</li> <li>+ Hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên</li> <li>+ Vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 27 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 27Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời kết quả</li> </ul>                                                                                                                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:</b></p> <p>a) Trong dãy số tự nhiên, số đứng trước lớn hơn số đứng s□</p> <p>b) Số tự nhiên bé nhất là 0</p> <p>c) Số tự nhiên lớn nhất là 1 000 000 000</p> <p>d) Số liền sau của một số lớn hơn số liền trước của số đó 1 đơn vị</p> <p>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời. Mỗi câu trả lời GV yêu cầu HS giải thích theo ý hiểu.</p> <p>- GV nhận xét bài làm kết hợp trình chiếu trên bảng kết quả để HS đối chiếu kết quả, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p><b>→ Gv chốt về dãy số tự nhiên.</b></p>                                                                                                                                                                                                                               | <p>a. S</p> <p>b. Đ</p> <p>c. S</p> <p>d. Đ</p> <p>-HS trả lời nối tiếp và giải thích</p> <p>- Học sinh chú ý quan sát.</p> <p>-HS chú ý lắng nghe.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <p><b>* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b></p> <p>a) 2 020, 2 022, 2 024,.....,.....,....., 2 032.</p> <p>b) Số liền sau của số lớn nhất có chín chữ số là.....</p> <p>c) Trong dãy số tự nhiên, số đứng ở vị trí một triệu viết là:.....</p> <p>d) Chữ số 1 trong số 815 357 246 ở hàng....., thuộc lớp....., có giá trị là:....</p> <p>- GV cho HS làm bài vào bảng phụ thời gian 15 phút làm bài trên. GV mời 2 HS đại diện 2 nhóm lên bảng treo bảng phụ báo cáo kết quả. HS ở dưới quan sát so sánh hai bài của hai nhóm nhận xét bổ sung</p> <p>- Cho học sinh nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</p> <p><b>→ Gv chốt hiểu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên. Vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài</b></p> | <p>-HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>- 2HS lên treo bảng phụ. HS khác nhận xét.</p> <p>a) 2 020, 2 022, 2 024, <b>2 026, 2 028, 2 030</b>, 2 032.</p> <p>b) Số liền sau của số lớn nhất có chín chữ số là <b>1 000 000 000</b></p> <p>c) Trong dãy số tự nhiên, số đứng ở vị trí một triệu viết là: <b>1 000 001</b></p> <p>d) Chữ số 1 trong số 815 357 246 ở hàng <b>chục triệu</b>, thuộc lớp <b>triệu</b>, có giá trị là: <b>10 0000 0000</b></p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p> |

*tập.*

**\* Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống để được so sánh đúng**

a)  $351\ 689\ 869 < 351\ 6\ \square\ 1\ 869$

b)  $102\ 721\ 012 > 102\ 721\ \square\square 6$

c)  $91\ 237\ 546 = \square 12\ \square 7\ 5\square 6$

d)  $500\ 001 = \square 00\ 000 + 1$

- GV cho học sinh lên thực hiện làm bài.

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức.

→ *Gv chốt bài làm trên màn hình. GV chốt lại kiến thức so sánh số tự nhiên.*

-HS đọc yêu cầu bài tập

- 4 HS nối tiếp lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm

-HS khác dưới lớp làm vở, đổi vở soát, nhận xét nêu cách làm

a)  $351\ 689\ 869 < 351\ 691\ 869$

b)  $102\ 721\ 012 > 102\ 721\ 006$

c)  $91\ 237\ 546 = 91\ 237\ 546$

d)  $500\ 001 = 500\ 000 + 1$

**\* Bài 4**

- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu bài tập

- GV gọi HS phân tích đề

-GV cho HS thảo luận nhóm 2 phân tích đề và tìm hướng giải.

- GV nhận xét, chốt kết quả: 762 843 951; 726 843 951; 267 843 951;...

-Hs đọc đề.

- Bài toán cho biết: từ các chữ số từ 1-9 hãy lập ba số có chín chữ số khác nhau. Biết rằng ở mỗi số, tổng các chữ số trong lớp triệu, nghìn, đơn vị bằng nhau và bằng 15.

-HS nêu hướng giải

-Hs nêu kết quả:

Ta nhận thấy :

$1+2+3+4+5+6+7+8+9 = 45$ , theo đầu bài tổng các chữ số trong mỗi lớp triệu, nghìn, đơn vị bằng nhau và bằng 15 ( vì  $45 : 3 = 15$ ). Có thể ghép như sau:

$7+6+2 = 8+4+3 = 9+5+1$ . Từ đó dễ dàng lập được các số thỏa mãn đề bài, chẳng hạn: 762 843 951; 726 843 951; 267 843 951;...

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>→ Gv chốt cách vận dụng kiến thức đã học về dãy số tự nhiên để làm bài tập.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em viết hai số lần lượt có tám, chín chữ số:</li> <li>- Chỉ vào từng chữ số của mỗi số nói số đó thuộc hàng nào, lớp nào, giá trị của số đó là bao nhiêu.</li> <li>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 1</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS ngồi cùng bàn nêu số theo yêu cầu của bài tập và viết vào bảng phụ.</li> <li>- Mỗi dãy chuyển bảng phụ đã ghi đáp án cho nhau và nhận xét cho nhóm bạn.</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS nghe</li> </ul> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

## TOÁN

### TUẦN 7: SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

#### Tiết 03:– Trang 27

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - +Đọc, viết số có nhiều chữ số (ôn tập).
  - + Củng cố được lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu. Đồng thời nhận biết các hàng tương ứng (ôn tập).
  - +Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1 000 000 000. Thực hiện sắp xếp số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại (bổ sung).

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Đọc, viết số có nhiều chữ số (ôn tập).</li> <li>+ Cùng cố được lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu. Đồng thời nhận biết các hàng tương ứng (ôn tập).</li> <li>+Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1 000 000 000. Thực hiện sắp xếp số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại (bổ sung).</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 27 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 27 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                         |

| <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>* <b>Bài 1:</b> Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)./VLT tr.27</p> <p>- Cho HS quan sát mẫu</p> <table> <tr> <th>Số</th><th>104 639</th><th>81 102 516</th><th>9 324 673</th><th>109 235 070</th></tr> <tr> <td>C/S gạch chân thuộc lớp nào?</td><td>Lớp nghìn</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Giá trị của c/s gạch chân</td><td>4000</td><td></td><td></td><td></td></tr> </table> <p>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</p> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p>→ Gv chốt củng cố được lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu. Đồng thời nhận biết các hàng tương ứng.</p>       |           |            |           |             | Số | 104 639 | 81 102 516 | 9 324 673 | 109 235 070 | C/S gạch chân thuộc lớp nào? | Lớp nghìn |           |           |           | Giá trị của c/s gạch chân | 4000 |         |    |         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|-----------|-------------|----|---------|------------|-----------|-------------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------------------------|------|---------|----|---------|
| Số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 104 639   | 81 102 516 | 9 324 673 | 109 235 070 |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| C/S gạch chân thuộc lớp nào?                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lớp nghìn |            |           |             |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| Giá trị của c/s gạch chân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4000      |            |           |             |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| <p>-HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu</p> <p>- Học sinh trả lời</p> <table> <tr> <th>Số</th><th>104 639</th><th>81 102 516</th><th>9 324 673</th><th>109 235 070</th></tr> <tr> <td>C/S gạch chân thuộc lớp nào?</td><td>Lớp nghìn</td><td>Lớp nghìn</td><td>Lớp nghìn</td><td>Lớp nghìn</td></tr> <tr> <td>Giá trị của c/s gạch chân</td><td>4000</td><td>100 000</td><td>70</td><td>9000 00</td></tr> </table> <p>- Học sinh nhận xét chữa bài</p>                                                                                                                                                                                                                           |           |            |           |             | Số | 104 639 | 81 102 516 | 9 324 673 | 109 235 070 | C/S gạch chân thuộc lớp nào? | Lớp nghìn | Lớp nghìn | Lớp nghìn | Lớp nghìn | Giá trị của c/s gạch chân | 4000 | 100 000 | 70 | 9000 00 |
| Số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 104 639   | 81 102 516 | 9 324 673 | 109 235 070 |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| C/S gạch chân thuộc lớp nào?                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lớp nghìn | Lớp nghìn  | Lớp nghìn | Lớp nghìn   |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| Giá trị của c/s gạch chân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4000      | 100 000    | 70        | 9000 00     |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| <p>* <b>Bài 2:</b> Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VLT/28)</p> <p>Theo tổng hợp dữ liệu của Ban dân số năm 2019, số dân của Việt Nam, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a được cho như sau:</p> <p>Việt Nam: 97 338 579 người</p> <p>Nhật Bản: 126 476 461 người</p> <p>In-đô-nê-xi-a: 273 523 615 người</p> <p>a) Trong ba nước trên, nước đông dân nhất là.....; nước ít dân nhất là.....</p> <p>b) Viết số dân của ba nước trên theo thứ tự từ lớn đến bé</p> <p>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</p> <p>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Con bướm vàng”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</p> |           |            |           |             |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |
| <p>- HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>-1HS xác định yêu cầu bài tập</p> <p>-2HS lên bảng thi và làm bài</p> <p>a) Trong ba nước trên, nước đông dân nhất <b>In-đô-nê-xi-a: 273 523 615 người</b>; nước ít dân nhất là <b>Việt Nam: 97 338 579</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |            |           |             |    |         |            |           |             |                              |           |           |           |           |                           |      |         |    |         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- Cho học sinh nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</p> <p>➔ <i>Gv chốt cách nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1 000 000 000. Thực hiện sắp xếp số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p><b>người.</b></p> <p>b) Viết số dân của ba nước trên theo thứ tự từ lớn đến bé: 273 523 615; 126 476 461; 97 338 579.</p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p> |
| <p><b>* Bài 3: VLT/28 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</b></p> <p>Trong một siêu thị điện máy, giá tiền của ba mặt hàng máy vi tính, máy giặt, rô-bốt hút bụi là 6 500 000 đồng, 17 000 000 đồng, 9 000 000 đồng. Biết rằng rô-bốt hút bụi có giá thấp nhất, máy vi tính có giá trị cao nhất. Bác Lâm đến siêu thị mua một chiếc máy giặt. Vậy bác Lâm cần chuẩn bị số tiền là:</p> <p>A. 6 500 000 đồng</p> <p>B. 17 000 000 đồng</p> <p>C. 9 000 000 đồng</p> <p>- GV cho học sinh nhận xét nêu thắc mắc với bạn.</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>➔ <i>Gv chốt cách nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1 000 000 000. Thực hiện sắp xếp số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.</i></p> | <p>- 1 HS lên bảng nêu bài làm</p> <p>- HS giải thích vì sao chọn đáp án C.</p> <p>-HS chú ý lắng nghe</p>                                                                        |
| <p><b>* Bài 4:</b> Trong dãy số tự nhiên, bạn Nguyên chọn ra bốn số tự nhiên liên tiếp rồi viết cạnh nhau theo thứ tự đó. Cuối cùng Nguyên viết được một số tự nhiên có chín chữ số. Em hãy tìm số mà bạn Nguyên đã viết.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nêu cách chọn và tìm kết quả.</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả: 979 899 100</li> <li>➔ <i>Gv chốt cách chọn và viết số tự nhiên theo yêu cầu.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hs đọc đề nêu cách làm</li> <li>-Hs nêu cách chọn và viết được một số tự nhiên có chín chữ số:</li> <li>Đáp án: 979 899 100</li> </ul>                                                                                        |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm số tự nhiên x biết: x là số tròn trăm và <math>680 &lt; x &lt; 790</math></li> <li>- GV cho học sinh suy nghĩ và mời HS giơ tay nhanh nhất để trả lời.</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 2 tiết 1</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>+ X thỏa mãn điều kiện lớn hơn 680 và nhỏ hơn 790.</li> <li>+ x là một số tròn trăm</li> <li>Vậy <math>x = 700</math></li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                       |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 8: Tiết 01:LUYỆN TẬP CHUNG(Tiếp theo)**  
**Trang 29**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Đọc, viết, xếp được thứ tự các số tròn trăm nghìn.
  - + So sánh các số có nhiều chữ số.
  - + Làm quen với dãy số tự nhiên.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+Đọc, viết, xếp được thứ tự các số đến hàng triệu<br>+ Viết được các số tròn triệu.<br>+Nhận biết dãy số tự nhiên                                                                                                                                                                                                                       | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                                        |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 / 29 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 29,30 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>-Hs làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.                 |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1a: Viết các số tròn trăm nghìn bé hơn một triệu</b><br>- Cho HS làm việc nhóm 2<br>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời<br><b>Bài 1b: Viết các số tròn triệu bé hơn một tỉ</b><br><br>- GV hướng dẫn HS làm bài                                                                                                                                                             | - Học sinh trả lời:<br><i>Các số tròn trăm nghìn bé hơn 1 triệu là: 100 000, 200 000, 300 000, 400 000, 500 000, 600 000, 700 000, 800 000, 900 000</i> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.<br/> <b>→ Gv chốt cách viết số tròn trăm nghìn, số tròn triệu</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>- HS nối tiếp trả lời<br/> <i>Các số tròn triệu bé hơn 1 tỉ là:</i><br/> 1 000 000, 2 000 000, 3 000 000,<br/> 4 000 000, 5 000 000, 6 000 000,<br/> 7 000 000, 8 000 000, 9 000 000<br/> - Học sinh nhận xét<br/> - HS khác bổ sung</p>                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VLT/29)</b><br/> - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài<br/> Cho biết số dân của một số tỉnh, thành phố năm 2019( theo tổng cục thống kê)như sau:<br/> Hà Giang: 854 679 người, Hà Nội 8 053 663 người, Quảng Trị 632 375 người, TP Hồ Chí Minh 8 993 052 người, Cà Mau 1 194 476 người<br/> a) Làm tròn số dân của các tỉnh thành phố trên đến hàng trăm nghìn.<br/> b) Những tỉnh, thành phố có số dân lớn hơn 1 triệu người là.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/> - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> <b>→ Gv chốt cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn</b></p> | <p>- HS nêu yêu cầu của bài<br/> - HS lắng nghe cách thực hiện<br/> - HS thực hiện làm bài</p> <p>a) Làm tròn số dân của các tỉnh thành phố trên đến hàng trăm nghìn.<br/> Hà Giang có khoảng 900 000 người, Hà Nội có khoảng 8 000 000 người, Quảng Trị 600 000 người, TP Hồ Chí Minh 9 000 000 người, Cà Mau 1 000 000 người.<br/> b) Những tỉnh, thành phố có số dân lớn hơn 1 triệu người là.Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.<br/> - HS nhận xét<br/> - HS lắng nghe, quan sát</p> |
| <p><b>* Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống để được so sánh đúng VLT/29</b><br/> Đúng ghi Đ, sai ghi s.<br/> a) <math>351\ 689\ 869 = 351\ 6\ \square\ \square\ 8\ \square\ 9</math><br/> b) <math>902\ 011\ 982 &gt; 902\ \square\ \square\ 6\ 102</math><br/> c) <math>36\ 50\ \square\ 7\ \square\ 1 = 3\ \square\ 504\ 731</math><br/> - GV cho học sinh lên thực hiện<br/> - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/> <b>→ Gv chốt cách so sánh các số có nhiều chữ số</b></p>                                                                                                                                                            | <p>- 3 HS lên bảng làm bài<br/> a.: <math>351\ 689\ 869 = 351\ 6\mathbf{89}\ 869</math><br/> b.: <math>902\ 011\ 982 &gt; 902\ \mathbf{016}\ 102</math><br/> c.: <math>36\ 50\mathbf{4}\ 7\mathbf{31} = 3\mathbf{6}\ 504\ 731</math><br/> -HS đọc lại nội dung lời giải</p>                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>* Bài 4:VLT/30</b><br/> - GV gọi 1 hs nêu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Trong một dãy phố, các nhà được đánh số hai bên. Một bên là các nhà mang số chẵn 2, 4, 6,... một bên là các nhà mang số lẻ 1, 3, 5.....Bắt đầu từ nhà số 1 và số 2, bạn Đăng đi 1 lúc rồi dừng lại và quan sát thấy mình vừa đi qua nhà số 245 và số 248. Hỏi Đăng vừa đi qua tất cả bao nhiêu nhà.</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>→ <i>Gv chốt cách tìm quy luật của dãy số</i></p> | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>-Hs nêu kết quả:</p> <p>Bạn Đăng đã đi qua tất cả 2 nhà mang số 246, 247</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi Gieo hạt để học sinh thực hiện tìm số tròn trăm nghìn bằng cách chọn đáp án và viết ra bảng con</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 8</p>                                                                                                                             | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>- HS nghe</p>                         |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                               |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 2: YẾN, TẠ, TẤN**  
**Tiết 02:– Trang 30**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn, mối quan hệ của yến, tạ, tấn với ki – lô – gam.
- Biết chuyển đổi đơn vị đo giữa tạ, tấn và ki-lô-gam.
- Biết thực hiện phép tính với các số đo: yến, tạ, tấn.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

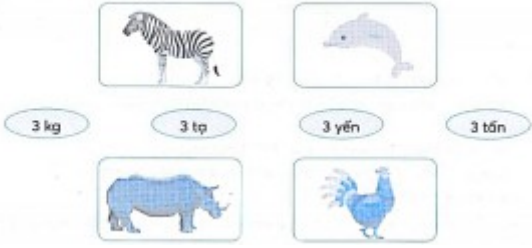
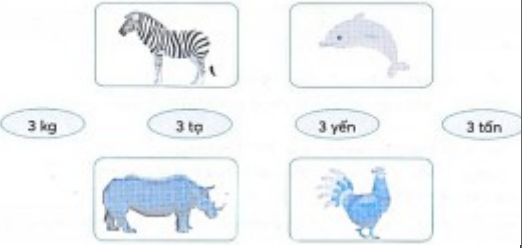
## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+ Cộng trừ nhằm các số tròn chục nghìn, tròn trăm... đến 1 000 000<br>+ Thực hiện giải toán có lời văn dạng hơn kém một số đơn vị (ôn tập).<br>+ Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)                                                                                                                               | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                     |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 30 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 30 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS làm bài<br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1: Nói mỗi con vật với cân nặng thích hợp trong thực tế VLT tr.30</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Học sinh trả lời và giải thích cách làm<br>- HS nối tiếp trả lời kết quả                                                             |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Nối mỗi con vật với cân nặng thích hợp trong thực tế.</p>  <p>3 kg      3 tạ      3 yến      3 tấn</p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/>         - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> <b>→ Gv chốt cách so sánh các đơn vị đo khối lượng lớn hơn kg.</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>1. Nối mỗi con vật với cân nặng thích hợp trong thực tế.</p>  <p>3 kg      3 tạ      3 yến      3 tấn</p> <p>- Học sinh đối vở soát ,nhận xét</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <p>* <b>Bài 2:</b> Viết số thích hợp vào chỗ trống</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>a) 3 yến 5kg = .....kg    3 tạ 2 yến = ...yến<br/>         3 tấn 7 tạ = .....tấn<br/>         48kg = ....yến....kg    3 tạ 20kg=.....kg<br/>         3000kg= .....tấn</p> <p>b) 4 yến +26 yến – 30 yến = ....yến<br/>         17 tạ - 7 tạ = .....tạ= .....tấn<br/>         25 tấn x 8 + 15 tấn = ....tấn<br/>         24 tấn : 3 – 7 tấn = .....tấn</p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/>         - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> <b>→ Gv chốt cách tính giá trị biểu thức khi có các đơn vị đo khối lượng</b></p> | <p>- HS lắng nghe cách thực hiện<br/>         - HS thực hiện làm bài</p> <p>a) 3 yến 5kg = <b>35</b> kg    3 tạ 2 yến = <b>32</b> yến    3 tấn 7 tạ = <b>37</b> tạ<br/>         48kg = <b>4</b> yến <b>8</b> kg<br/>         3 tạ 20kg= <b>302</b> kg<br/>         3000kg= <b>3</b> tấn</p> <p>b) 4 yến +26 yến – 30 yến = <b>0</b> yến<br/>         17 tạ - 7 tạ = <b>0</b> tạ= <b>1</b> tấn<br/>         25 tấn x 8 + 15 tấn = <b>215</b> tấn<br/>         24 tấn : 3 – 7 tấn = <b>1</b> tấn</p> <p>- HS nhận xét<br/>         - HS lắng nghe, quan sát</p> |
| <p>* <b>Bài 3: VLT/30 :</b></p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập<br/>         ? Bài toán cho biết gì?</p> <p>? Bài toán hỏi gì?</p> <p>? Muốn biết xe nâng đó có nâng được 45 bao gạo cùng lúc không ta làm như thế nào?</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài<br/>         - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>- 2 HS đọc yêu cầu bài tập<br/>         + Một xe nâng có thể nâng được nhiều nhất 2 tấn hàng hóa.Mỗi Bao gạo cân nặng 5 yến.</p> <p>+ Hỏi xe nâng đó có thể nâng được 45 bao gạo loại đó cùng lúc không?</p> <p>+ Đổi 2 tấn = 200 (yến)</p> <p>Tính cân nặng của 45 bao gạo<br/>         45 bao gạo cân nặng tất cả là:<br/>         45 x 5 = 225 (yến)</p> <p>+ Vậy xe nâng đó sẽ không nâng được 45 bao gạo cùng lúc.<br/>         - HS chữa bài</p>                                                                                                     |
| <p>* <b>Bài 4 :VLT/31</b></p> <p>- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu của bài.<br/>         Voi bố, voi mẹ, voi anh và voi em có cân</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>nặng lần lượt là: 3 tấn, 2 400kg, 1500kg, 10 yến. Gia đình voi cần đi qua một cây cầu treo, nhưng cầu treo chỉ cho phép khối lượng đi qua mỗi lượt không quá 4 tấn. Hỏi gia đình voi cần qua cầu như thế nào để nhanh nhất (hết ít lượt qua cầu nhất)</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> → <i>Gv chốt cách giải toán theo suy luận</i></p>                                                           | <p>-Hs nêu kết quả:<br/> Đổi 3 tấn = 3000kg<br/> 10 yến = 100 kg<br/> + Lần 1: Voi bố và voi em sẽ qua cầu<br/> + Lần 2 : Voi mẹ và voi anh sẽ qua cầu</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Hãy cho biết bạn nào viết đúng:<br/> 2 tấn 5kg = ...kg<br/> + Bạn Lan viết:<br/> 2500 kg<br/> + Bạn Việt viết:<br/> 2005kg</p> <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích<br/> - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br/> - GV nhận xét giờ học.<br/> - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. tiết 3 tuần 8</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét<br/> + <i>Bạn Việt viết: Đúng</i><br/> - HS nghe</p>                                      |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                            |

**TOÁN**  
**TUẦN 8: LUYỆN TẬP CHUNG**  
**Tiết 03:– Trang 31**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Sắp xếp các số tự nhiên theo đúng thứ tự
  - + Tính tiền của một số đồ vật.
  - + Giải toán có lời văn.
  - + Củng cố đơn vị đo khối lượng

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HD Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Thực hiện đổi các đơn vị đo khối lượng theo yêu cầu.</li> <li>+Giải toán với nhiều phép tính</li> <li>+ Củng cố tiền Việt Nam</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                                 |
| <b>2. HD Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 31, 32 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 31,32 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                  |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> <li>* <b>Bài 1:</b> Viết các số 7 031 732, 7 631 450, 7 431 352 ./<b>VLT tr.31</b></li> <li>a) Từ bé đến lớn:.....</li> <li>b) Từ lớn đến bé:.....</li> <li>- Cho HS quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu</li> <li>- Học sinh trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ bé đến lớn: 7 031 732, 7 431 352,</li> </ul> </li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</p> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p>→ <i>Gv chốt cách so sánh các số có nhiều chữ số.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>7 631 450</p> <p>+ Từ lớn đến bé: 7 631 450, 7 431 352,</p> <p>7 031 732</p> <p>- HS nối tiếp trả lời</p> <p>- Học sinh nhận xét chữa bài</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <p><b>* Bài 2:</b></p> <p>Trong một siêu thị, giá tiền của một số mặt hàng được cho như sau:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;">  <p>Kẹo sô-cô-la: 165 900 đồng/hộp;</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Nho đen nhập khẩu: 235 500 đồng/kg;</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;">  <p>Nước ngọt: 220 000 đồng/thùng;</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Xe đạp đồ chơi: 495 000 đồng/chiếc.</p> </div> </div> <p>a) Làm tròn đến hàng trăm nghìn giá tiền của một mặt hàng trên rồi viết tiếp vào chỗ trống cho thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- kẹo sô cô la có giá khoảng ..... đồng</li> <li>- Nho đen nhập khẩu có giá khoảng ..đồng</li> <li>- Nước ngọt có giá khoảng ..... đồng</li> <li>- Xe đạp đồ chơi có giá khoảng ..... đồng</li> </ul> <p>b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng</p> <p>Cô Loan muốn mua một chiếc xe đạp đồ chơi cho con gái của mình. Hỏi cô cần dùng tờ tiền nào dưới đây để trả cho cửa hàng?</p> <p>A: 200 000 đồng    B: 500 000 đồng</p> <p>C: 100 000 đồng    D: 50 000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> <li>- kẹo sô cô la có giá khoảng 200 000 đồng</li> <li>- Nho đen nhập khẩu có giá khoảng 200 000 đồng</li> <li>- Nước ngọt có giá khoảng 200 000 đồng</li> <li>- Xe đạp đồ chơi có giá khoảng 500 000 đồng</li> </ul> <p>b) Cô Loan cần tờ tiền 500 000 đồng để trả cho cửa hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3: VLT/32 :</b></p> <p>Sáng chủ nhật hai anh em Đăng và Sơn cùng bố mẹ đi thu hoạch cam. Kết quả thu hoạch buổi sáng , bố hái được 1 tạ cam, mẹ hái được 7 yến cam, Đăng và Sơn mỗi người đều hái được 25kg cam. Hỏi cả nhà thu hoạch được bao nhiêu kg cam?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nêu toán tất đề , tìm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng làm bài</li> </ul> <p>Đáp án</p> <p>Đổi 1 tạ = 100 kg</p> <p>7 yến = 70 kg</p> <p>Hai anh em hái được tất cả số kg cam là: <math>25 \times 2 = 50</math> (kg)</p> <p>Cả nhà thu hoạch được số kg cam là:</p> <p><math>100 + 70 + 50 = 220</math> (kg)</p>                                                                                                                                                                                 |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                  |           |             |           |        |          |       |        |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------|--------|----------|-------|--------|------|
| hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở<br>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br>→ Gv chốt cách giải và trình bài toán có lời văn dạng giải bài toán bằng hai phép tính.                                                                                                                                                      | Đáp số : 220 kg<br>-HS đọc lại nội dung lời giải                                                                                                                                                                                                 |           |             |           |        |          |       |        |      |
| * Bài 4: Trong một khu bảo tồn thiên nhiên hươu cao cổ phương bắc , bò tót Đông Nam Á, trâu rừng châu Phi có cân nặng là: 1 tấn, 1500 kg, 8 tạ. Biết rằng hươu cao cổ phương bắc nặng hơn bò tót Đông Nam Á nhưng nhẹ hơn trâu rừng châu Phi.<br>- GV gọi 1 hs nêu cách lập luận và tìm trả lời.<br>- GV nhận xét, chốt kết quả: | Hs đọc đề nêu cách làm<br>-Hs nêu cách lập luận: <table><tr><td>Con vật</td><td>Hươu cao cổ</td><td>Trâu rừng</td><td>Bò tót</td></tr><tr><td>Cân nặng</td><td>1 tấn</td><td>1500kg</td><td>8 tạ</td></tr></table><br><br>- HS nhận xét chữa bài | Con vật   | Hươu cao cổ | Trâu rừng | Bò tót | Cân nặng | 1 tấn | 1500kg | 8 tạ |
| Con vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hươu cao cổ                                                                                                                                                                                                                                      | Trâu rừng | Bò tót      |           |        |          |       |        |      |
| Cân nặng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1 tấn                                                                                                                                                                                                                                            | 1500kg    | 8 tạ        |           |        |          |       |        |      |
| 3. HĐ Vận dụng<br>- Làm tròn đến hàng trăm nghìn mỗi số sau<br>215 234, 450 347,365 200,153945<br>- GV cho học sinh quan sát, nối tiếp trả lời<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 9 tiết 1                                                                                         | - HS nghe<br>- HS thực hiện<br><br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe                                                                                                                                                                           |           |             |           |        |          |       |        |      |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:<br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                  |           |             |           |        |          |       |        |      |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 8: Tiết 01:LUYỆN TẬP CHUNG(Tiếp theo)**  
**Trang 29**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Đọc, viết, xếp được thứ tự các số tròn trăm nghìn.
  - + So sánh các số có nhiều chữ số.
  - + Làm quen với dãy số tự nhiên.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hoạt động của học sinh                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho HS hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+Đọc, viết, xếp được thứ tự các số đến hàng triệu<br>+ Viết được các số tròn triệu.<br>+Nhận biết dãy số tự nhiên                                                                                                                                                                                                                       | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                        |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 / 29 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 29,30 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>-HS làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1a: Viết các số tròn trăm nghìn bé hơn một triệu</b><br>- Cho HS làm việc nhóm 2<br>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời<br><i>Các số tròn trăm nghìn bé hơn 1 triệu là:</i><br>100 000, 200 000, 300 000, 400 000,<br>500 000, 600 000, 700 000, 800 000,<br>900 000                                                                                                        | - Học sinh trả lời:<br><br>- HS nối tiếp trả lời<br>- Học sinh nhận xét<br>- HS khác bổ sung                                            |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Bài 1b: Viết các số tròn triệu bé hơn một tỉ</b></p> <p><i>Các số tròn triệu bé hơn 1 tỉ là:</i><br/> 1 000 000, 2 000 000, 3 000 000,<br/> 4 000 000, 5 000 000, 6 000 000,<br/> 7 000 000, 8 000 000, 9 000 000</p> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p>→ <i>Gv chốt cách viết số tròn trăm nghìn, số tròn triệu</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VLT/29)</b></p> <p>- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài</p> <p>Cho biết số dân của một số tỉnh, thành phố năm 2019( theo tổng cục thống kê)như sau:</p> <p>Hà Giang: 854 679 người, Hà Nội 8 053 663 người, Quảng Trị 632 375 người, TP Hồ Chí Minh 8 993 052 người, Cà Mau 1 194 476 người</p> <p>a) Làm tròn số dân của các tỉnh thành phố trên đến hàng trăm nghìn.</p> <p>b) Những tỉnh, thành phố có số dân lớn hơn 1 triệu người là.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</p> <p>→ <i>Gv chốt cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn</i></p> | <p>- HS nêu yêu cầu của bài</p> <p>- HS lắng nghe cách thực hiện</p> <p>- HS thực hiện làm bài</p> <p>a) Làm tròn số dân của các tỉnh thành phố trên đến hàng trăm nghìn.<br/> Hà Giang có khoảng 900 000 người, Hà Nội có khoảng 8 000 000 người, Quảng Trị 600 000 người, TP Hồ Chí Minh 9 000 000 người, Cà Mau 1 000 000 người.</p> <p>b) Những tỉnh, thành phố có số dân lớn hơn 1 triệu người là. Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.</p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p> |
| <p><b>* Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống để được so sánh đúng VLT/29</b></p> <p>Đúng ghi Đ, sai ghi S.</p> <p>a) <math>351\ 689\ 869 = 351\ 6\ \square\ \square\ 8\ \square\ 9</math></p> <p>b) <math>902\ 011\ 982 &gt; 902\ \square\ \square\ 6\ 102</math></p> <p>c) <math>36\ 50\ \square\ 7\ \square\ 1 = 3\ \square\ 504\ 731</math></p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>→ <i>Gv chốt cách so sánh các số có nhiều</i></p>                                                                                                                                                                   | <p>- 3 HS lên bảng làm bài</p> <p>a.: <math>351\ 689\ 869 = 351\ 689\ 869</math></p> <p>b.: <math>902\ 011\ 982 &gt; 902\ 016\ 102</math></p> <p>c.: <math>36\ 504\ 731 = 36\ 504\ 731</math></p> <p>-HS đọc lại nội dung lời giải</p>                                                                                                                                                                                                                                                     |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><i>chữ số</i></p> <p><b>* Bài 4:VLT/30</b></p> <p>- GV gọi 1 hs nêu</p> <p>Trong một dãy phố, các nhà được đánh số hai bên. Một bên là các nhà mang số chẵn 2, 4, 6,...một bên là các nhà mang số lẻ 1, 3, 5.....Bắt đầu từ nhà số 1 và số 2, bạn Đăng đi 1 lúc rồi dừng lại và quan sát thấy mình vừa đi qua nhà số 245 và số 248. Hỏi Đăng vừa đi qua tất cả bao nhiêu nhà.</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>→ <i>Gv chốt cách tìm quy luật của dãy số</i></p> | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>-Hs nêu kết quả:</p> <p>Bạn Đăng đã đi qua tất cả 2 nhà mang số 246, 247</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi Gieo hạt để học sinh thực hiện tìm số tròn trăm nghìn bằng cách chọn đáp án và viết ra bảng con</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.Tiết 2 tuần 8</p>                                                                                                                                                                                                        | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>- HS nghe</p>                         |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                               |

## LUYỆN TOÁN

### TUẦN 2: YẾN, TẠ, TẤN

**Tiết 02:– Trang 30**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

##### **1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn, mối quan hệ của yến, tạ, tấn với ki – lô – gam.
- Biết chuyển đổi đơn vị đo giữa tạ, tấn và ki-lô-gam.
- Biết thực hiện phép tính với các số đo: yến, tạ, tấn.

##### **2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+ Cộng trừ nhằm các số tròn chục nghìn, tròn trăm... đến 1 000 000<br>+ Thực hiện giải toán có lời văn dạng hơn kém một số đơn vị (ôn tập).<br>+ Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)                                                                                                                               | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                         |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 30 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 30 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1: Nối mỗi con vật với cân nặng thích hợp trong thực tế VLT tr.30</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Học sinh trả lời và giải thích cách làm<br><br>- HS nối tiếp trả lời kết quả<br><br><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b>                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Nối mỗi con vật với cân nặng thích hợp trong thực tế.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> <br/>             3 kg         </div> <div style="text-align: center;"> <br/>             3 tạ         </div> <div style="text-align: center;"> <br/>             3 yến         </div> <div style="text-align: center;"> <br/>             3 tấn         </div> </div> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/>         - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> <i>→ Gv chốt cách so sánh các đơn vị đo khối lượng lớn hơn kg.</i></p> | <p>- Học sinh đối vở soát ,nhận xét</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p>* <b>Bài 2:</b> Viết số thích hợp vào chỗ trống</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>a) 3 yến 5kg = .....kg    3 tạ 2 yến = ...yến<br/>         3 tấn 7 tạ = ....tạ<br/>         48kg = ....yến.....kg    3 tạ 20kg=.....kg<br/>         3000kg= .....tấn</p> <p>b) 4 yến +26 yến – 30 yến = ....yến<br/>         17 tạ - 7 tạ = .....tạ= .....tấn<br/>         25 tấn x 8 + 15 tấn = ....tấn<br/>         24 tấn : 3 – 7 tấn = .....tấn</p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/>         - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> <i>→ Gv chốt cách tính giá trị biểu thức khi có các đơn vị đo khối lượng</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>- HS lắng nghe cách thực hiện<br/>         - HS thực hiện làm bài</p> <p><b>ĐƯA LỜI GIẢI LÊN ĐÂY NHÉ</b></p> <p>- HS nhận xét<br/>         - HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <p>* <b>Bài 3: VLT/30 :</b></p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập<br/>         ? Bài toán cho biết gì?</p> <p>? Bài toán hỏi gì?</p> <p>? Muốn biết xe nâng đó có nâng được 45 bao gạo cùng lúc không ta làm như thế nào?</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài<br/>         - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>- 2 HS đọc yêu cầu bài tập<br/>         + Một xe nâng có thể nâng được nhiều nhất 2 tấn hàng hóa.Mỗi Bao gạo cân nặng 5 yến.<br/>         + Hỏi xe nâng đó có thể nâng được 45 bao gạo loại đó cùng lúc không?<br/>         + Đổi 2 tấn = 200 (yến)<br/>         Tính cân nặng của 45 bao gạo<br/>         45 bao gạo cân nặng tất cả là:<br/>         45 x 5 = 225 (yến)<br/>         + Vậy xe nâng đó sẽ không nâng được 45 bao gạo cùng lúc.<br/>         - HS chữa bài</p> |
| <p>* <b>Bài 4 :VLT/31</b></p> <p>- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu của bài.<br/>         Voi bố, voi mẹ, voi anh và voi em có cân</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>nặng lần lượt là: 3 tấn, 2 400kg, 1500kg, 10 yến. Gia đình voi cần đi qua một cây cầu treo, nhưng cầu treo chỉ cho phép khối lượng đi qua mỗi lượt không quá 4 tấn. Hỏi gia đình voi cần qua cầu như thế nào để nhanh nhất (hết ít lượt qua cầu nhất)</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> <b>→ Gv chốt cách giải toán theo suy luận</b></p>                                                           | <p>-Hs nêu kết quả:<br/> Đổi 3 tấn = 3000kg<br/> 10 yến = 100 kg<br/> + Lần 1: Voi bố và voi em sẽ qua cầu<br/> + Lần 2 : Voi mẹ và voi anh sẽ qua cầu</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Hãy cho biết bạn nào viết đúng:<br/> 2 tấn 5kg = ...kg<br/> + Bạn Lan viết:<br/> 2500 kg<br/> + Bạn Việt viết:<br/> 2005kg</p> <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích<br/> - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br/> - GV nhận xét giờ học.<br/> - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. tiết 3 tuần 8</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét<br/> + <i>Bạn Việt viết: Đúng</i><br/> - HS nghe</p>                                      |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                            |

**TOÁN**  
**TUẦN 8: LUYỆN TẬP CHUNG**  
**Tiết 03:– Trang 31**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Sắp xếp các số tự nhiên theo đúng thứ tự
  - + Tính tiền của một số đồ vật.
  - +Giải toán có lời văn.
  - +Củng cố đơn vị đo khối lượng

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Thực hiện đổi các đơn vị đo khối lượng theo yêu cầu.</li> <li>+Giải toán với nhiều phép tính</li> <li>+ Củng cố tiền Việt Nam</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 31, 32 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 31,32 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p>* <b>Bài 1:</b> Viết các số 7 031 732, 7 631 450, 7 431 352 .<b>VLT tr.31</b></p> <p>a) Từ bé đến lớn:.....</p> <p>b) Từ lớn đến bé:.....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu</li> <li>- Học sinh trả lời:</li> <li>+ Từ bé đến lớn: 7 031 732, 7 431 352,</li> </ul>                          |

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời
- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.

→ Gv chốt cách so sánh các số có nhiều chữ số.

**\* Bài 2:**

Trong một siêu thị, giá tiền của một số mặt hàng được cho như sau:



Kẹo sô-cô-la: 165 900 đồng/hộp;



Nho đen nhập khẩu: 235 500 đồng/kg;



Nước ngọt: 220 000 đồng/thùng;



Xe đạp đồ chơi: 495 000 đồng/chiếc.

a) Làm tròn đến hàng trăm nghìn giá tiền của một mặt hàng trên rồi viết tiếp vào chỗ trống cho thích hợp

- kẹo sô cô la có giá khoảng ..... đồng
- Nho đen nhập khẩu có giá khoảng ..đồng
- Nước ngọt có giá khoảng ..... đồng
- Xe đạp đồ chơi có giá khoảng ..... đồng

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Cô Loan muốn mua một chiếc xe đạp đồ chơi cho con gái của mình. Hỏi cô cần dùng tờ tiền nào dưới đây để trả cho cửa hàng?

A: 200 000 đồng    B: 500 000 đồng

C: 100 000 đồng    D: 50 000 đồng

- Cho học sinh nhận xét
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn

**\* Bài 3: VLT/32 :**

Sáng chủ nhật hai anh em Đăng và Sơn cùng bố mẹ đi thu hoạch cam. Kết quả thu hoạch buổi sáng , bố hái được 1 tạ cam, mẹ hái được 7 yến cam, Đăng và Sơn mỗi người đều hái được 25kg cam. Hỏi cả nhà thu hoạch được bao nhiêu kg cam?

- GV cho học sinh nêu toán tất đề , tìm

7 631 450

+ Từ lớn đến bé: 7 631 450, 7 431 352,

7 031 732

- HS nối tiếp trả lời
- Học sinh nhận xét chữa bài

- HS lắng nghe cách thực hiện
- HS thực hiện làm bài
- kẹo sô cô la có giá khoảng 200 000 đồng
- Nho đen nhập khẩu có giá khoảng 200 000 đồng
- Nước ngọt có giá khoảng 200 000 đồng
- Xe đạp đồ chơi có giá khoảng 500 000 đồng

b) Cô Loan cần tờ tiền 500 000 đồng để trả cho cửa hàng

- HS nhận xét
- HS lắng nghe, quan sát

- 2 HS lên bảng làm bài

Đáp án

Đổi 1 tạ = 100 kg

7 yến = 70 kg

Hai anh em hái được tất cả số kg cam là:  $25 \times 2 = 50$  (kg)

Cả nhà thu hoạch được số kg cam là:

$100 + 70 + 50 = 220$  (kg)

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                  |           |             |           |        |          |       |        |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------|--------|----------|-------|--------|------|
| hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở<br>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br>→ Gv chốt cách giải và trình bày bài toán có lời văn dạng giải bài toán bằng hai phép tính.                                                                                                                                                  | Đáp số : 220 kg<br>-HS đọc lại nội dung lời giải                                                                                                                                                                                                 |           |             |           |        |          |       |        |      |
| * Bài 4: Trong một khu bảo tồn thiên nhiên hươu cao cổ phương bắc , bò tót Đông Nam Á, trâu rừng châu Phi có cân nặng là: 1 tấn, 1500 kg, 8 tạ. Biết rằng hươu cao cổ phương bắc nặng hơn bò tót Đông Nam Á nhưng nhẹ hơn trâu rừng châu Phi.<br>- GV gọi 1 hs nêu cách lập luận và tìm trả lời.<br>- GV nhận xét, chốt kết quả: | Hs đọc đề nêu cách làm<br>-Hs nêu cách lập luận: <table><tr><td>Con vật</td><td>Hươu cao cổ</td><td>Trâu rừng</td><td>Bò tót</td></tr><tr><td>Cân nặng</td><td>1 tấn</td><td>1500kg</td><td>8 tạ</td></tr></table><br><br>- HS nhận xét chữa bài | Con vật   | Hươu cao cổ | Trâu rừng | Bò tót | Cân nặng | 1 tấn | 1500kg | 8 tạ |
| Con vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hươu cao cổ                                                                                                                                                                                                                                      | Trâu rừng | Bò tót      |           |        |          |       |        |      |
| Cân nặng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1 tấn                                                                                                                                                                                                                                            | 1500kg    | 8 tạ        |           |        |          |       |        |      |
| 3. HĐ Vận dụng<br>- Làm tròn đến hàng trăm nghìn mỗi số sau<br>215 234, 450 347,365 200,153945<br>- GV cho học sinh quan sát, nối tiếp trả lời<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 9 tiết 1                                                                                         | - HS nghe<br>- HS thực hiện<br><br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe                                                                                                                                                                           |           |             |           |        |          |       |        |      |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:<br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                  |           |             |           |        |          |       |        |      |

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 9: ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG,

### MI-LI-MÉT VUÔNG. GIẤY, THẺ KỈ.

### **Tiết 01: ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG – Trang 33**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

##### **1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và mét vuông (ôn tập).
  - + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).
  - + Ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ôn tập).

##### **2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HD Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và mét vuông (ôn tập).</li> <li>+ Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).</li> <li>+ Ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ôn tập).</li> </ul> </li> </ul>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                 |
| <b>2. HD Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <b>* Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)/VLT tr.33</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời:</li> </ul>                                                                                                                                    |

| Đọc số đo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Viết số đo        | Đọc số đo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Viết số đo        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Mười lăm đề-xi-mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 15dm <sup>2</sup> | Mười lăm đề-xi-mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 15dm <sup>2</sup> |
| Hai mươi tư đề-xi-mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   | Hai mươi tư đề-xi-mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 24dm <sup>2</sup> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 105 dm            | Một trăm linh năm đề-xi-mét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 105 dm            |
| Một trăm linh tư mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   | Một trăm linh tư mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 104m <sup>2</sup> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 36 m <sup>2</sup> | Ba mươi sáu mét vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 36 m <sup>2</sup> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 72m               | Bảy mươi hai đề-xi-mét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 72m               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ GV chốt cách đọc, viết đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và mét vuông.</p> <p><b>* Bài 2: Nối mỗi vật với số đo diện tích bề mặt thích hợp trong thực tế (VLT/33)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 4 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li> <li>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ GV chốt cách ước lượng số đo diện tích của các tình huống trong thực tế.</p> |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |
| <p><b>* Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. VLT/33</b></p> <p>a) 5 dm<sup>2</sup> = .....cm<sup>2</sup><br/> 500cm<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup><br/> 4 dm<sup>2</sup> 15 cm<sup>2</sup> = ..... cm<sup>2</sup></p> <p>b) 7 m<sup>2</sup> = .....dm<sup>2</sup><br/> 700dm<sup>2</sup> = ..... m<sup>2</sup><br/> 9 m<sup>2</sup> 80 dm<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup></p> <p>→ GV chốt cách chuyển đổi các số đo diện tích</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> <li>+ SGK toán: 6 dm<sup>2</sup></li> <li>+ Biển hiệu măng non: 1m<sup>2</sup></li> <li>+ Thảm hoa: 1m<sup>2</sup></li> <li>+ Nhãn vở: 6 cm<sup>2</sup></li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                |                   |
| <p><b>* Bài 4: &gt;; &lt;; =? VLT/34</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 3 HS làm bài</li> </ul> <p>a) 2 dm<sup>2</sup> 75 cm<sup>2</sup> <input type="text"/> 4cm<sup>2</sup> + 75 cm<sup>2</sup><br/> 8 dm<sup>2</sup> <input type="text"/> 9dm<sup>2</sup> - 2 cm<sup>2</sup></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng làm bài</li> </ul> <p>a) 5 dm<sup>2</sup> = 500 cm<sup>2</sup><br/> 500cm<sup>2</sup> = 5 dm<sup>2</sup><br/> 4 dm<sup>2</sup> 15 cm<sup>2</sup> = 415 cm<sup>2</sup></p> <p>b) 7 m<sup>2</sup> = 700 dm<sup>2</sup><br/> 700dm<sup>2</sup> = 7 m<sup>2</sup><br/> 9 m<sup>2</sup> 80 dm<sup>2</sup> = 980 dm<sup>2</sup></p> |                   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   | <p>3 HS lên bảng làm bài</p> <p>a) 2 dm<sup>2</sup> 75 cm<sup>2</sup> <input type="text"/> 4cm<sup>2</sup> + 75 cm<sup>2</sup></p>                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| $3 \text{ dm}^2 \times 3$ <input type="text"/> $2700 \text{ cm}^2 : 3$<br>b) $4 \text{ m}^2 30 \text{ dm}^2$ <input type="text"/> $3 \text{ m}^2 + 200 \text{ cm}^2$<br>$15 \text{ m}^2 - 4 \text{ m}^2$ $150 \text{ dm}^2 - 40 \text{ dm}^2$<br>$21 \text{ m}^2 : 3$ $1400 \text{ dm}^2 \times 5$<br>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br>→ <i>GV chốt cách chuyển đổi, tính toán và so sánh các đơn vị đo diện tích.</i> | $8 \text{ dm}^2$ $9 \text{ dm}^2 - 2 \text{ cm}^2$<br>$3 \text{ dm}^2 \times 3$ $2700 \text{ cm}^2 : 3$<br>b) $4 \text{ m}^2 30 \text{ dm}^2$ $3 \text{ m}^2 + 200 \text{ cm}^2$<br>$15 \text{ m}^2 - 4 \text{ m}^2$ $150 \text{ dm}^2 - 40 \text{ dm}^2$<br>$21 \text{ m}^2 : 3$ $1400 \text{ dm}^2 \times 5$ |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- Hãy ước lượng diện tích của lớp học.<br>- GV cho học sinh quan sát xung quanh lớp học. Gọi 1 số HS nêu kết quả của mình.<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 9                                                                                                  | - HS nghe<br>- HS thực hiện<br>- HS trình bày kết quả<br><br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe                                                                                                                                                                                                               |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 9: ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG,**  
**MI-LI-MÉT VUÔNG. GIẤY, THẾ KỈ.**  
**Tiết 02– Trang 34**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết được đơn vị đo diện tích mi-li-mét vuông (ôn tập).
  - + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).
  - + Làm quen với các đơn vị thời gian: giây, thế kỉ. Chuyển đổi và tính toán với các đơn vị thời gian đã học (ôn tập).
  - + Giải được các bài toán thực tế liên quan đến đơn vị thời gian (ôn tập).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

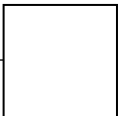
**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được đơn vị đo diện tích mi-li-mét vuông (ôn tập).</li> <li>+ Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).</li> <li>+ Làm quen với các đơn vị thời gian: giây, thế kỉ. Chuyển đổi và tính toán với các đơn vị thời gian đã học (ôn tập).</li> <li>+ Giải được các bài toán thực tế liên quan</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-------------------|--------|-----|
| đến đơn vị thời gian (ôn tập).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 4 Vở luyện tập Toán.</li><li>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li><li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li><li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li><li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li></ul> |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <b>* Bài 1: Nối (theo mẫu) VLT tr.34</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS quan sát:</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <table><tr><td>Sáu mươi lăm mi-li-mét-vuông</td></tr><tr><td>Diện tích của hình vuông cạnh 1cm</td></tr><tr><td>Chiều dài của một con kiến khoảng</td></tr><tr><td>Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm</td></tr><tr><td>Thời gian 1 ngôi sao băng xuất hiện</td></tr></table>                                                                                                                                                       | Sáu mươi lăm mi-li-mét-vuông | Diện tích của hình vuông cạnh 1cm | Chiều dài của một con kiến khoảng | Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm | Thời gian 1 ngôi sao băng xuất hiện | <table><tr><td>100mm<sup>2</sup></td></tr><tr><td>1mm<sup>2</sup></td></tr><tr><td>65mm<sup>2</sup></td></tr><tr><td>3 giây</td></tr><tr><td>4mm</td></tr></table> | 100mm <sup>2</sup> | 1mm <sup>2</sup> | 65mm <sup>2</sup> | 3 giây | 4mm |
| Sáu mươi lăm mi-li-mét-vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Diện tích của hình vuông cạnh 1cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Chiều dài của một con kiến khoảng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Thời gian 1 ngôi sao băng xuất hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 100mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 1mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 65mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 3 giây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 4mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li><li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <b>→ GV chốt cách đọc, viết số đo diện tích mi-li-mét vuông.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <b>* Bài 2:</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VLT/34)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>a) 7 cm<sup>2</sup> = .....mm<sup>2</sup><br/>.....m m<sup>2</sup> = 8 cm<sup>2</sup><br/>6 cm<sup>2</sup> 78 mm<sup>2</sup> = ..... mm<sup>2</sup></li><li>b) 5 phút = .....giây<br/>8 giờ = ..... phút<br/>6 thế kỉ = ..... năm</li></ul>                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho học sinh nhận xét</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>-HS làm bài</li><li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <table><tr><td>Sáu mươi lăm mi-li-mét-vuông</td></tr><tr><td>Diện tích của hình vuông cạnh 1cm</td></tr><tr><td>Chiều dài của một con kiến khoảng</td></tr><tr><td>Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm</td></tr><tr><td>Thời gian 1 ngôi sao băng xuất hiện</td></tr></table>                                                                                                                                                       | Sáu mươi lăm mi-li-mét-vuông | Diện tích của hình vuông cạnh 1cm | Chiều dài của một con kiến khoảng | Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm | Thời gian 1 ngôi sao băng xuất hiện | <table><tr><td>100mm<sup>2</sup></td></tr><tr><td>1mm<sup>2</sup></td></tr><tr><td>65mm<sup>2</sup></td></tr><tr><td>3 giây</td></tr><tr><td>4mm</td></tr></table> | 100mm <sup>2</sup> | 1mm <sup>2</sup> | 65mm <sup>2</sup> | 3 giây | 4mm |
| Sáu mươi lăm mi-li-mét-vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Diện tích của hình vuông cạnh 1cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Chiều dài của một con kiến khoảng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Thời gian 1 ngôi sao băng xuất hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 100mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 1mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 65mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 3 giây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| 4mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- HS nối tiếp trả lời</li><li>- Học sinh nhận xét</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- 2 HS lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| Lớp làm vở, đổi vở soát, nhận xét nêu cách làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>a) 7 cm<sup>2</sup> = 700 mm<sup>2</sup><br/>800 m m<sup>2</sup> = 8 cm<sup>2</sup><br/>6 cm<sup>2</sup> 78 mm<sup>2</sup> = 678 mm<sup>2</sup></li><li>b) 5 phút = 300 giây<br/>8 giờ = 480 phút<br/>6 thế kỉ = 600 năm</li></ul>                                                                                                                                                                 |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- HS nhận xét</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                              |                                   |                                   |                                          |                                     |                                                                                                                                                                    |                    |                  |                   |        |     |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> → GV chốt đối đơn vị diện tích và đơn vị thời gian.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                                                |
| <p><b>* Bài 3: VLT/34 :</b></p> <p>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”<br/> + 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</p> <p>a) Năm 1010, vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình) về Thăng Long (nay là Hà Nội). Năm đó thuộc thế kỉ nào?</p> <p>A. Thế kỉ I                      B. Thế kỉ II<br/> C. Thế kỉ X                      D. Thế kỉ XI</p> <p>b) “Danh nhân văn hoá thế giới Chu Văn An – một nhà giáo dục có tư tưởng tiên bộ, đi trước thời đại. Ông là một trong bốn danh nhân kiệt xuất của Việt Nam được UNESCO vinh danh. Năm 2020, lễ kỉ niệm 650 năm ngày mất danh nhân Chu Văn An (1370- 2020) được UNESCO phối hợp tổ chức vào Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.”</p> <p>Chu Văn An được UNESCO vinh danh vào năm nào, thuộc thế kỉ nào?</p> <p>A. Năm 1370, thế kỉ XIII<br/> B. Năm 1370, thế kỉ XIV<br/> C. Năm 2020, thế kỉ XX<br/> D. Năm 2020, thế kỉ XXI</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài<br/> - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/> → GV chốt cách xác định thế kỉ.</p> | <p>- HS lắng nghe cách thực hiện<br/> - 2 HS lên bảng chơi trò chơi</p> <p>- a) D. Thế kỉ XI<br/> - b) D. Thế kỉ XXI<br/> - HS liên hệ</p>                                                                     |
| <p><b>* Bài 4 -VLT/34</b></p> <p>- GV gọi 1 HS nêu</p> <p>Mảnh đất nhà bạn Đăng có hình dạng và kích thước như hình dưới đây. Em hãy tính diện tích của mảnh đất đó.</p> <p>8m</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>- HS đọc đề nêu cách làm<br/> - HS nêu kết quả:<br/> Bài giải</p> <p>Diện tích phần đất hình vuông là:<br/> <math>8 \times 8 = 64 \text{ (m}^2\text{)}</math><br/> Diện tích phần đất hình chữ nhật là:</p> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">18m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nêu toán tất đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> </ul> <p style="color: red;">➔ <i>GV chốt cách tính diện tích của 1 hình.</i></p>                                                  | <p style="text-align: center;"> <math>18 \times 8 = 144 \text{ (m}^2\text{)}</math><br/>           Diện tích mảnh đất đó là:<br/> <math>64 + 144 = 208 \text{ (m}^2\text{)}</math><br/>           Đáp số: <math>208 \text{ m}^2</math> </p> |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy cho biết bạn nào viết đúng: Tám mươi lăm mi-li-mét- vuông</li> <li>+ Bạn An viết: <math>85 \text{ mm}^2</math></li> <li>+ Bạn Trang viết: <math>85 \text{ cm}^2</math></li> <li>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 9</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>+ <i>Bạn Lan viết: Đúng</i></li> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                                 |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                             |

**TUẦN 9: ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG,  
MI-LI-MÉT VUÔNG. GIẤY, THẺ KỈ.**

**Tiết 03:– Trang 35**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Nhận biết được các đơn vị đo diện tích (ôn tập).
  - + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).
  - + Ước lượng các kết quả đo lường trong 1 số trường hợp đơn giản (ôn tập).
  - + Giải được các bài toán thực tế liên quan đến đơn vị thời gian (ôn tập).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được các đơn vị đo diện tích (ôn tập).</li> <li>+ Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).</li> <li>+ Ước lượng các kết quả đo lường trong 1 số trường hợp đơn giản (ôn tập).</li> <li>+ Giải được các bài toán thực tế liên quan đến đơn vị thời gian (ôn tập).</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

**2. HĐ Luyện tập, thực hành.**

**Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.

- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 4 Vở luyện tập Toán.
- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.
- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.
- HS làm bài

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

**Hoạt động 2:** Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

**\* Bài 1:** Nối (theo mẫu). /VLT tr.36

- GV cho 2 đội, mỗi đội 3 HS lên thực hiện với hình thức trò chơi: “*Tiếp sức*”  
+ *Lần lượt các thành viên trong đội lên chọn 1 đáp án (HS số 1 thực hiện xong thì đến HS thứ 2,...), cứ như thế cho đến hết thời gian. Bên nào nhanh và trả lời đúng thì bên đó thắng.*

a) Sân trường có diện tích khoảng:

- A. 3 000 mm<sup>2</sup>      B. 3 000 dm<sup>2</sup>  
C. 3 000 m<sup>2</sup>      D. 3 000 cm<sup>2</sup>

b) Bạn Đăng nhìn thấy gói đường có kiến. Bạn nhìn kĩ thấy gói đường bị thủng một lỗ nhỏ. Diện tích lỗ thủng của gói đường khoảng:

- A. 1 cm<sup>2</sup>      B. 1 dm<sup>2</sup>  
C. 1 m<sup>2</sup>      D. 1 mm<sup>2</sup>

c) Mẹ chở bạn Nguyên đi trên đường. Đến một ngã tư có cột đèn giao thông vừa xuất hiện đèn tín hiệu màu đỏ. Nguyên nói với: “Mẹ con mình phải chờ đến đèn xanh mới đi được ạ!”. Nguyên và mẹ sẽ chờ đến đèn xanh trong khoảng:

- A. 1 giờ      B. 1 giây  
C. 60 giờ      D. 60 giây

- GV nhận xét bài làm trên bảng khen đội chiến thắng.

→ GV chốt cách ước lượng bài toán thực tế liên quan đến đơn vị diện tích và đơn vị thời gian.

- HS lắng nghe cách thực hiện
- 2 đội lên thực hiện trò chơi
- a) C. 3 000 m<sup>2</sup>
- b) D. 1 mm<sup>2</sup>
- c) D. 60 giây

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 2: Tính (VLT/36)</b></p> <p>a) <math>133 \text{ dm}^2 + 67 \text{ dm}^2 - 40 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots</math><br/> b) <math>3 \text{ dm}^2 - 200 \text{ cm}^2 + 15 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots</math><br/> c) <math>20 \text{ dm}^2 \times 5 - 1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots</math><br/> d) <math>4 \text{ cm}^2 + 25 \text{ mm}^2 : 5 = \dots\dots\dots</math></p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/> - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> → <i>GV chốt cách chuyển đổi và tính toán các đơn vị đo diện tích.</i></p>                                                                                               | <p>- HS thực hiện làm bài vào vở<br/> - 4 HS lên bảng chữa bài<br/> a) <math>133 \text{ dm}^2 + 67 \text{ dm}^2 - 40 \text{ dm}^2 = 200 \text{ dm}^2 - 40 \text{ dm}^2 = 160 \text{ dm}^2</math><br/> b) <math>3 \text{ dm}^2 - 200 \text{ cm}^2 + 15 \text{ cm}^2 = 300 \text{ cm}^2 - 200 \text{ cm}^2 + 15 \text{ cm}^2 = 100 \text{ cm}^2 + 15 \text{ cm}^2 = 115 \text{ cm}^2</math><br/> c) <math>20 \text{ dm}^2 \times 5 - 1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2 - 100 \text{ dm}^2 = 0 \text{ dm}^2</math><br/> d) <math>4 \text{ cm}^2 + 25 \text{ mm}^2 : 5 = 400 \text{ mm}^2 + 5 \text{ mm}^2 = 405 \text{ mm}^2</math><br/> - HS nhận xét<br/> - HS lắng nghe, quan sát</p> |
| <p><b>* Bài 3: VLT/36 :</b></p> <p>Một tấm biển quảng cáo lớn dạng hình chữ nhật có chiều dài 5m, chiều rộng 4m. Để dán hình quảng cáo lên tấm biển đó, nhà quảng cáo đã dùng các miếng ghép nhỏ hơn cùng dạng hình chữ nhật có chiều dài 25 dm và chiều rộng 8dm. Hỏi nhà quảng cáo đã dùng bao nhiêu miếng ghép như vậy để tạo ra tấm biển quảng cáo lớn đó? Coi diện tích các mạch ghép là không đáng kể.</p> <p>- GV cho học sinh nêu toán tắt đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở<br/> - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/> → <i>GV chốt cách giải và trình bày bài toán có lời văn dạng giải bài toán tính diện tích của 1 hình.</i></p> | <p>- 2 HS lên bảng làm bài<br/> Bài giải<br/> Diện tích tấm biển quảng cáo lớn là:<br/> <math>5 \times 4 = 20 \text{ (m}^2\text{)}</math><br/> Diện tích 1 miếng ghép là:<br/> <math>25 \times 8 = 200 \text{ (dm}^2\text{)}</math><br/> Đổi <math>200 \text{ dm}^2 = 2 \text{ m}^2</math><br/> Nhà quảng cáo đã dùng số miếng ghép như vậy để tạo ra tấm biển quảng cáo lớn đó là:<br/> <math>20 : 2 = 10 \text{ (miếng ghép)}</math><br/> Đáp số: 10 miếng ghép.<br/> - HS đọc lại nội dung lời giải</p>                                                                                                                                                                           |
| <p><b>* Bài 4: VLT/36 :</b></p> <p>Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Hỏi 46 năm sau ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là vào năm nào? Năm đó thuộc thế kỉ nào?</p> <p>- GV cho học sinh nêu toán tắt đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở<br/> - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p>                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>HS đọc đề nêu cách làm<br/> Bài giải<br/> 46 năm sau ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là vào năm:<br/> <math>1975 + 46 = 2021</math><br/> Năm 2021 thuộc thế kỉ XXI<br/> Đáp số: Năm 2021, thế kỉ XXI</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| tìm kết quả<br>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br><b>→ GV chốt cách giải và trình bày bài toán có lời văn dạng giải bài toán liên quan đến đơn vị thời gian.</b>                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>3. HD Vận dụng</b><br>- Tính biểu thức sau:<br>$6 \text{ m}^2 + 200 \text{ dm}^2 - 80 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots$<br>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. <u>tuần 2 tiết 1</u> | - HS nghe<br>- HS thực hiện<br>$6 \text{ m}^2 + 200 \text{ dm}^2 - 80 \text{ dm}^2$<br>$= 600 \text{ dm}^2 + 200 \text{ dm}^2 - 80 \text{ dm}^2$<br>$= 800 \text{ dm}^2 - 80 \text{ dm}^2$<br>$= 720 \text{ dm}^2$<br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                           |

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 10:

## GIẤY, THẺ KỈ (tiếp theo). THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG. LUYỆN TẬP TRUNG Tiết 01

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Làm quen với các đơn vị thời gian: giây và thế kỉ (ôn tập).
  - + Chuyển đổi và tính toán với đơn vị đo thời gian, khối lượng đã học (ôn tập).
  - + Giải được các bài toán liên quan đến đơn vị thời gian (ôn tập).

#### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

#### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho HS hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học.<br>+ Làm quen với các đơn vị thời gian: giây và thế kỉ (ôn tập).<br>+ Chuyển đổi và tính toán với đơn vị đo thời gian, khối lượng đã học (ôn tập).<br>+ Giải được các bài toán liên quan đến đơn vị thời gian (ôn tập).                                                                                                           | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.<br>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.<br>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS làm bài<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.                                                                                                                                   |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. VLT tr.37</b><br>a) 1 tuần = ....ngày      4 tuần = .... ngày<br>7 ngày = .....giờ      49 ngày = ...tuần<br>b) 8 giờ = ....phút      9 phút = ..... giây<br>2 giờ 30 phút = ....phút<br>6 phút 40 giây = .....giây<br><b>→ GV chốt cách chuyển đổi các đơn vị đo thời gian.</b>                                                       | - 2 HS lên bảng làm bài<br><br>a) 1 tuần = 7 ngày      4 tuần = 28 ngày<br>7 ngày = 168 giờ      49 ngày = 7 tuần<br>b) 8 giờ = 480 phút      9 phút = 540 giây<br>2 giờ 30 phút = 150 phút<br>6 phút 40 giây = 7 giây<br><br>- HS nối tiếp trả lời<br>- Học sinh nhận xét |
| <b>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VLT/37)</b><br>- Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                            |

bắt đầu từ năm 1418 và kết thúc thắng lợi vào năm 1427. Như vậy:

- Khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra vào thế kỉ...  
- Từ lúc khởi nghĩa Lam Sơn kết thúc đến nay là ..... năm

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ GV chốt cách xác định thế kỉ và giải các bài toán có liên quan đến đơn vị đo thời gian.

- HS lắng nghe cách thực hiện

- Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo bắt đầu từ năm 1418 và kết thúc thắng lợi vào năm 1427. Như vậy:

- Khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra vào thế kỉ **XV**

- Từ lúc khởi nghĩa Lam Sơn kết thúc đến nay là **596** năm.

- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát

**\* Bài 3: Quan sát hình vẽ dưới đây. VLT/37**



a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bao ngô cân nặng là:

A. 3kg B. 30 yến C. 3 tạ D. 3 yến

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ba bao có tổng cân nặng đúng 1 tạ là các bao...

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét,

→ GV chốt cách xác định cân nặng của các vật.

- HS lần lượt trả lời

a) Khoanh vào đáp án D

b) Ba bao có tổng cân nặng đúng 1 tạ là các bao ngô, xi măng và gạo.

- HS nhận xét

**\* Bài 4: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. VLT/37**

Thời gian mà ba bạn Minh, Quân và Nam chạy một vòng quanh sân trường lần lượt là 340 giây, 6 phút, 5 phút 50 giây. Như vậy:

-1 HS lên bảng làm bài

- Bạn Minh chạy hết ít thời gian nhất.

- Bạn Quân chạy hết nhiều thời gian

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bạn .....chạy hết ít thời gian nhất.</li> <li>- Bạn .....chạy hết nhiều thời gian nhất.</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> <b>→ GV chốt cách chuyển đổi và so sánh đơn vị đo thời gian.</b> </li> </ul>                                                                                                             | <p>nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> </ul>                                                                                           |
| <b>3. HD Vận dụng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS tính tuổi của mình? Năm 2023 thuộc thế kỉ nào?</li> <li>- Gọi 1 số HS nêu kết quả của mình.</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 10</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trình bày kết quả</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul> |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                        |

**GIẤY, THẺ KẼ (tiếp theo). THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  
SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG. LUYỆN TẬP TRUNG**  
**Tiết 02**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Củng cố sử dụng, chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế. (ôn tập).
  - + Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế (ôn tập).
  - + Nhận diện mệnh giá tiền, tính toán và đổi tiền trong các tình huống thực tế (ôn tập).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

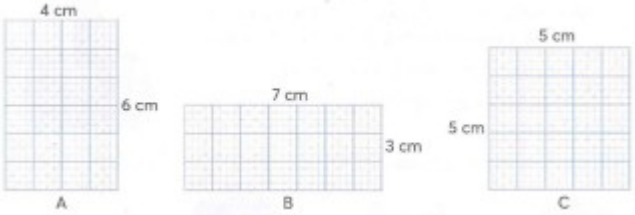
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

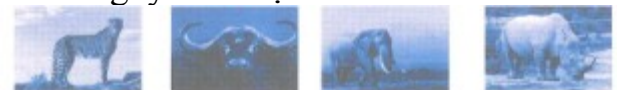
**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HD Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Củng cố sử dụng, chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế. (ôn tập).</li> <li>+ Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế (ôn tập).</li> <li>+ Nhận diện mệnh giá tiền, tính toán và đổi tiền trong các tình huống thực tế (ôn tập).</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Nối (theo mẫu) VLT tr.38</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát:</li> </ul> <p>a) Diện tích một trang giấy kẻ ô li khoảng:</p> <p>A. 400 mm<sup>2</sup>                      B. 400cm<sup>2</sup><br/> C. 400 dm<sup>2</sup>                      D. 400m<sup>2</sup></p> <p>b) Mai cắt tờ giấy ô li thành các mảnh giấy như dưới đây để tô màu trang trí</p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong ba mảnh giấy trên, mảnh giấy có diện tích lớn nhất là:</li> </ul> <p>A. Mảnh giấy A              B. Mảnh giấy B<br/> C. Mảnh giấy C</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p><b>→ GV chốt ước lượng diện tích của vật trong thực tế.</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>a) Khoanh vào đáp án A</li> <li>b) Khoanh vào đáp án C</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul>                                     |
| <p><b>* Bài 2:</b> Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. (VLT/38)</p> <p>Để chuẩn bị trang trí cho lớp học nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11, Lan mua một bó hoa, một lọ hoa và một chiếc khăn trải bàn như hình dưới đây:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div data-bbox="244 141 863 304">  <div> <div>150 000 đồng</div> <div>80 000 đồng</div> <div>20 000 đồng</div> </div> </div> <p>Lan đưa cho người bán hàng một tờ tiền 100 000 đồng và một tờ tiền 200 000 đồng. Vậy người bán phải trả lại cho Lan....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>➔ <i>GV củng cố cho HS nhận diện một số mệnh giá tiền và cách tính toán trong tình huống thực tế.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày kết quả</li> <li>- Vậy người bán phải trả lại cho Lan 50 000 đồng</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>* Bài 3:</b> Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. <b>VLT/39 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 2 nhóm HS lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li> <li>+ 2 nhóm thực hiện viết kết quả vào bảng nhóm với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Lớp chúng ta đoàn kết”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</li> </ul> <p>Cân nặng của một số con vật sống trong thảo nguyên được cho như dưới đây</p> <div data-bbox="244 1243 863 1361">  <div> <div>Báo hoa mai: 7 yến</div> <div>Trâu rừng: 5 tạ</div> <div>Voi: 7 tấn</div> <div>Tê giác: 2 tấn 100 kg</div> </div> </div> <p>Trong các con vật trên:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Con vật nặng nhất là .... Và con vật đó nặng ...kg.</li> <li>Con vật nhẹ nhất là .... Và con vật đó nặng ...kg.</li> <li>Trâu rừng và tê giác cân nặng tổng cộng là:....kg</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p>➔ <i>GV củng cố cách sử dụng và chuyển đổi đơn vị đo khối lượng.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- 2 nhóm HS lên bảng chơi trò chơi</li> </ul> <p>Trong các con vật trên:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Con vật nặng nhất là <b>voi</b> và con vật đó nặng <b>7000</b> kg.</li> <li>Con vật nhẹ nhất là <b>báo hoa mai</b> và con vật đó nặng <b>70</b> kg.</li> <li>Trâu rừng và tê giác cân nặng tổng cộng là: <b>2600</b> kg</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm khác nhận xét</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 4 -VLT/37</b></p> <p>Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</p> <p>Đào Duy Từ sinh năm 1572 và là nhà quân sự, nhà văn hoá, danh thần thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Hỏi ông sinh vào</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                                                                                                                                                                                                                                      |                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| thế kỉ nào?<br>A. Thế kỉ XII      B. Thế kỉ XVII<br>C. Thế kỉ XVI      B. Thế kỉ XVI<br>- GV cho học sinh trình bày<br>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br>- GV nhận xét, chốt kết quả:<br>➔ <i>GV chốt cách xác định thế kỉ.</i> | - 1 HS trình bày<br>- khoanh vào đáp án D |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- Hãy cho biết bạn cân nặng bao nhiêu kg?<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. tiết 3 tuần 10 | - 1 số HS trình bày<br>- HS nghe          |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                 |                                           |

**GIẤY, THẺ KẼ (tiếp theo). THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  
SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG. LUYỆN TẬP TRUNG**  
**Tiết 03**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Củng cố sử dụng, chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế. (ôn tập).
  - + Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế (ôn tập).
  - + Nhận diện mệnh giá tiền, tính toán và đổi tiền trong các tình huống thực tế (ôn tập).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

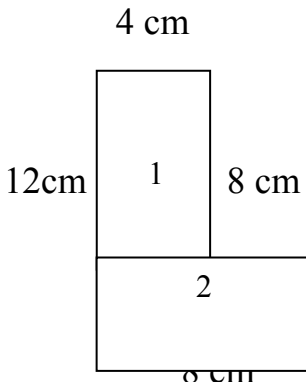
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HD Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Củng cố sử dụng, chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế. (ôn tập).</li> <li>+ Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế (ôn tập).</li> <li>+ Nhận diện mệnh giá tiền, tính toán và đổi tiền trong các tình huống thực tế (ôn tập).</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1:</b> Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p><b>VLT tr.39</b></p> <p>a) <math>2 \text{ cm}^2 = \dots \text{mm}^2</math>      <math>200 \text{ mm}^2 = \dots \text{cm}^2</math><br/> <math>5 \text{ dm}^2 = \dots \text{cm}^2</math>      <math>500 \text{ cm}^2 = \dots \text{dm}^2</math><br/> <math>9 \text{ m}^2 = \dots \text{dm}^2</math>      <math>900 \text{ dm}^2 = \dots \text{m}^2</math></p> <p>b) 9 yến = ...kg      6 yến 7 kg = .....kg<br/> 3 tạ = ...yến      2 tạ 7 kg = .....kg<br/> 5 tấn = ... tạ      4 tấn 50 kg = .....kg</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p><b>→ GV chốt cách chuyển đổi và tính toán các đơn vị đo diện tích và khối lượng</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện làm bài vào vở</li> <li>- 2 HS lên bảng chữa bài</li> </ul> <p>a) <math>2 \text{ cm}^2 = 200 \text{ mm}^2</math>    <math>200 \text{ mm}^2 = 2 \text{ cm}^2</math><br/> <math>5 \text{ dm}^2 = 500 \text{ cm}^2</math>    <math>500 \text{ cm}^2 = 5 \text{ dm}^2</math><br/> <math>9 \text{ m}^2 = 900 \text{ dm}^2</math>    <math>900 \text{ dm}^2 = 9 \text{ m}^2</math></p> <p>b) 9 yến = 90 kg      6 yến 7 kg = 67kg<br/> 3 tạ = 30yến      2 tạ 7 kg = 207kg<br/> 5 tấn = 50 tạ      4 tấn 50 kg = 450kg</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2: (VLT/39)</b></p> <p>Tính diện tích của mảnh bìa có kích thước như hình bên.</p>  <p style="text-align: center;">4 cm</p> <p style="text-align: center;">12cm    1    8 cm</p> <p style="text-align: center;">2</p> <p style="text-align: center;">8 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nêu toán tắt đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề nêu cách làm</li> <li>- HS nêu kết quả:</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Diện tích mảnh bìa hình chữ nhật 1 là:<br/> <math>8 \times 4 = 32 \text{ (cm}^2\text{)}</math></p> <p>Chiều rộng của mảnh bìa hình chữ nhật 2 là: <math>12 - 8 = 4 \text{ (cm)}</math></p> <p>Diện tích mảnh bìa hình chữ nhật 2 là:<br/> <math>8 \times 4 = 32 \text{ (cm}^2\text{)}</math></p> <p>Diện tích mảnh đất đó là:<br/> <math>32 + 32 = 64 \text{ (cm}^2\text{)}</math></p> <p style="text-align: center;">Đáp số: <math>64 \text{ cm}^2</math></p>                                                          |

- GV nhận xét, chốt kết quả:

→ *GV chốt cách tính diện tích của 1 hình.*

\* **Bài 3:** Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

- GV cho 2 nhóm HS lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

+ 2 nhóm thực hiện viết kết quả vào bảng nhóm với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Lớp chúng ta đoàn kết”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

Bảng dưới đây cho biết giá tiền của một số loại bánh.

| STT | Tên loại bánh                          | Đơn vị | Giá (đồng) |
|-----|----------------------------------------|--------|------------|
| 1   | Bánh quy                               | Hộp    | 42 000     |
| 2   | Bánh quy bơ                            | Hộp    | 48 000     |
| 3   | Bánh sữa                               | Hộp    | 33 000     |
| 4   | Bánh bông lan tầng phủ sô-cô-la vị dâu | Hộp    | 86 000     |
| 5   | Bánh xốp nhân phô mai                  | Hộp    | 55 000     |

a) Loại bánh có giá đắt nhất là .....

Loại bánh có giá rẻ nhất là .....

b) Minh mua một hộp bánh quy và một hộp bánh xốp nhân phô mai. Minh đưa cho cô bán hàng một tờ tiền 100 000 đồng. Cô bán hàng phải trả lại cho Minh .....

c) Lan muốn chọn mua hai hộp bánh khác nhau. Với số tiền 80 000 đồng, Lan có thể mua được hộp ..... và hộp.....

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

→ *GV củng cố cho HS nhận diện một số mệnh giá tiền và cách tính toán trong tình huống thực tế.*

\* **Bài 4:** Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Năm 2010 là năm kỉ niệm Đại lễ 100 năm Thăng Long- Hà Nội. Vậy tên gọi kinh đô Thăng Long (nay là Hà Nội) được đặt vào năm ....., năm đó thuộc thế kỉ....

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức tìm kết quả

- GV nhận xét, chốt kết quả:

→ *GV chốt cách xác định thế kỉ và các bài toán thực tế có liên quan đến đơn vị đo*

- HS lắng nghe cách thực hiện

- 2 nhóm HS lên bảng chơi trò chơi

a) Loại bánh có giá đắt nhất là **bánh bông lan tầng phủ sô-cô-la vị dâu**.

Loại bánh có giá rẻ nhất là **bánh sữa**.

b) Minh mua một hộp bánh quy và một hộp bánh xốp nhân phô mai. Minh đưa cho cô bán hàng một tờ tiền 100 000 đồng. Cô bán hàng phải trả lại cho Minh **3 000 đồng**.

c) Lan muốn chọn mua hai hộp bánh khác nhau. Với số tiền 80 000 đồng, Lan có thể mua được hộp **bánh quy** và hộp **bánh sữa**.

- HS đọc đề nêu cách làm

- 1 số HS trình bày

Năm 2010 là năm kỉ niệm Đại lễ 100 năm Thăng Long- Hà Nội. Vậy tên gọi kinh đô Thăng Long (nay là Hà Nội) được đặt vào năm **1010**, năm đó thuộc thế kỉ **XI**.

|                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <i>thời gian.</i>                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                    |
| <b>3. HĐ Vận dụng</b><br>- Cho HS ước lượng diện tích của bàn học.<br>- GV cho học sinh quan sát và ước lượng<br>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.<br>- GV nhận xét giờ học.<br>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 2 tiết 1 | - HS nghe<br>- HS thực hiện<br>- HS trả lời, nhận xét<br>- HS nghe |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                          |                                                                    |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 11: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾP THEO)**  
**PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**  
**Tiết 01: Trang 41**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản
  - + Cách tính thế kỉ.
  - + Thực hiện phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                           | Hoạt động của học sinh |
|---------------------------------------------------|------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát | - HS thực hiện         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản</li> <li>+ Cách tính thể tích.</li> <li>+ Thực hiện phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 41 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 41 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                  |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Nói mỗi loại xe với cân nặng thích hợp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa bài chiếu PP cho HS quan sát</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ Gv chốt cách ước lượng đơn vị đo khối lượng.</p>                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh quan sát, nêu kết quả bài làm của mình:</li> </ul> <p>Đ/A: xe đạp- 1 yến, xe máy- 1 tạ, xe ô tô con – 1 tấn, xe tải – 4000kg</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul> |
| <p><b>*Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm thích hợp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv đưa bài trên máy chiếu.</li> <li>- Yêu cầu học sinh nêu kết quả</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ Gv chốt cách tính thể tích.</p>                                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, đọc đề bài</li> <li>- HS nêu kq: Thể tích 19</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                                                                      |
| <p><b>* Bài 3: Đặt tính rồi tính</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa đề bài trên máy chiếu</li> </ul> <p>32 651 + 6 308; 370 624 + 502 341</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>832 183 + 148 090</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, khen, đưa đáp án đúng, chốt kiến thức</p> <p>→ <i>Gv chốt cách cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>- 3 HS lên bảng làm bài</p> $\begin{array}{r} 32\ 651 \\ + 6\ 308 \\ \hline 38\ 959 \end{array} \quad \begin{array}{r} 370\ 624 \\ + 502\ 341 \\ \hline 872\ 965 \end{array} \quad \begin{array}{r} 832\ 183 \\ + 148\ 090 \\ \hline 980\ 273 \end{array}$ <p>- HS đối chiếu kết quả</p>     |
| <p><b>* Bài 4:</b></p> <p>- Gv đưa đề bài trên máy chiếu, gọi hs đọc: Số ô tô được bán ra ở VN năm 2020 là 407 460 chiếc và năm 2021 là 410 390 chiếc. Hỏi cả năm 2020 và 2021, số ô tô được bán ra ở VN là bao nhiêu chiếc?</p> <p>- Gọi 1 hs lên bảng làm bài</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, đưa đáp án đúng</p> <p>→ <i>Gv chốt cách làm toán có lời văn</i></p>                                                                                                                                                                                                                                | <p>-Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>- 1Hs lên bảng</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Cả hai năm số ô tô được bán ra ở Việt Nam là:</p> $407\ 460 + 410\ 390 = 817\ 850 \text{ (c)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 817 850 chiếc</p> <p>- Lớp nhận xét, đối chiếu bài</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng:</p> <p>- GV phổ biến luật chơi, cách chơi</p> <p>- GV nêu đưa câu hỏi trên máy chiếu, HS đọc tìm nhanh đáp án trả lời:</p> <p>a. Bác Hồ sinh ngày 19/5/1890. Hỏi Bác Hồ sinh vào thế kỉ nào?</p> <p>b. Quốc khánh nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN vào ngày 02/9/1945. Hỏi năm đó thuộc thế kỉ bao nhiêu?</p> <p>c. Em đang sống ở thế kỉ nào?</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 11</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>- Thế kỉ 19</p> <p>- Thế kỉ 20</p> <p>- Thế kỉ 21</p>                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 11: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾP THEO)**  
**PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Ước lượng được giá tiền để mua một số mặt hàng trong một số trường hợp đơn giản.
  - + Thực hiện phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số.
  - + Áp dụng trừ các số có nhiều chữ số trong giải toán có văn.
  - + Từ các chữ số đã cho ghép được số lớn nhất, bé nhất.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ước lượng được giá tiền để mua một số mặt hàng trong một số trường hợp đơn giản.</li> <li>+ Thực hiện phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số.</li> <li>+ Áp dụng trừ các số có nhiều chữ số trong giải toán có văn.</li> <li>+ Từ các chữ số đã cho ghép được số lớn nhất, bé nhất.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> </ul>  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>2/ 42 Vở luyện tập Toán.</div> <div><div>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 42,43 Vở luyện tập Toán.</div><div>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</div><div>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</div><div>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</div></div>                                                                             | <div><div>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</div><div>- Hs làm bài</div></div> <div><div>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</div></div>                                                                                                                     |
| <div><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</div> <div><div>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</div><div><div><b>* Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng</b></div><div><div>- GV đưa bài chiếu PP cho HS quan sát</div><div>- GV cho học sinh nêu đáp án của mình và giải thích cách lựa chọn.</div><div>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</div><div><div>→ Gv chốt cách tính tổng tiền mua hàng.</div></div></div></div></div> | <div><div>- Học sinh quan sát, nêu kết quả bài làm của mình:</div><div>Đ/A: C</div><div>- Học sinh nhận xét</div></div>                                                                                                                                         |
| <div><div><b>* Bài 2: Đặt tính rồi tính</b></div><div><div>- Gv đưa bài trên máy chiếu.</div><div>450 862 – 23 205; 989 341 – 170 071; 355 296 – 149 028</div><div>- GV cho học sinh lên thực hiện</div><div>- GV nhận xét, khen, đưa đáp án đúng, chốt kiến thức</div><div><div>→ Gv chốt cách trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số</div></div></div></div>                                                                                                   | <div><div>- Quan sát, đọc đề bài</div><div>- 3 HS lên bảng làm bài</div><div><div>450 862      989 341      355 296</div><div>– 23 205    – 170 071    – 149 028</div><div>427 657      819 270      206 268</div></div><div>- HS đối chiếu kết quả</div></div> |
| <div><div><b>* Bài 3:</b></div><div><div>- Gv đưa đề bài trên máy chiếu, gọi hs đọc: Năm 2020, số thép nước ta xuất khẩu sang Hoa Kỳ là 167 122 tấn và xuất khẩu sang Hàn Quốc là 264 684 tấn. Hỏi trong năm 2020:</div><div>a, Số thép nước ta xuất khẩu sang cả Hoa Kỳ và Hàn Quốc là bao nhiêu tấn?</div><div>a, Số thép nước ta xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều hơn Hoa Kỳ là bao nhiêu tấn?</div><div>- GV cho học sinh lên thực hiện</div></div></div>    | <div><div>- Hs đọc đề nêu cách làm</div><div>- 1 HS lên bảng làm bài</div><div><div>Bài giải</div><div>Số thép nước ta xuất khẩu sang cả Hoa Kỳ và Hàn Quốc là:</div><div>167 122 + 264 684 = 431 806 (tấn)</div></div></div>                                   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- GV nhận xét, khen, đưa đáp án đúng, chốt kiến thức</p> <p>→ <i>Gv chốt cách giải toán có văn với 2 bước tính.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p>Số thép nước ta xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều hơn Hoa Kỳ là:<br/> <math>264\ 684 - 167\ 122 = 97\ 562</math> (tấn)<br/> Đáp số: a, 431 806 tấn<br/> b, 97 562 tấn</p> <p>- HS đối chiếu kết quả</p> |
| <p><b>* Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b></p> <p>- Gv đưa đề bài trên máy chiếu</p> <p>- Gọi lần lượt từng hs nêu số của mình</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, đưa đáp án đúng</p> <p>→ <i>Gv chốt cách tìm số bé nhất, lớn nhất từ các chữ số đã cho.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>-Hs đọc đề.</p> <p>Đ/A: Số bé nhất là: 102 345<br/> Số lớn nhất là: 854 321<br/> Hiệu của hai số đó là: 751 976</p> <p>- Lớp nhận xét, đối chiếu bài</p>                                            |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <p>- Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng:</p> <p>- GV phổ biến luật chơi, cách chơi</p> <p>- GV nêu đưa câu hỏi trên máy chiếu, HS đọc tìm nhanh đáp án trả lời:</p> <p>a. Số lớn nhất có 5 chữ số là?</p> <p>b. Số bé nhất có 6 chữ số là?</p> <p>c. Số lẻ lớn nhất có 6 chữ số khác nhau là?</p> <p>d. Số chẵn bé nhất có 5 chữ số khác nhau là?</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 3 tuần 11</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS trả lời, lớp nhận xét</p> <p>- 99 999</p> <p>- 100 000</p> <p>- 987 653</p> <p>- 10234</p>                                                                                    |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                        |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 11: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾP THEO)**  
**PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**  
**Tiết 03: Trang 44**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Thực hiện phép cộng, trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số.
  - + Áp dụng cộng, trừ các số có nhiều chữ số trong giải toán có văn.
  - + Từ các chữ số đã cho viết được số lớn nhất, bé nhất.

## 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

## 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện phép cộng, trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số.</li> <li>+ Áp dụng cộng, trừ các số có nhiều chữ số trong giải toán có văn.</li> <li>+ Từ các chữ số đã cho viết được số lớn nhất, bé nhất.</li> </ul> </li> </ul>                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                 |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 44 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 44 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |         |           |           |         |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|-----------|-----------|---------|---------|
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Số?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa bài chiếu PP cho HS quan sát</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs đọc đề bài</li> <li>- HS nối tiếp nhau nêu đáp án</li> <li>- Học sinh nhận xét chữa bài</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |         |           |           |         |         |
| <p><b>* Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv đưa đề bài trên máy chiếu, gọi hs đọc: Cùng một loại cá hồi, cửa hàng Gia Minh bán với giá 750 500 đồng 1kg và siêu thị Hoàng Thao bán với giá 799 000 đồng 1 kg. Hỏi giá cá hồi ở cửa hàng Gia Minh hay ở siêu thị Hoàng Thao đắt hơn và đắt hơn bao nhiêu tiền?</li> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, khen, đưa đáp án đúng, chốt kiến thức</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách giải toán có văn.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs đọc đề nêu cách làm</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS lên bảng làm bài</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Giá cá hồi ở siêu thị Hoàng thao đắt hơn ở cửa hàng Gia Minh và đắt hơn số tiền là:</p> $799\ 000 - 750\ 500 = 48\ 500 \text{ (đồng)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 48 500 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đối chiếu kết quả</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |         |           |           |         |         |
| <p><b>* Bài 3: Viết chữ số thích hợp vào ô trống</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv đưa đề bài trên máy chiếu</li> <li>-GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li> <li>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Con bướm vàng”;</li> <li>nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách cộng, trừ các số có nhiều chữ số có nhớ.</i></p> <p><b>* Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv đưa đề bài trên máy chiếu</li> <li>- Gọi lần lượt từng hs nêu số của mình</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hs đọc đề.</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 hs lên bảng thực hiện làm bài</li> </ul> <p>Đ/A:</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: right;">398 415</td> <td style="text-align: right;">359 626</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 170 836</td> <td style="text-align: right;">- 170 595</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">569 251</td> <td style="text-align: right;">189 031</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp nhận xét, đối chiếu bài</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>-Hs đọc đề.</li> </ul> <p>Đ/A: Số của Mai là: 835 971</p> <p>Số của An là: 235 971</p> <p>Hiệu của hai số đó là: 600 000</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp nhận xét, đối chiếu bài</li> </ul> | 398 415 | 359 626 | + 170 836 | - 170 595 | 569 251 | 189 031 |
| 398 415                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 359 626                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |         |           |           |         |         |
| + 170 836                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - 170 595                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |         |           |           |         |         |
| 569 251                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 189 031                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |         |           |           |         |         |

- GV gọi hs nhận xét, đưa đáp án đúng  
→ *Gv chốt cách tìm số bé nhất, lớn nhất từ các chữ số đã cho.*

### 3. HĐ Vận dụng

- Gv đưa bài toán: Mẹ đưa cho em 20 000 đồng để đi mua vở và bút. Giá 1 cái bút là 5 500 đồng, giá một quyển vở là 6 500 đồng. Hỏi em còn cầm về bao nhiêu tiền?
- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.
- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. tuần 12 tiết 1

- HS đọc bài toán, tìm nhanh đáp án và nêu kết quả.

- HS trả lời, nhận xét
- HS nghe

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

## LUYỆN TOÁN

### TUẦN 12:

#### Tiết 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

(Trang 45)

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

#### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:  
+ Biết tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

#### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

#### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|-------------------------|------------------------|
| 1. HĐ Khởi động         |                        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:</li> <li>+ Biết tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng .(Ôn tập)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                                                                          |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 45 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 45,46 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                           |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> <li>* <b>Bài 1: Không thực hiện phép tính, hãy viết kết quả của các phép cộng dưới đây. (theo mẫu)/VLT tr.45</b></li> <li>- Cho HS quan sát</li> <li>* <math>989 + 705 = 1694 \Rightarrow 705 + 989 = \dots\dots</math></li> <li>* <math>241 + 8693 = 8934 \Rightarrow 8693 + 241 = \dots\dots</math></li> <li>* <math>3261 + 54994 = 28255 \Rightarrow 54994 + 3261 = \dots\dots</math></li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> <li>→ Gv chốt khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi. Phép cộng có tính chất giao hoán.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời:</li> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>* <math>705 + 989 = 1694</math></li> <li>* <math>8693 + 241 = 8934</math></li> <li>* <math>54994 + 3261 = 28255</math></li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul> |
| <p>* <b>Bài 2:Tính bằng cách thuận tiện. (VLT/4)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li> <li>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> <li>a) <math>90+45+10</math>                      b) <math>65+479+35</math></li> </ul>                                                                  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>a) <math>90+45+10</math></p> <p>c) <math>125+348+75</math></p> <p>- Cho học sinh nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh, đúng và chốt đáp án.</p> <p>→ Gv chốt phép cộng có tính chất kết hợp.</p>                                                                                                                                                          | <p>b) <math>65+479+35</math></p> <p>d) <math>450+703+550</math></p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p><math>= (90+10)+45</math></p> <p><math>= 100+45</math></p> <p><math>= 145</math></p> <p>c) <math>125+348+75</math></p> <p><math>= (125+75)+348</math></p> <p><math>= 100+348</math></p> <p><math>= 1348</math></p> | <p><math>= (65+35)+479</math></p> <p><math>= 100+479</math></p> <p><math>= 149</math></p> <p>d) <math>450+703+550</math></p> <p><math>= (450+550)+703</math></p> <p><math>= 1000+703</math></p> <p><math>= 1703</math></p> |
| <p><b>*Bài 3:</b>Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.</p> <p>a) <math>2023+5+m = \dots + 2023+m</math></p> <p>b) <math>m+(n+p) = (\dots +n)+p</math></p> <p>c) <math>(82+90)+10 = \dots + (90+10)</math></p> <p>d) <math>a+b+c+d = a+(b+\dots)+d</math></p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>→ Gv Phép cộng có tính chất giao hoán và tính chất kết hợp.</p> | <p>- 2 HS lên bảng làm bài</p> <p>a) <math>2023+5+m = 5+2023+m</math></p> <p>b) <math>m+(n+p) = (m+n)+p</math></p> <p>c) <math>(82+90)+10 = 82+(90+10)</math></p> <p>d) <math>a+b+c+d = a+(b+c)+d</math></p> <p>-HS nhận xét kết quả .</p>                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>* Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện VLT/tr46</b></p> <p>- GV gọi 1 hs nêu</p> <p>a, <math>15+25+35+45+55+65+75+85 =</math></p> <p>b, <math>22+24+26+28+30+32+34+36+38=</math></p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>→ Gv chốt biết sử dụng tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép tính cộng .</p>                                                     | <p>Hs đọc yêu cầu bài</p> <p>-Hs nêu kết quả:</p> <p>a, <math>15+25+35+45+55+65+75+85</math></p> <p><math>= (15+85)+(24+75)+(45+55)</math></p> <p><math>= 100+100+100</math></p> <p><math>= 300</math></p> <p>b, <math>22+24+26+28+30+32+34+36+38</math></p> <p><math>= (22+38)+(24+36)+(26+34)+(28+32)</math></p> <p><math>= 60+60+60+60+30</math></p> <p><math>= 240+30=270</math></p> |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <p>- Kết quả của phép tính:</p> <p><math>8 \times (7 + 3) = ?</math></p> <p>A. 59 , B. 31 , C. 80, D. 800</p> <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị</p>                   | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>Đáp án : C. 80,</p> <p>- HS nghe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                            |

bài sau. Tiết 2 tuần 12.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 12: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**  
**Tiết 02:– Trang 45**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- HS vận dụng được tính giá trị của biểu thức, giải bài toán khi biết tổng và hiệu giải bài toán có lời văn .

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC****1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                               | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:</li> <li>- Biết tính giá trị của biểu thức, giải bài toán khi biết tổng và hiệu . (Ôn tập)</li> </ul>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                    |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 45 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/45 ,46 Vở luyện tập Toán.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-HS làm bài</li> </ul> |



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                              |    |     |      |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----|------|------|-----------------|---|----|----|------|--------|--|--|--|--|-------|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----|----|-----|------|-----------------|---|----|----|------|--------|---|----|-----|------|-------|---|---|----|------|
| <div><div>- Cho học sinh nhận xét</div><div>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh, đúng và chốt đáp án.</div><div>→ Gv chốt học sinh nhớ lại cách tìm:</div><div>số lớn =(Tổng +Hiệu):2</div><div>Số bé =(Tổng - Hiệu):2</div><div>hoặc Số lớn = Số bé + hiệu</div><div>Số lớn = Tổng – số bé</div><div>hoặc Số bé = Số lớn - hiệu</div><div>Số bé = Tổng – số lớn</div></div>                                                                                                                                                                                                                         | <div><div>(268 – 154 )=114 (quyển)</div><div>Đáp số :154 quyển SGK</div><div>114 quyển sách tham khảo</div><div>- HS nhận xét:</div><div>- HS lắng nghe, quan sát.</div><div>- HS nêu cách làm .</div></div> |    |     |      |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| <div><div>*Bài 3:Số. VLT/46 :</div><table><tr><td>Tổng của hai số</td><td>13</td><td>36</td><td>165</td><td>4320</td></tr><tr><td>Hiệu của hai số</td><td>5</td><td>18</td><td>65</td><td>1020</td></tr><tr><td>Số lớn</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Số bé</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table><div><div>- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài</div><div>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</div><div>→ Gv chốt học sinh nhớ lại cách tìm:</div><div>số lớn =(Tổng +Hiệu):2</div><div>Số bé =(Tổng - Hiệu):2</div></div></div> | Tổng của hai số                                                                                                                                                                                              | 13 | 36  | 165  | 4320 | Hiệu của hai số | 5 | 18 | 65 | 1020 | Số lớn |  |  |  |  | Số bé |  |  |  |  | <div><div>- 2 HS lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm</div><table><tr><td>Tổng của hai số</td><td>13</td><td>36</td><td>165</td><td>4320</td></tr><tr><td>Hiệu của hai số</td><td>5</td><td>18</td><td>65</td><td>1020</td></tr><tr><td>Số lớn</td><td>9</td><td>27</td><td>115</td><td>2670</td></tr><tr><td>Số bé</td><td>4</td><td>9</td><td>50</td><td>1650</td></tr></table><div><div>-HS nhận xét kết quả .</div><div>-HS liên hệ</div></div></div> | Tổng của hai số | 13 | 36 | 165 | 4320 | Hiệu của hai số | 5 | 18 | 65 | 1020 | Số lớn | 9 | 27 | 115 | 2670 | Số bé | 4 | 9 | 50 | 1650 |
| Tổng của hai số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 13                                                                                                                                                                                                           | 36 | 165 | 4320 |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Hiệu của hai số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5                                                                                                                                                                                                            | 18 | 65  | 1020 |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Số lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                              |    |     |      |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Số bé                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                              |    |     |      |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Tổng của hai số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 13                                                                                                                                                                                                           | 36 | 165 | 4320 |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Hiệu của hai số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5                                                                                                                                                                                                            | 18 | 65  | 1020 |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Số lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9                                                                                                                                                                                                            | 27 | 115 | 2670 |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| Số bé                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4                                                                                                                                                                                                            | 9  | 50  | 1650 |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |
| <div><div>* Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm VLT/47</div><div>- GV gọi 1 hs nêu</div><div>Ông nội của Quang hơn Quang 51 tuổi . Cách đây 5 năm , tổng số tuổi của ông và Quang là 61 tuổi.</div><div>Như vậy, hiện nay Quang.....tuổi và ông nội.....tuổi.</div><div>- GV nhận xét, chốt kết quả:</div></div>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <div><div>Hs đọc đề nêu cách làm</div><div>-Hs nêu kết quả:</div><div>Như vậy , hiện nay Quang 20 tuổi và ông nội 61 tuổi.</div></div>                                                                       |    |     |      |      |                 |   |    |    |      |        |  |  |  |  |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |    |    |     |      |                 |   |    |    |      |        |   |    |     |      |       |   |   |    |      |

→ Gv chốt hiệu tuổi ông và tuổi cháu không thay đổi. Tuổi của 2 ông cháu sau 5 năm đến nay mỗi năm mỗi người tăng 1 tuổi. (5 năm tuổi của hai bố con là :  $5 \times 2 = 10$  Tuổi)

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>3. HĐ Vận dụng:</b></p> <p>Số thích hợp điền vào chỗ trống:</p> <p><math>9 \times 6 + 9 \times 5 = (6 + 5) \times \dots\dots\dots?</math></p> <p>A. 6, B. 5, C. 9, D.99</p> <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 12</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p><i>Đáp án : C.9</i></p> <p>- HS nghe</p> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                  |

**TOÁN**  
**TUẦN 12: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**  
**Tiết 03:– Trang 47**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:  
 + Ôn lại tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.Tìm hai số khi biết tổng và hiệu .

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.  
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.  
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.  
 - Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.  
 - Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. *Học sinh:* Vở luyện tập toán, bút, thước

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hoạt động của học sinh                                                                                                                    |     |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------------------|-------------------------|---------|----|----|----|---------------------|--|----|----|----|--|--|-----|-----|-----|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------|---------|----|----|----|---------------------|--------------------|----|----|----|---------------------|---------------------|-----|-----|-----|-------------------------|-------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho Hs hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>Ôn lại tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.Tìm hai số khi biết tổng và hiệu . (Ôn tập)                                                                                                                                                                                                                                                              | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                          |     |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 47 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 47,48 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.                                    | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS làm bài.<br><br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |     |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1:</b> Nối (theo mẫu)./VLT tr.47<br>- Cho HS quan sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | -HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở, phiếu<br>- Học sinh trả lời:                                                                    |     |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| <table><tr><td>a</td><td>b</td><td>c</td><td>(a+b)+c</td><td>a+(b+c)</td></tr><tr><td>19</td><td>35</td><td>65</td><td>(19+35)+65<br/>= 119</td><td></td></tr><tr><td>30</td><td>70</td><td>91</td><td></td><td></td></tr><tr><td>294</td><td>125</td><td>875</td><td></td><td></td></tr></table><br>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời<br>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.<br><b>→ Gv chốt biết sử dụng tính chất kết hợp trong phép cộng.</b> | a                                                                                                                                         | b   | c                       | (a+b)+c                 | a+(b+c) | 19 | 35 | 65 | (19+35)+65<br>= 119 |  | 30 | 70 | 91 |  |  | 294 | 125 | 875 |  |  | <table><tr><td>a</td><td>b</td><td>c</td><td>(a+b)+c</td><td>a+(b+c)</td></tr><tr><td>19</td><td>35</td><td>65</td><td>(19+35)+65<br/>= 119</td><td>19+(35+65)<br/>=119</td></tr><tr><td>30</td><td>70</td><td>91</td><td>(30+70)+91<br/>= 191</td><td>30+(70+91)<br/>= 191</td></tr><tr><td>294</td><td>125</td><td>875</td><td>(294+125)+<br/>875= 1294</td><td>(294+125)+<br/>875= 1294</td></tr></table><br>- HS nối tiếp trả lời<br>- Học sinh nhận xét chữa bài | a | b | c | (a+b)+c | a+(b+c) | 19 | 35 | 65 | (19+35)+65<br>= 119 | 19+(35+65)<br>=119 | 30 | 70 | 91 | (30+70)+91<br>= 191 | 30+(70+91)<br>= 191 | 294 | 125 | 875 | (294+125)+<br>875= 1294 | (294+125)+<br>875= 1294 |
| a                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | b                                                                                                                                         | c   | (a+b)+c                 | a+(b+c)                 |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| 19                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 35                                                                                                                                        | 65  | (19+35)+65<br>= 119     |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| 30                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 70                                                                                                                                        | 91  |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| 294                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 125                                                                                                                                       | 875 |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| a                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | b                                                                                                                                         | c   | (a+b)+c                 | a+(b+c)                 |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| 19                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 35                                                                                                                                        | 65  | (19+35)+65<br>= 119     | 19+(35+65)<br>=119      |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| 30                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 70                                                                                                                                        | 91  | (30+70)+91<br>= 191     | 30+(70+91)<br>= 191     |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| 294                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 125                                                                                                                                       | 875 | (294+125)+<br>875= 1294 | (294+125)+<br>875= 1294 |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |
| <b>* Bài 2:</b> (VLT/47)<br>Tính bằng cách thuận tiện.<br>a.50 + 68 + 50<br>=<br>=<br>=                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - HS lắng nghe cách thực hiện<br>- HS thực hiện làm bài<br>a.50 + 68 + 50<br>= (50+50)+68<br>=100+68<br>=168                              |     |                         |                         |         |    |    |    |                     |  |    |    |    |  |  |     |     |     |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |         |         |    |    |    |                     |                    |    |    |    |                     |                     |     |     |     |                         |                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>b. <math>195 + 38 + 62</math><br/> <math>=</math>.....<br/> <math>=</math>.....<br/> <math>=</math>.....</p> <p>c. <math>45 + 27 + 55 + 73</math><br/> <math>=</math>.....<br/> <math>=</math>.....<br/> <math>=</math>.....</p> <p>d. <math>91 + 14 + 86 + 9</math><br/> <math>=</math>.....<br/> <math>=</math>.....<br/> <math>=</math>.....</p> <p>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”<br/> + 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Con bướm vàng”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét<br/> - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.<br/> → <i>Gv chốt biết sử dụng tính chất kết hợp trong phép cộng.</i></p> | <p>b. <math>195 + 38 + 62</math><br/> <math>= 198 + (38 + 62)</math><br/> <math>= 198 + 100</math><br/> <math>= 298</math></p> <p>c. <math>45 + 27 + 55 + 73</math><br/> <math>= (45 + 55) + (27 + 73)</math><br/> <math>= 100 + 100</math><br/> <math>= 200</math></p> <p>d. <math>91 + 14 + 86 + 9</math><br/> <math>= (91 + 9) + (14 + 86)</math><br/> <math>= 100 + 100</math><br/> <math>= 200</math></p> <p>- HS nhận xét<br/> - HS lắng nghe, quan sát</p> |
| <p>* <b>Bài 3: VLT/48 :</b><br/> Đàn gà nhà bà Nữ có 56 con gà , số gà mái nhiều hơn số gà trống là 30 con. Hỏi đàn gà nhà bà Nữ có bao nhiêu con gà mái và bao nhiêu con gà trống?</p> <p>- GV cho học sinh nêu toán tắt đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở<br/> - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức<br/> → <i>Gv chốt cách giải và trình bài toán có lời văn dạng giải bài toán bằng hai phép tính liên quan đến biết tổng và hiệu .</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>- 2 HS lên bảng làm bài<br/> Đáp án:<br/> Đàn gà nhà bà Nữ có số con gà mái là:<br/> <math>(56 + 30) : 2 = 43(\text{con})</math><br/> Đàn gà nhà bà Nữ có số con trống là:<br/> <math>56 - 43 = 13(\text{con})</math><br/> Đáp số: Gà mái: 43 con.<br/> Gà trống: 13 con<br/> -HS đọc lại nội dung lời giải</p>                                                                                                                                                |
| <p>* <b>Bài 4:</b> Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 98 m, chiều dài hơn chiều rộng 31 m. Tính diện tích của mảnh đất đó.</p> <p>- GV gọi 1 hs nêu cách lập phép tính và tìm kết quả<br/> - GV nhận xét, chốt kết quả:<br/> → <i>Gv chốt biết giải bài toán có lời văn về</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>Hs đọc đề nêu cách làm<br/> -Hs nêu cách tính:<br/> Đáp án:<br/> Nửa chu vi hình chữ nhật là :<br/> <math>98 : 2 = 49(\text{m})</math><br/> Chiều dài hình chữ nhật là :<br/> <math>(49 + 31) : 2 = 40(\text{m})</math><br/> Chiều rộng hình chữ nhật là :<br/> <math>49 - 40 = 9(\text{m})</math></p>                                                                                                                                                         |

*hình học, dạng toán biết tổng và hiệu.*

Diện tích hình chữ nhật là :  
 $40 \times 9 = 360 \text{ (m}^2\text{)}$   
 Đáp số : 360 m<sup>2</sup>

### 3. HD Vận dụng

Một cửa hàng có 318 thùng dầu, mỗi thùng có 60 lít. Cửa hàng đã bán đi 250 thùng.

Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu lít dầu?

A. 408 lít ,B. 4080 lít, C. 4008 lít, D. 4800 lít

- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng
- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.
- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. tuần 2 tiết 1

- HS nghe
- HS thực hiện

Đáp án : B. 4080 lít

- HS trả lời, nhận xét
- HS nghe

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 13 : LUYỆN TẬP CHUNG , HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

#### Tiết 01: LUYỆN TẬP CHUNG – Trang 49

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Củng cố cách tính nhẩm các số tròn trăm nghìn
  - + Thực hiện tính cộng trừ số có sáu chữ số.
  - + Vận dụng giải toán có lời văn liên quan cộng trừ số có nhiều chữ số.

#### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho HS hát<br>- GV dẫn dắt vào bài mới<br>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:<br>+ Củng cố cách tính nhẩm các số tròn trăm nghìn<br>+ Thực hiện tính cộng trừ số có sáu chữ số.<br>+ Vận dụng giải toán có lời văn liên quan cộng trừ số có nhiều chữ số.                                                                                                                                                         | - HS thực hiện<br>- HS lắng nghe                                                                                                      |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 49 Vở luyện tập Toán.<br>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 49 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.<br>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.<br>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS làm bài<br>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.  |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:<br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1:</b> Tính nhẩm.<br>a) $300\ 000 + 600\ 000 - 500\ 000 =$<br>b) $1\ 000\ 000 - 500\ 000 + 50\ 000 =$<br>c) $30\ 000\ 000 + (900\ 000 + 90\ 000) =$<br>d) $8\ 000\ 000 + (800\ 000 - 500\ 000) =$<br>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời                                                                                                                             | - Học sinh trả lời nối tiếp kết quả và nêu cách nhẩm<br>$3+6 = 9-5=4$ trăm nghìn<br>Ghi ) $300\ 000 + 600\ 000 - 500\ 000 = 400\ 000$ |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> <li>→ GV chốt cách cộng trừ nhẩm số có 6 chữ số..</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tương tự với các phần còn lại</li> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p><b>* Bài 2:</b> Đốt tính rồi tính.</p> $820\ 600 + 150\ 420$ $965\ 220 - 408\ 009$ $124\ 654 - 88\ 335$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 3 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li> <li>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> <li>→ GV chốt cách cộng trừ số có 6 chữ số</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> $\begin{array}{r} 820\ 600 \\ + 150\ 420 \\ \hline 971\ 020 \end{array}$ $\begin{array}{r} 965\ 220 \\ - 408\ 009 \\ \hline 557\ 211 \end{array}$ $\begin{array}{r} 124\ 654 \\ - 88\ 335 \\ \hline 36\ 319 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống.</b><br/>VLT/33</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>a)</p> <math display="block">\begin{array}{r} 5\ 6\ \square\ 2\ 5\ \square \\ + 2\ \square\ 5\ \square\ 0\ 7 \\ \hline \square\ 3\ 8\ 0\ \square\ 2 \end{array}</math> </div> <div style="text-align: center;"> <p>b)</p> <math display="block">\begin{array}{r} 3\ \square\ 5\ \square\ 6\ 0 \\ - 7\ \square\ 8\ 5\ \square \\ \hline \square\ 9\ 2\ 6\ \square\ 5 \end{array}</math> </div> </div> <p>→ GV chốt củng cố mối liên hệ của phép cộng, trừ có nhớ</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng làm bài</li> </ul> <p>Và giải thích cách làm, lớp làm vở</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>a)</p> <math display="block">\begin{array}{r} 5\ 6\ 2\ 5\ 5 \\ + 2\ 7\ 8\ 0\ 7 \\ \hline 8\ 3\ 8\ 0\ 6\ 2 \end{array}</math> </div> <div style="text-align: center;"> <p>b)</p> <math display="block">\begin{array}{r} 3\ 6\ 5\ 4\ 6\ 0 \\ - 7\ 2\ 8\ 5\ 5 \\ \hline 2\ 9\ 2\ 6\ 0\ 5 \end{array}</math> </div> </div> |
| <p><b>* Bài 4 :</b> Trong vườn nhà Hoa có tất cả 120 cây cam và bưởi, biết số cây cam ít hơn số cây bưởi là 10 cây. Hỏi trong vườn nhà Hoa có bao nhiêu cây cam, bao nhiêu cây bưởi?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh đọc đề tóm tắt nêu dạng toán và cách làm, làm vở, 1 bạn chia sẻ trước lớp.</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> <li>→ GV chốt cách giải toán tổng hiệu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện vào vở</li> </ul> <p>2 HS lên bảng làm bài : Mỗi bạn chọn giải bằng 1 cách</p> <p>Bài làm</p> <p>Số Cam có trong vườn nhà Hoa là:</p> $120 - 10 : 2 = 55 \text{ (cây)}$ <p>Số cây bưởi trong vườn nhà Hoa là:</p> $55 + 10 = 65 \text{ (cây)}$ <p>Đáp số : cam 55 cây, bưởi 65 cây</p>                                                                                                                                                                                                |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu các bước tính tổng ,hiệu của số có 6 chữ số?</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS thực hiện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nếu các cách tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số?.</li> <li>- GV Gọi 1 số HS nêu nối tiếp .</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.Tiết 2 tuần 13</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày kết quả</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul> |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                             |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Củng cố về nhận biết hai đường thẳng vuông góc (ôn tập).
  - + Làm quen với hình học phẳng liên quan về hai đường thẳng vuông góc. (ôn tập).
  - + Giải được các bài toán liên quan đến đường thẳng vuông góc (ôn tập).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

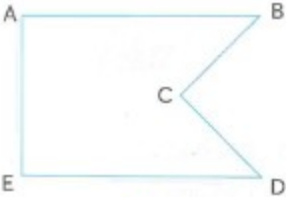
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

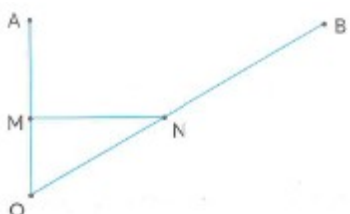
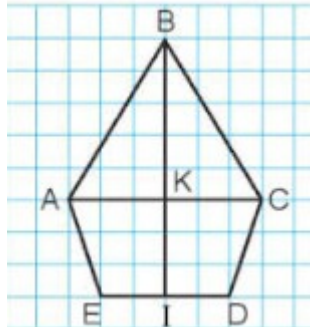
**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Củng cố về nhận biết hai đường thẳng vuông góc (ôn tập).</li> <li>+ Làm quen với hình học phẳng liên quan về hai đường thẳng vuông góc. (ôn tập).</li> <li>+ Giải được các bài toán liên quan đến đường thẳng vuông góc (ôn tập).</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 50 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 50,51 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1:</b> Dùng ê ke kiểm tra rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.</p> <p><b>VLT tr.50</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát:</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv cho học sinh nêu miệng và điền vào chỗ chấm ,hoàn thiện bài:</li> </ul> <p>Trong hình vẽ trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoạn thẳng AB vuông góc với đoạn thẳng.....</li> <li>- Đoạn thẳng BC vuông góc với đoạn thẳng.....</li> <li>- Đoạn thẳng ED vuông góc với đoạn thẳng.....</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p><b>→ GV chốt cách đo và xác định 2 đường thẳng vuông góc</b></p> | <p>Hsquan sát lấy ê ke kiểm tra và nêu cách làm, kết quả nối tiếp và viết vở, phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoạn thẳng AB vuông góc với đoạn thẳng.: <b>AE</b></li> <li>- Đoạn thẳng BC vuông góc với đoạn thẳng <b>CD</b></li> <li>- Đoạn thẳng ED vuông góc với đoạn thẳng <b>EA</b></li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2:</b> Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</p> <p>Hình vẽ bên có số góc vuông là:</p> <p>A. 8                      B.10</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS lên bảng nêu kết quả và chỉ và đọc tên các góc vuông. Lớp làm vở, đổi vở soát , nhận xét nêu cách làm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div data-bbox="625 152 847 376" data-label="Image"> </div> <p>C. 12                      D. 16</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> <li>➔ <i>GV chốt đổi đơn vị diện tích và đơn vị thời gian.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS khoanh vào D: 16 góc vuông</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p><b>* Bài 3: VLT/50 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho 3 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”</li> <li>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</li> </ul> <p>Quan sát hình vẽ dưới đây rồi viết "vuông góc" hoặc "không vuông góc" vào chỗ chấm cho thích hợp.</p> <p>a) Hai đoạn thẳng AB và BC..... với nhau.</p> <p>b) Hai đoạn thẳng MO và O B ..... với nhau.</p> <p>c) Hai đoạn thẳng AO và O B ..... với nhau.</p> <div data-bbox="252 1384 544 1668" data-label="Image"> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> <li>➔ <i>GV chốt cách xác định 2 đường thẳng vuông góc và không vuông góc với nhau</i></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- 3 HS lên bảng chơi trò chơi</li> </ul> <p>a) Hai đoạn thẳng AB và BC <b>vuông góc</b> với nhau.</p> <p>b) Hai đoạn thẳng MO và O B <b>không vuông góc</b> với nhau.</p> <p>c) Hai đoạn thẳng AO và O B <b>vuông góc</b> với nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS liên hệ</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 4 -VLT/51- học sinh làm theo nhóm bàn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 HS nêu</li> </ul> <p>Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát hình vẽ , làm vở phiếu nhóm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>mẫu).</p> <p>Trong hình vẽ trên:</p> <p>a) Các góc vuông là: <b>Góc đỉnh M, cạnh MA, MN</b>;<br/>.....</p> <p>b) Các góc không vuông là: <b>Góc đỉnh O, cạnh OA, OB</b>;</p>  <p>- GV cho học sinh nêu, tìm hiểu cách giải, thực hiện phiếu nhóm, vở</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>→ GV chốt cách tìm góc vuông, góc không vuông.</p> | <p>- HS nêu kết quả, lớp đối vớ theo dõi, nhận xét kết quả</p> <p>Bài giải</p> <p>a) Các góc vuông là: <b>Góc đỉnh M, cạnh MA, MN</b>;<br/><b>Góc đỉnh M cạnh MN, MO</b></p> <p>b) Các góc không vuông là: <b>Góc đỉnh O, cạnh OA, OB</b>;<br/><b>Góc đỉnh N cạnh NB, NO,</b><br/><b>Góc đỉnh N cạnh NM, NO</b><br/><b>Góc đỉnh N cạnh NM, NB</b><br/><b>Góc đỉnh M cạnh MA, MO</b></p>                                                                                                                                                                                                 |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Hãy Tìm góc vuông, góc không vuông, 2 đoạn thẳng vuông góc, không vuông góc theo hình sau</p>  <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng và giải thích</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 9</p>             | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện quan sát, nêu câu trả lời, nhận xét</p> <p>- HS nghe, chữa bài vào vở</p> <p>*Góc vuông: Đỉnh K cạnh KB và KA, KC và KB, KC và KI, KA và KI</p> <p>Đỉnh I cạnh ID và IK, cạnh IK và IE</p> <p>*Góc không vuông</p> <p>Đỉnh C cạnh CK và CB, cạnh CD, CK</p> <p>đỉnh A cạnh AB và AK, cạnh AE và AK</p> <p>Đỉnh D cạnh DC và DI,</p> <p>Đỉnh E cạnh EA và EI</p> <p>*Hai đoạn thẳng vuông góc: KB và KA, KC và KB, KC và KI, KA và KI, ID và IK, IK và IE</p> <p>*Hai đoạn thẳng không vuông góc CK và CB, CD và CK, AB và AK, AE và AK, DC và DI</p> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

**TUẦN 13: LUYỆN TẬP CHUNG****Tiết 03:– Trang 51****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết được các cạnh, góc vuông và không vuông (ôn tập).
  - + Đặt đề và giải toán tổng hiệu (ôn tập).
  - + Lập số chẵn số lẻ từ các thẻ số cho trước

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

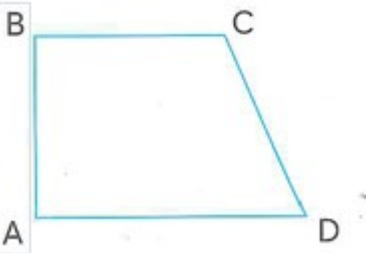
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được các cạnh, góc vuông và không vuông (ôn tập).</li> <li>+ Đặt đề và giải toán tổng hiệu (ôn tập).</li> <li>+ Lập số chẵn số lẻ từ các thẻ số cho trước</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                 |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 51 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 51 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế</li> </ul>                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p><b>* Bài 1:</b> Số?)./VLT tr.51</p> <p>- GV cho 2 đội, mỗi đội 3 HS lên thực hiện với hình thức trò chơi: “<i>Tiếp sức</i>”</p> <p>+ <i>Lần lượt các thành viên trong đội lên chọn 1 đáp án (HS số 1 thực hiện xong thì đến HS thứ 2,...), cứ như thế cho đến hết thời gian. Bên nào nhanh và trả lời đúng thì bên đó thắng.</i></p> <p><i>Cho các thẻ số sau:</i></p> <div style="display: flex; justify-content: center; gap: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">8</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">5</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">0</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">1</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">2</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">9</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">7</div> </div> <p>a) Ghép 7 thẻ số trên để được số chẵn bé nhất có bảy chữ số</p> <div style="display: flex; justify-content: center; gap: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> </div> <p>b/ Ghép 7 thẻ số trên để được số lẻ lớn nhất có bảy chữ số</p> <div style="display: flex; justify-content: center; gap: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 30px; height: 30px;"></div> </div> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng khen đội chiến thắng.</p> <p><b>→ GV chốt cách lập số chẵn, số lẻ lớn nhất, bé nhất từ các số cho trước</b></p> | <p>- HS lắng nghe cách thực hiện</p> <p>- 2 đội lên thực hiện trò chơi</p> <p>a) 1025798</p> <p>b) 9875201</p>                                                                                                                      |
| <p><b>* Bài 2:</b> Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. (VLT/51)</p> <p>Cho hình tứ giác ABCD có góc đỉnh A và góc đỉnh B là các góc vuông như hình bên. Các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong hình bên là :...</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>- Cho học sinh nhận xét</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>- HS thực hiện quan sát , đo kiểm tra và làm bài vào vở</p> <p>- 1 HS lên bảng chữa bài</p> <p>Các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong hình bên là :BC và BA: AB và AD</p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p> |

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

➔ *GV chốt cách dùng ê ke kiểm tra góc vuông, góc không vuông, đọc tên góc, cạnh*

\* **Bài 3:** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. **VLT/52:**

Trong các hình trên, hình có các cặp cạnh vuông góc và cặp cạnh song song là:

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4



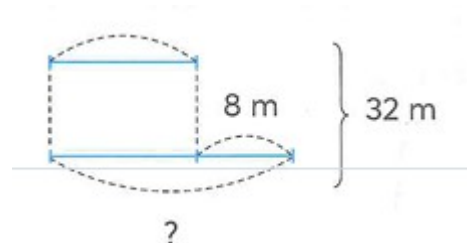
- GV cho học sinh quan sát, kiểm tra và nêu kết quả điền vở

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

➔ *GV chốt cách nhận biết cặp cạnh song song, vuông góc*

\* **Bài 4:** **VLT/52 :**

Lập đề toán theo sơ đồ sau rồi giải bài toán đó.



- GV cho học sinh nêu đề toán theo tóm tắt, tìm hiểu cách giải, thực hiện phiếu nhóm, vở

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức tìm kết quả

- GV nhận xét, chốt kết quả:

➔ *GV chốt cách giải và trình bày bài toán có lời văn dạng giải bài toán liên quan đến tổng hiệu*

### 3. HD Vận dụng

- Tính biểu thức sau:

$$60 \text{ m}^2 + 2000 \text{ dm}^2 - 180 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots$$

- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

- 1 HS lên bảng làm bài

Khoanh vào A,D

- HS đọc lại nội dung lời giải

HS đọc đề nêu cách làm

Ví dụ:

Bài giải

Phòng học lớp em có nửa chu vi là 32 m, chiều dài hơn chiều rộng 8 m, Tính

chiều dài, chiều rộng phòng học

Chiều rộng phòng học là:

$$(32 - 8) : 2 = 12 \text{ (m)}$$

Chiều dài phòng học là:

$$12 + 8 = 20 \text{ (m)}$$

Đáp số CD 20 m, CR 12 m

- HS nghe

- HS thực hiện

$$\begin{aligned} &60 \text{ m}^2 + 2000 \text{ dm}^2 - 180 \text{ dm}^2 \\ &= 6000 \text{ dm}^2 + 2000 \text{ dm}^2 - 180 \text{ dm}^2 \\ &= 8000 \text{ dm}^2 - 810 \text{ dm}^2 \\ &= 7190 \text{ dm}^2 \end{aligned}$$

|                                                                                                                                                 |                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 14 tiết 1</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul> |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                            |                                                                                             |

## LUYỆN TẬP TOÁN TUẦN 14: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

### Tiết 01: THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM VỀ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC – Trang 55, 56

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Thực hành vẽ hai đường thẳng vuông góc (ôn tập).
  - + Thực hành vẽ đường cao trong hình tam giác (ôn tập).
  - + Nhận biết, nêu tên các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau (bổ sung)

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

##### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

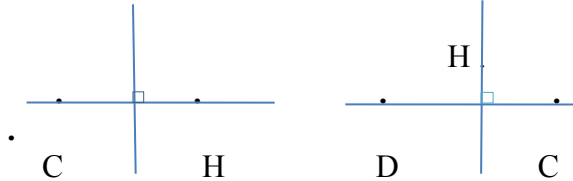
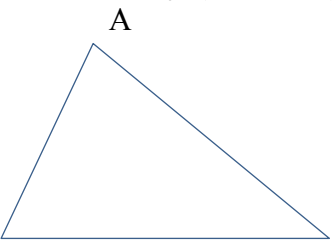
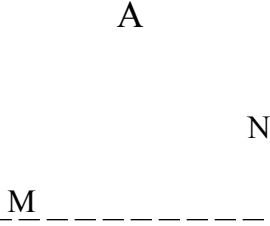
#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hành vẽ hai đường thẳng vuông góc (ôn tập).</li> <li>+ Thực hành vẽ đường cao trong hình</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>tam giác (ôn tập).</p> <p>+ Nhận biết, nêu tên các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau (bổ sung)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 53 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 53, 54 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                    |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Vẽ đường thẳng AB đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng CD trong mỗi trường hợp sau/VLT tr.53</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát</li> <li>a) Điểm H ở trên đường thẳng CD</li> <li>b) Điểm H ở ngoài đường thẳng CD</li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hành trên bảng phụ (máy soi)</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. Soi một số bài làm và nhận xét, rút kinh nghiệm chung</li> </ul> <p><b>→ Gv chốt cách tách cấu số có 5 chữ số theo hàng.</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hành</li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2: Cho hình tam giác ABC như hình vẽ dưới đây (VLT/53)</b></p> <div style="text-align: center;">  </div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe cách thực hiện</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div>                              |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p style="text-align: center;">B                      C</p> <p>a) Vẽ đoạn thẳng AH vuông góc với cạnh BC (điểm H nằm trên cạnh BC)</p> <p>b) Vẽ đoạn thẳng HM vuông góc với cạnh AB (điểm M nằm trên cạnh AB)</p> <p>c) Vẽ đoạn thẳng HN vuông góc với cạnh AC (điểm N nằm trên cạnh AC)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS thực hành</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh vẽ đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách vẽ đường thẳng vuông góc.</i></p> | <p style="text-align: center;">B                      H</p> <p style="text-align: center;">C</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3: Sốc muốn có hình giống như ong đã vẽ. Em hãy vẽ giúp sóc nhé!</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt để vẽ được hình giống như ong vẽ, ta cần vẽ các đường thẳng vuông góc.</i></p>                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng làm bài</li> </ul>                                                                                                                          |
| <p><b>* Bài 4: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp VLT/54</b></p> <p>Trong các hình vẽ bên, các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau là</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS kể tên các đường thẳng vuông góc.</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách nhận biết 2 đoạn thẳng vuông góc với nhau.</i></p>                                                                                                                                                                 | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>-Hs nêu kết quả:<br/>BC và CD; DE và EG; GH và HI</p>                                                                                                             |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy vẽ 2 đoạn thẳng bất kì vuông góc với nhau.</li> <li>- GV soi bài, cho học sinh quan sát, tìm ra các bạn vẽ đúng</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS vẽ đúng và đẹp.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 14</li> </ul>                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS vẽ</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                               |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                    |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 14: ÔN TẬP HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết hai đường thẳng song song (ôn tập).
  - + Thực hành vẽ hai đường thẳng song song (ôn tập).
  - + Nhận biết hình tam giác, hình tứ giác (bổ sung)

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

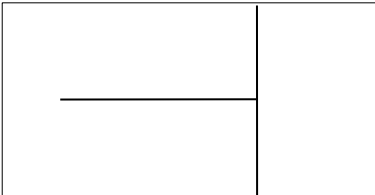
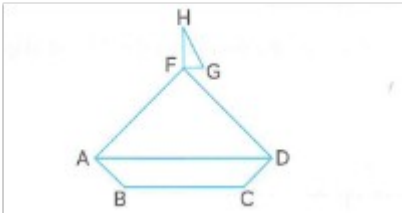
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết hai đường thẳng song song (ôn tập).</li> <li>+ Thực hành vẽ hai đường thẳng song song (ôn tập).</li> <li>+ Nhận biết hình tam giác, hình tứ giác (bổ sung)</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                     |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 54, 55 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 54, 55 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> </ul>                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                               |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S VLT tr.5</b></p> <p><b>Trong hình vẽ sau, biết AMND, APQD, ABCD đều là hình chữ nhật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cạnh AD song song với cạnh BC.</li> <li>- Cạnh MN song song với cạnh DC.</li> <li>- Cạnh PQ song song với cạnh BC.</li> <li>- Cạnh MN song song với cạnh AB.</li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p><i>→ Gv chốt cách nhận biết hai đường thẳng song song</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời kết quả</li> </ul> <div style="text-align: center;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đ</li> <li>- S</li> <li>- Đ</li> <li>- S</li> </ul> </div>              |
| <p><b>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (VLT/54)</b></p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Các cặp đoạn thẳng song song với nhau có trong hình bên là: ....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nêu miệng câu trả lời</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p><i>→ Gv chú ý tìm và nêu đủ tất cả các cặp đoạn thẳng song song với nhau</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> <p>AD và BC; AB và DF; CD và AF; FG và AD; FG và BC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |

trong hình

**\* Bài 3: VLT/55 :**

3. Vẽ đường thẳng đi qua điểm E và song song với đường thẳng AB trong mỗi trường hợp sau.



- GV cho học sinh lên nêu cách làm và làm bài (soi bài thực hành)

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức  
 → Gv chốt các bước vẽ hai đường thẳng song song

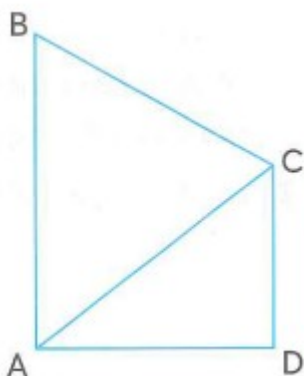
- 2 HS lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm  
 Lớp làm vở, đổi vở soát, nhận xét nêu cách làm

3. Vẽ đường thẳng đi qua điểm E và song song với đường thẳng AB trong mỗi trường hợp sau.



-HS liên hệ

**\* Bài 4** Cho hình vẽ dưới đây

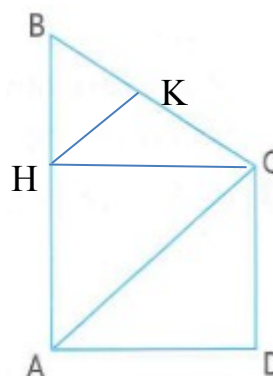


a) Thực hiện các yêu cầu sau:  
 - Vẽ đoạn thẳng CH song song với đoạn thẳng AD (điểm H nằm trên cạnh AB).  
 - Vẽ đoạn thẳng HK song song với đoạn thẳng AC (điểm K nằm trên cạnh BC).  
 b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm  
 Sau khi vẽ hình, hình bên có ... hình tứ giác và ... hình tam giác.  
 - GV nhận xét, chốt kết quả:

**3. HD Vận dụng**

- GV cho học sinh vẽ hai đường thẳng song song bất kì  
 - Tìm các đường thẳng song song có trong lớp học.  
 - GV nhận xét giờ học.  
 - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 1

Hs đọc đề nêu cách làm  
 -Hs nêu kết quả



- HS vẽ, nhận xét.  
 - HS nêu.  
 - HS thực hiện

- HS trả lời, nhận xét
- + *Bạn Lan viết: Đúng*
- HS nghe

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

## TOÁN

### TUẦN 14: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

#### Tiết 03:– Trang 55, 56

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Nhận biết các đường thẳng vuông góc với nhau (ôn tập).
  - + Nhận biết các đường thẳng song song với nhau (ôn tập).
  - + Nhận biết các đường thẳng vuông góc, song song với nhau trong thực tế (bổ sung)

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

##### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết các đường thẳng vuông góc với nhau (ôn tập).</li> <li>+ Nhận biết các đường thẳng song song</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

với nhau (ôn tập).

+ Nhận biết các đường thẳng vuông góc, song song với nhau trong thực tế (bổ sung)

## 2. HĐ Luyện tập, thực hành.

**Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 55, 56 Vở luyện tập Toán.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 55, 56 Vở luyện tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

- Hs làm bài

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

**Hoạt động 2:** Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

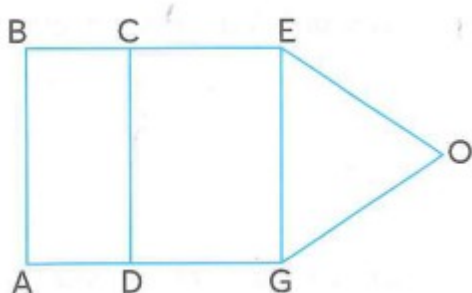
\* **Bài 1:** Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu)./VLT tr.55

- Cạnh AB vuông góc với các cạnh: AD,

...

- Cạnh CD vuông góc với các cạnh: ...

- Cạnh AB song song với các cạnh: ...



- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời

- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm, khen học sinh thực hiện tốt.

➔ Gv chốt cách nhận biết hai đường thẳng song song, vuông góc với nhau.

- HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở

- Học sinh trả lời:

- HS nối tiếp trả lời

- Cạnh AB vuông góc với các cạnh: AD, BC

- Cạnh CD vuông góc với các cạnh: BE, AG

- Cạnh AB song song với các cạnh: CD, EG

- Học sinh nhận xét chữa bài

\* **Bài 2:** Cho hình vẽ sau (VLT/56)



a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích

- HS thực hiện làm bài

Các cặp đường thẳng song song có

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>hợp</p> <p>Các cặp đường thẳng song song có trong hình vẽ trên</p> <p>b) Vẽ đường thẳng AH và ME vuông góc với đường DC (điểm H và E nằm trên đường thẳng DC)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Soi bài, Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt hai đường thẳng cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.</i></p>                                                                                                   | <p>trong hình vẽ trên là AB và CD; AD và MN; AD và BC; MN và BC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3: VLT/56 :</b></p> <p>Vẽ theo mẫu để tạo hình con diều rồi trang trí và tô màu cho đẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nêu đề , tìm hiểu cách vẽ , thực hiện phiếu nhóm, vở</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt để vẽ được hình con diều thì ta cần vẽ các đoạn thẳng song song, các đoạn thẳng vuông góc với nhau.</i></p>                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng làm bài</li> </ul>                                                                                             |
| <p><b>* Bài 4:</b> Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu)</p> <p>a) 5 hình ảnh về hai đường thẳng vuông góc với nhau trong thực tế: Hai cạnh của góc bàn học hình chữ nhật,...</p> <p>a) 5 hình ảnh về hai đường song song góc với nhau trong thực tế: Hai đường ray tàu hỏa (đoạn đường thẳng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi hs nêu kết quả</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt trong thực tế đường thẳng song song với nhau, vuông góc với nhau được áp dụng phổ biến.</i></p> | <p>Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>-Hs nêu kết quả theo hiểu biết</p>                                                                                                   |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ 1 đồ vật, sử dụng các đường thẳng vuông góc với nhau, song song với nhau.</li> <li>- GV cho học sinh vẽ, quan sát, tìm ra bạn vẽ đúng, đẹp, sáng tạo.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 15 tiết 1</li> </ul>                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và thực hiện</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                    |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                       |

**LUYỆN TẬP TOÁN**  
**TUẦN 15: ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC, ĐƯỜNG THẲNG SONG**  
**SONG**  
**Tiết 01: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Thực hiện việc vẽ hai đường thẳng song song bằng thước thẳng và ê ke.
  - + Nhận biết được hình bình hành, hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.
  - + Mô tả được đặc điểm về cạnh của hình bình hành, hình thoi.
  - + Thực hiện được việc lắp, ghép, tạo lập hình.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

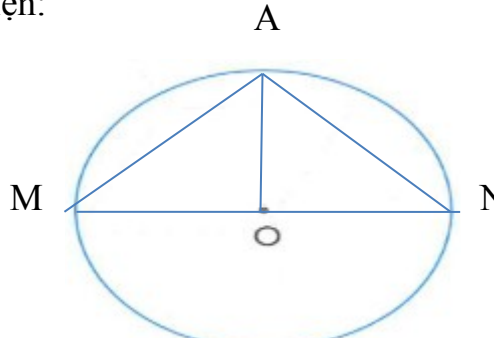
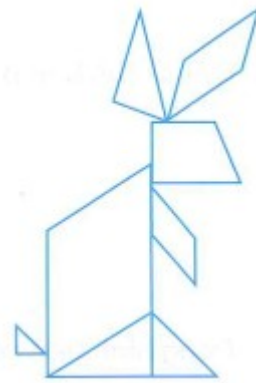
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện việc vẽ hai đường thẳng song song bằng thước thẳng và ê ke.</li> <li>+ Nhận biết được hình bình hành, hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.</li> <li>+ Mô tả được đặc điểm về cạnh của hình bình hành, hình thoi.</li> <li>+ Thực hiện được việc lắp, ghép, tạo lập hình.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                          |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv yêu cầu: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 57 vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 57 vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                          |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Cho đường tròn tâm O như hình bên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS quan sát hình ảnh và thực hiện lần lượt theo yêu cầu.</li> <li>a) Vẽ đường kính MN và bán kính OA sao cho đường kính MN vuông góc với bán kính OA.</li> <li>b) Vẽ đoạn thẳng AM, AN.</li> <li>c) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. Góc đỉnh A; cạnh AM, cạnh AN có số đo là.....</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh quan sát và lần lượt thực hiện:</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AM, cạnh AN có số đo bằng nhau.</li> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2: Nam đã dùng 8 mảnh ghép để xếp thành con thỏ như hình bên.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc yêu cầu.</li> <li>a) Tô màu đỏ vào các mảnh ghép hình tam giác và màu vàng vào các mảnh ghép hình bình hành.</li> <li>b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm. Nam đã dùng tất cả ..... mảnh ghép hình tứ giác, trong đó có ..... mảnh ghép hình bình hành.</li> <li>- GV HD HS thực hiện</li> <li>- GV gọi HS lên bảng thực hiện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu.</li> <li>- HS thực hiện nêu câu trả lời.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu Nam đã dùng tất cả 5 mảnh</li> </ul>                                                            |



**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 15: ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC, ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**  
**Tiết 02: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Thực hiện việc vẽ hai đường thẳng song song bằng thước thẳng và ê ke.
  - + Nhận biết được hình bình hành, hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.
  - + Mô tả được đặc điểm về cạnh của hình bình hành, hình thoi.
  - + Thực hiện được việc lắp, ghép, tạo lập hình.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

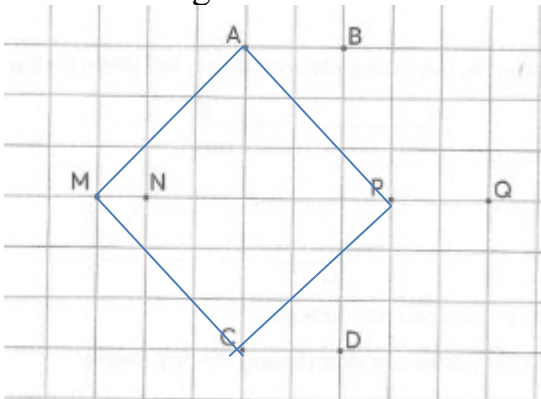
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

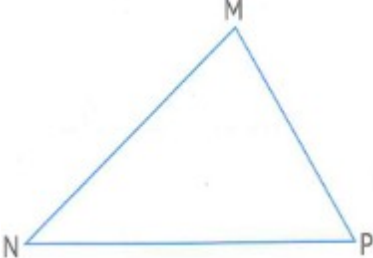
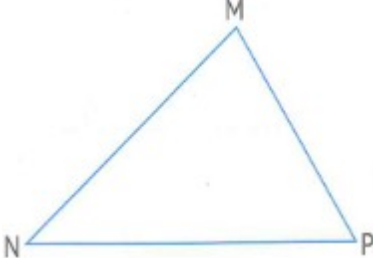
**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện việc vẽ hai đường thẳng song song bằng thước thẳng và ê ke.</li> <li>+ Nhận biết được hình bình hành, hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.</li> <li>+ Mô tả được đặc điểm về cạnh của</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>hình bình hành, hình thoi.</p> <p>+ Thực hiện được việc lắp, ghép, tạo lập hình.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 58 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 59 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                               |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</b></p>  <p><b>Trong hình trên có .... Hình thoi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nêu câu trả lời</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul>                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu</li> <li>- HS nêu câu trả lời</li> <li>- Trong hình trên có 6 Hình thoi</li> <li>- HS nhận xét tuyên dương.</li> </ul>                                                                                                                         |
| <p><b>* Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>- GV gọi HS lên vẽ.</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nêu tên hình vừa vẽ.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>- HS lên bảng vẽ.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu tên hình vừa vẽ là APCM</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3: Cho hình vẽ sau.</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát hình ảnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                              |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <p>a) Vẽ đoạn thẳng MH vuông góc với đoạn thẳng NP (điểm H nằm trên cạnh NP).</p> <p>b) Vẽ đường thẳng MQ song song với đoạn thẳng NP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nhận xét.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul>                                                                   |  <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét.</li> <li>- HS nhận xét tuyên dương.</li> </ul>                                                                                                          |
| <p><b>* Bài 4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chiếu hình ảnh cho HS quan sát.</li> <li>- Yêu cầu nêu kết quả thực hiện</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nhận xét.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul>                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát.</li> <li>- HS nêu kết quả thực hiện.</li> </ul> <p>Vậy để xếp hình thứ năm trong dãy, Nam cần dùng 15 hình thoi màu trắng và 6 hình thoi màu đen</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- Lắng nghe.</li> </ul> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy cho biết bạn nào vẽ đúng các đoạn thẳng trong hình tam giác.</li> <li>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn vẽ đúng và giải thích</li> <li>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. tiết 3 tuần 15</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS trả lời, nhận xét</li> <li>- HS nghe</li> </ul>                                                                                                                  |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 15: ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC, ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**Tiết 03: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Thực hiện việc vẽ hai đường thẳng song song bằng thước thẳng và ê ke.
  - + Nhận biết được hình bình hành, hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.
  - + Mô tả được đặc điểm về cạnh của hình bình hành, hình thoi.
  - + Thực hiện được việc lắp, ghép, tạo lập hình.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

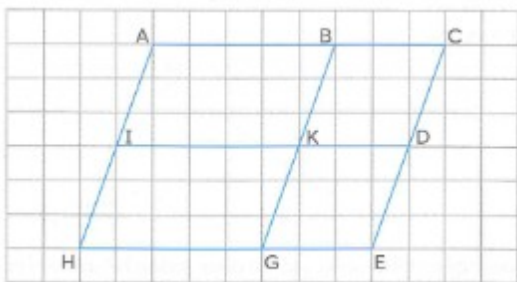
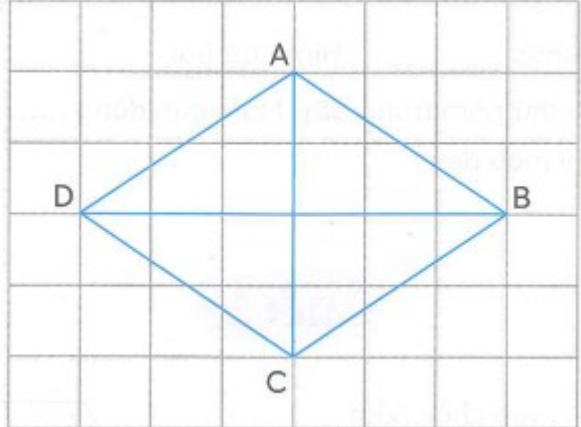
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện việc vẽ hai đường thẳng song song bằng thước thẳng và ê ke.</li> <li>+ Nhận biết được hình bình hành, hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.</li> <li>+ Mô tả được đặc điểm về cạnh của hình bình hành, hình thoi.</li> <li>+ Thực hiện được việc lắp, ghép, tạo lập hình.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                     |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 61 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 61 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế</li> </ul>                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- Hs làm bài</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p><b>Hoạt động 2: Chữa bài:</b></p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>* <b>Bài 1:</b> Viết chỗ thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p> Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Trong hình bên có:</p> <p>- ..... hình tam giác.</p> <p>- ..... hình thoi.</p>                         | <p>- HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>- HS nêu câu trả lời.</p> <p>Trong hình bên có :</p> <p>- 6 Hình tam giác.</p> <p>- 2 Hình thoi.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <p>* <b>Bài 2</b></p> <p>Cho Hình vẽ sau :</p>  <p>a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Trong hình trên có ..... hình bình hành.</p> <p>b) Đúng ghi Đ, sai ghi S.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng IK</li> <li>• Đoạn thẳng BG vuông góc với đoạn thẳng ID</li> <li>• Hình tứ giác HIKG là hình thoi.</li> </ul> | <p>- HS quan sát hình vẽ :</p> <p>- HS nêu câu trả lời</p> <p>a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Trong hình trên có 5 hình bình hành.</p> <p>b) Đúng ghi Đ, sai ghi S</p> <p>- Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng IK. <input checked="" type="checkbox"/> Đ</p> <p>- Đoạn thẳng BG vuông góc với đoạn thẳng ID. <input checked="" type="checkbox"/> S</p> <p>- Hình tứ giác HIKG là hình thoi. <input checked="" type="checkbox"/> Đ</p> |
| <p><b>Bài 3 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>- HS nêu câu trả lời:</p> <p>Rô-bốt chia hình thoi ABCD thành 4 phần bằng cách cắt theo đoạn thẳng AC và BD. Hỏi với 4 phần đó, Rô - bốt không thể ghép được hình nào dưới đây?</p> <p>A. Hình chữ nhật</p>                                                                                                                                                                                                                                      |

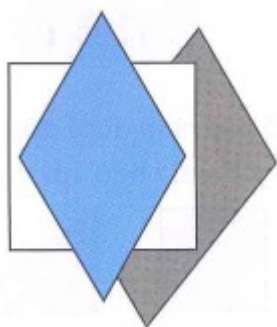
- GV gọi HS nêu câu trả lời:

B. Hình bình hành.

C. Hình vuông.

#### Bài 4 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

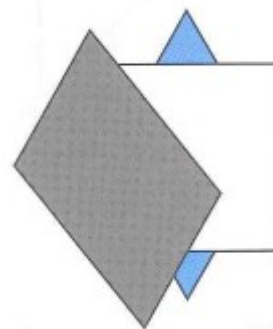
Nam lần lượt dán hình bình hành màu xám, hình vuông màu trắng và hình thoi màu xanh lên kính cửa sổ. Hình dưới đây là hình nhìn từ phía bên trong nhà.



- HS đọc yêu cầu :

- HS nêu câu trả lời : Nếu viết nhìn từ ngoài nhà sẽ thấy hình như Ý C

C.

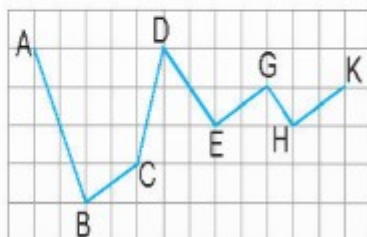


#### 3. HD Vận dụng

Quan sát hình sau, hãy chỉ ra:

a) Hai đoạn thẳng song song với nhau.

b) Hai đoạn thẳng vuông góc với nhau.



- GV cho học sinh quan sát hình
- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.
- GV nhận xét giờ học.
- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- HS quan sát hình ảnh.

- HS nêu câu trả lời

+ Hai đoạn thẳng song song với nhau là : DE và GH

+ Hai đoạn thẳng vuông góc với nhau là DE và EG.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

**LUYỆN TẬP TOÁN****TUẦN 16: LUYỆN TẬP CHUNG( TIẾP THEO)****ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ****Tiết 01: LUYỆN TẬP CHUNG – TRANG 62****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song (ôn tập).
  - + Nhận biết được hình bình hành, hình thoi.
  - + Thực hiện được vẽ đường thẳng song song bằng thước kẻ và e ke.
  - + Thực hiện được việc đo, vẽ, lắp ghép, tạo lập một số hình phẳng đã học.
  - + Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến vẽ hình, lắp ghép, tạo lập hình gắn với một số hình phẳng đã học.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC****1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán**2. Học sinh:** Vở luyện tập Toán, bút, thước**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| <b>Hoạt động của giáo viên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Hoạt động của học sinh</b>                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b><br>- GV tổ chức cho HS hát.<br>- GV dẫn dắt vào bài mới.<br>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học( như phần yêu cầu cần đạt).                                                                                                                                                                                             | - HS thực hiện.<br>- HS lắng nghe.                                                             |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành</b><br><b>HĐ1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 62 Vở luyện tập Toán.<br>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 62 Vở luyện tập Toán.<br>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.<br>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.<br>- HS làm bài |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                  |
| <p><b>HD2: Chữa bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài.</li> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời.</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. (Đáp án: D)</li> <li>→ <i>Gv chốt đặc điểm của hình thoi, hình bình hành, hình vuông, hình chữ nhật.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề bài.</li> <li>- HS nối tiếp trả lời.</li> <li>- Học sinh nhận xét.</li> </ul>                |
| <p><b>* Bài 2:</b></p> <p>a, - HS quan sát hình vẽ, lần lượt trả lời từng câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét.</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> <li>+ Đoạn thẳng AD song song với đoạn thẳng BC.</li> <li>+ Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng DC.</li> <li>+ Đoạn thẳng MN vuông góc với đoạn thẳng MP.</li> <li>→ <i>Gv chốt cách nhận biết 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng vuông góc.</i></li> </ul> <p>b, Vẽ đoạn thẳng BH song song với đoạn thẳng AM( điểm H nằm trên đoạn thẳng MC)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS lên bảng chữa bài.</li> <li>- Cho HS nhận xét.</li> <li>- GV khen ngợi HS làm bài tốt.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu ý kiến.</li> <li>- HS nhận xét.</li> <li>- HS nhận xét.</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát.</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 3: VLT/63:</b> Vẽ hai đường thẳng chia hình tứ giác thành 3 phần trong đó có 1 hình thoi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh lên thực hiện.</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức.</li> <li>→ <i>Gv chốt đặc điểm hình thoi.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng làm bài.</li> </ul>                                                                             |
| <p><b>* Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc đề bài.</li> <li>- Gọi HS nêu ý kiến và giải thích.</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả: ( D)</li> <li>→ <i>Gv chốt đặc điểm của hình bình hành.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài.</li> <li>- HS nêu ý kiến.</li> </ul>                                                          |
| <p><b>3. HD Vận dụng</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                       |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS sử dụng que tính( hoặc bút để xếp hình thoi, hình bình hành, 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng vuông góc.</li> <li>- GV khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> <li>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 16.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS nghe.</li> </ul> |
| <b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b><br>.....<br>.....                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                       |

**LUYỆN TẬP TOÁN****TUẦN 16: LUYỆN TẬP CHUNG( TIẾP THEO).****ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ****Tiết 02: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRANG 63****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Đọc, viết các số đến lớp triệu.
  - + Tìm được số lớn nhất, số bé nhất của 4 số đã cho trong phạm vi đến lớp triệu.
  - + Giải được bài toán thực tế liên quan đến so sánh các số đến lớp triệu.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| <b>Hoạt động của giáo viên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Hoạt động của học sinh</b>                                                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát.</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới.</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học( như phần yêu cầu cần đạt).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>                                                                                                               |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành</b><br><b>HĐ1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 63 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 63; 64 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| kiểm tra bài cho nhau.                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>HD2: Chữa bài</b><br>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:<br><b>* Bài 1:</b><br>- HS đọc đề bài.<br>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời.<br>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.( a- D; b- C)<br><i>→ Gv chốt cách đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số.</i> | - Học sinh đọc đề bài.<br>- HS nối tiếp trả lời.<br>- Học sinh nhận xét.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>* Bài 2:</b><br>a, - HS quan sát hình vẽ, lần lượt trả lời từng câu hỏi.<br>- Cho học sinh nhận xét.<br>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.( C)<br><i>→ Gv chốt cách lập phép tính, tính kết quả rồi so sánh các số có nhiều chữ số.</i>                                  | - HS lắng nghe cách thực hiện.<br>- HS thực hiện làm bài.<br>- HS nhận xét.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>* Bài 3: VLT/64</b><br>- HS đọc đề bài.<br>- Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?<br><br>- Bài toán thuộc dạng toán gì?<br>- GV cho học sinh lên thực hiện.<br>- GV nhận xét, khen HS làm bài tốt, chốt kiến thức<br><i>→ Gv chốt các bước giải bài toán khi biết tổng và hiệu.</i>                    | - HS đọc đề bài.<br>- Mạnh đất có chu vi: 3500cm<br>Chiều dài : 1990 cm<br>Chiều rộng : ...cm?<br>- Tìm hai số khi biết tổng và hiệu.<br>- 2HS lên bảng làm bài.                                                                                                                                                                                                                |
| <b>* Bài 4: Vận dụng giải bài toán về so sánh trong số đến lớp triệu.</b><br>- GV gọi HS đọc đề bài.<br>- Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?<br><br>- Gọi HS nêu ý kiến và giải thích.<br><br><i>→ Gv chốt nhận biết so sánh các số có nhiều chữ số..</i>                                               | - HS đọc đề bài.<br>- HS nêu ý kiến: Số tiền 3 bạn Mai, Việt, Nam đã ủng hộ.<br>Hỏi mỗi bạn đã ủng hộ bao nhiêu tiền cho quỹ khuyến học?<br>- Việt không bán được nhiều đồ nhất nhưng Việt vẫn bán được nhiều hơn Nam. Vậy Nam ủng hộ số tiền ít nhất, Mai ủng hộ số tiền nhiều nhất.<br>- Số tiền mỗi bạn ủng hộ là:<br>Mai: 1 850 000đ<br>Việt: 1 550 000đ<br>Nam: 1 200 000đ |

### 3. HĐ Vận dụng

- Trong các số sau, số nào bé nhất:

A. 1 120 320                      B. 1 121 240

C. 1 123 450                      D. 1 122 460

- GV cho học sinh quan sát, viết đáp án vào bảng con.

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 3 tuần 16

- HS quan sát.

- HS thực hiện.

- HS nghe.

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....  
 .....

## LUYỆN TẬP TOÁN

## TUẦN 16: LUYỆN TẬP CHUNG( TIẾP THEO).

## ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

## Tiết 03: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU.

## ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

## TRANG 64

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

## 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu.
  - + Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, phép trừ có và không có dấu ngoặc.
  - + Làm tròn số đến hàng chục nghìn.
  - + Giải bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.
  - + Tìm được số lớn nhất, số bé nhất từ các thẻ số cho sẵn.

## 2. Năng lực chung:

- Năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, khả năng sáng tạo.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

## 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

## 1. Giáo viên: Vở luyện tập Toán

## 2. Học sinh: Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát.</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới.</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học ( như phần yêu cầu cần đạt)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>                                                                    |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b> <b>HĐ1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 64; 65 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 64; 65 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS làm bài.</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>HD2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1:</b> Tính giá trị của biểu thức( tr 64)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS lên bảng chữa bài.</li> <li>- Gọi HS nhận xét bài của bạn.</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách tính nhằm phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn.</i></p>                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu của bài.</li> <li>- 2HS lên bảng làm bài.</li> <li>- Học sinh nhận xét chữa bài.</li> </ul> <p>a, <math>27\ 400 + 600 - 15\ 500</math><br/> <math>= 30\ 000 - 15\ 500</math><br/> <math>= 14\ 500</math></p> <p>b, <math>180\ 500 - 74\ 000 + 256\ 250</math><br/> <math>= 106\ 500 + 256\ 250</math><br/> <math>= 362\ 750</math></p>           |
| <p><b>* Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</b></p> <p>Hôm nay, đoàn thám hiểm đã gặp một con cá voi xanh. Bằng cách làm tròn số đến hàng chục nghìn, đoàn thám hiểm chia sẻ rằng con cá voi xanh đó nặng khoảng 140 000kg. Hỏi trên thực tế, con số nào dưới đây có thể là số đo cân nặng của con cá voi xanh?</p> <p>A. 145 001kg      B. 144 900kg<br/> C. 134 981kg      D. 149 050kg</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu câu trả lời.</li> <li>- Cho học sinh nhận xét.</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh - đúng và chốt đáp án.( B)</li> </ul> <p>→ <i>GV chốt cách làm tròn số đến hàng chục nghìn.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài.</li> <li>- HS nêu câu trả lời, giải thích rõ cách làm tròn số đến hàng chục nghìn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <p><b>* Bài 3: VLT/65 :</b></p> <p>Chú Phương mua 1kg táo nhập khẩu giá 110000đ và 1 quả dưa hấu giá 70 000đ. Chú đưa cho người bán hàng 2 tờ tiền 100 000đ. Hỏi người bán hàng phải trả lại chú Phương bao nhiêu tiền?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nêu toán tắt đề, tìm hiểu cách giải.</li> <li>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách giải và trình bài toán có lời văn dạng giải bài toán bằng 3 phép tính.</i></p>                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lên bảng làm bài.</li> </ul> <p>Bài giải</p> <p>Chú Phương mua táo và dưa hấu hết số tiền là:</p> $110\ 000 + 70\ 000 = 180\ 000(\text{ đ})$ <p>Chú Phương đưa cho người bán hàng số tiền là:</p> $100\ 000 \times 2 = 200\ 000(\text{ đ})$ <p>Người bán hàng phải trả lại số tiền là:</p> $200\ 000 - 180\ 000 = 20\ 000(\text{ đ})$ <p>ĐS: 20 000 đồng</p> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</b></p> <p>Bạn Việt có 7 thẻ số như sau: 0; 8; 2; 4; 0; 5; 1</p> <p>a, Số tự nhiên bé nhất có sáu chữ số mà Việt có thể tạo được là</p> <p>b, Số lẻ lớn nhất có sáu chữ số mà Việt có thể tạo được là</p> <p>c, Số chẵn lớn nhất có sáu chữ số mà Việt có thể tạo được là</p> <p>- GV gọi 1 hs nêu cách lập số và tìm kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p>→ <i>Gv chốt cách lập số có nhiều chữ số.</i></p> | <p>- HS đọc đề bài.</p> <p>- HS nêu cách lập số, nêu kết quả.</p> <p>a, Số tự nhiên bé nhất có sáu chữ số mà Việt có thể tạo được là 100 245</p> <p>b, Số lẻ lớn nhất có sáu chữ số mà Việt có thể tạo được là 842 105</p> <p>c, Số chẵn lớn nhất có sáu chữ số mà Việt có thể tạo được là 854 210</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- Làm tròn mỗi số sau đến hàng nghìn: 22 346; 454 700; 3 652 176; 5 394 558</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức.</p> <p>- GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng .</p> <p>- GV khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị tuần 17.</p>                                                                                                 | <p>- HS nghe.</p> <p>- HS tham gia chơi trò chơi.</p> <p>- HS trả lời, nhận xét.</p> <p>- HS nghe.</p>                                                                                                                                                                                                 |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 17: ÔN TẬP HỌC KỲ I

#### Tiết 01: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (TT) – Trang 66

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - +Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu (ôn tập).
  - + Tính nhẩm được các phép cộng, phép trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu (ôn tập).
  - +Giải được các bài toán thực tế liên quan đến các phép tính cộng, trừ. Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất (bổ sung).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu (ôn tập).</li> <li>+ Tính nhằm được các phép cộng, phép trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu (ôn tập).</li> <li>+Giải được các bài toán thực tế liên quan đến các phép tính cộng, trừ(bổ sung)</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                    |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> </ul> |



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>A. 28 950kg B. 28 700 kg<br/>C. 2 895kg D. 2 870kg</p> <p>- GV giao học sinh thảo luận nhóm 2 giải bài toán 2 và lựa chọn đáp án đúng.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</p> <p>➔ <i>Gv chốt cách giải được các bài toán thực tế liên quan đến các phép tính cộng, trừ</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>-HS thảo luận tìm hướng giải bài toán</p> <p>Đáp án B</p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>* Bài 3:</b> -1HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>Rô-bốt và những người bạn đi siêu thị mua đồ dùng cho chuyến du lịch sắp tới. Họ đã mua áo mưa giá 60 000 đồng, đèn pin giá 38 500 đồng. Sau đó, họ đi ăn gà rán hết 189 000 đồng. Khi đó quỹ còn lại 25 000 đồng. Tính số tiền quỹ ban đầu?</p> <p>- GV cho học sinh phân tích bài toán</p> <p>-Vậy nhóm bạn rô-bốt sẽ tính số tiền quỹ ban đầu bằng cách nào?</p> <p>-GV gọi 2 HS mang vở lên chiếu và so sánh kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>➔ <i>Gv chốt cách giải được các bài toán thực tế liên quan đến các phép tính cộng, trừ</i></p> | <p>-1HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>-HS tóm tắt bài toán</p> <p>Mua áo mưa: 60 000 đồng</p> <p>Đèn pin : 38 500 đồng</p> <p>ăn gà rán : 189 000 đồng</p> <p>Quỹ còn: 25 000 đồng</p> <p>Tổng tiền quỹ ban đầu:.....đồng?</p> <p>-HS trả lời: nhóm bạn sẽ tính tổng số tiền đã mua áo mưa + đèn pin + gà rán + số tiền còn thừa lại</p> <p>- 2 HS lên bảng chiếu bài</p> <p>Bài giải</p> <p>Số tiền nhóm bạn rô-bốt mua hết là:<br/> <math>60\,000 + 38\,500 + 189\,000 = 287\,500</math> (đồng)</p> <p>Số tiền quỹ ban đầu có là:<br/> <math>287\,500 + 25\,000 = 312\,500</math> (đồng)</p> <p>Đáp số: 312 500 đồng</p> <p>-HS đọc lại nội dung lời giải</p> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>* Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nêu</li> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>a) <math>27\ 800 + 130\ 550 + 22\ 200</math></li> <li>b) <math>153\ 000 + 45\ 000 + 47\ 000 + 55\ 000</math></li> <li>-GV gọi 2HS lên bảng làm bài.</li> </ul> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả:</p> <p><b>→ Gv chốt cách tính bằng cách thuận tiện nhất.</b></p>                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc yêu cầu</li> <li>-Hs đọc đề nêu cách làm</li> </ul> <p>-2HS lên bảng</p> <p>a) <math>27\ 800 + 130\ 550 + 22\ 200</math><br/> <math>= (27\ 800 + 22\ 200) + 130\ 550</math><br/> <math>= 50\ 000 + 130\ 550</math><br/> <math>= 180\ 550</math></p> <p>b) <math>153\ 000 + 45\ 000 + 47\ 000 + 55\ 000</math><br/> <math>= (153\ 000 + 47\ 000) + (45\ 000 + 55\ 000)</math><br/> <math>= 200\ 000 + 100\ 000</math><br/> <math>= 300\ 000</math></p> <p>-Hs chia sẻ cách làm</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>Cô có bài toán tình huống sau:<br/>         Một chiếc áo sơ mi giá 715 000 đồng, một chiếc quần giá thấp hơn chiếc áo sơ mi 130 000 đồng. Hỏi nếu mua bộ quần áo đó thì phải trả bao nhiêu tiền?</p> <p>-GV cho HS thảo luận nhóm 2 để tìm hướng giải.</p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng. Có HS tìm hướng giải khác.</p> <p>-GV chốt đáp án đúng. Liên hệ thực tế</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Tiết 2 tuần 17</p> | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thảo luận tìm hướng giải<br/>         Mua bộ quần áo đó hết số tiền là:<br/> <math>(715\ 000 - 130\ 000) + 715\ 000 = 1\ 300\ 000</math>(đồng)</p> <p>-HS nêu cách làm khác bạn</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS nghe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

**LUYỆN TOÁN**  
**TUẦN 17: ÔN TẬP HỌC KỲ I**  
**Tiết 02:– Trang 67**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù (ôn tập).
  - + Nhận biết được hình bình hành, hình thoi, cặp đoạn thẳng song song và cặp đoạn thẳng vuông góc (ôn tập).
  - + Dùng được thước đo góc, vẽ được hình thoi và góc trên giấy kẻ ô vuông. (bổ sung)

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

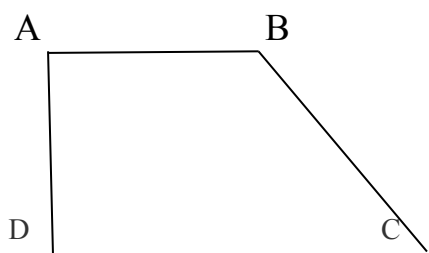
**2. Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù (ôn tập).</li> <li>+ Nhận biết được hình bình hành, hình thoi, cặp đoạn thẳng song song và cặp đoạn thẳng vuông góc (ôn tập).</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>+Dùng thước đo góc, vẽ được hình thoi và góc trên giấy kẻ ô vuông (bổ sung)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br/> <b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul> |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:</b></p> <p>Hai kim của đồng hồ nào dưới đây tạo thành góc nhọn?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;"> <p>A.</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>B.</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>C.</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>D.</p>  </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời. Gọi HS nhận xét bài bạn</li> <li>- GV nhận xét bài HS, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p><b>→ Gv chốt về góc nhọn.</b></p> | <p>-Học sinh đọc yêu cầu bài tập</p> <p>-HS quan sát và làm bài 1 cá nhân Đồng hồ D</p> <p>- Học sinh đổi vở bài và nhận xét câu trả lời của bạn</p>                                                    |

**\* Bài 2:** Cho hình tứ giác ABCD như hình vẽ sau:



- Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm:  
Dùng thước đo góc để đo các góc của hình tứ giác ABCD

-Góc đỉnh A; cạnh AB, AD có số đo là:  
...

-Góc đỉnh B; cạnh BA, BC có số đo là:  
...

-Góc đỉnh C; cạnh CB, CD có số đo là:  
...

-Góc đỉnh D; cạnh DC, DA có số đo là:  
...

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Hai góc của hình tứ giác ABCD có số đo bằng nhau là:.....

- Cho học sinh nhận xét  
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

➔ *Gv chốt cách tính giá trị biểu thức*

- HS đọc yêu cầu

- HS thực hiện làm bài

-HS lấy thước đo góc thực hành đo và điền vào chỗ chấm.

-Góc đỉnh A; cạnh AB, AD có số đo là:  
 $90^0$

-Góc đỉnh B; cạnh BA, BC có số đo là  
 $130^0$

-Góc đỉnh C; cạnh CB, CD có số đo là:  $50^0$

-Góc đỉnh D; cạnh DC, DA có số đo là:  $90^0$

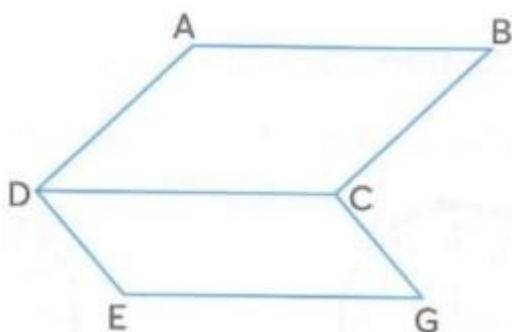
b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Hai góc của hình tứ giác ABCD có số đo bằng nhau là: đỉnh A và đỉnh D =  $90^0$

- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát

**\* Bài 3:** Cho hình bình hành ABCD và CDEG như hình vẽ sau:



- HS làm bài vào phiếu nhóm

- Lớp làm vở, đổi vở soát , nhận xét

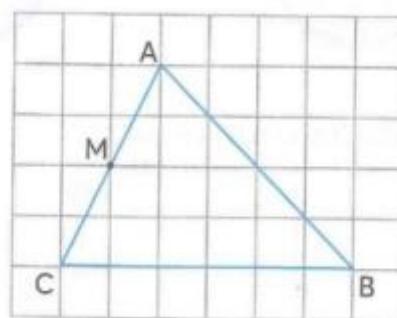


giác AMNP là hình bình hành.

Các cặp cạnh song song có trong hình bình hành AMNP là:...

- GV nhận xét, chốt kết quả:

➔ *Gv chốt dùng thước đo góc, vẽ được các đoạn thẳng vuông góc và tạo thành hình bình hành, nêu được tên các cặp cạnh song song với nhau có trong hình bình hành.*



-Các cặp cạnh song song có trong hình bình hành AMNP là: AM và NP; AP và MN

### 3. HĐ Vận dụng

-GV liên hệ với HS trong lớp học có những đồ vật nào có hình dạng là hình bình hành?

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau tiết 3 tuần 17

- HS tìm và trả lời

-HS chú ý

- HS nghe

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....  
 .....

## TOÁN

### TUẦN 17: ÔN TẬP HỌC KỲ I

Tiết 03:– Trang 69

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu (ôn tập).

+ Tính nhẩm được các phép cộng, phép trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu (ôn tập).

+ Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất (bổ sung).

- + Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù (ôn tập).
- + Dùng được thước đo góc, đo góc và viết được số đo theo yêu cầu bài tập.

## 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

## 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hoạt động của học sinh                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu (ôn tập).</li> <li>+ Tính nhẩm được các phép cộng, phép trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu (ôn tập).</li> <li>+ Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất (bổ sung).</li> <li>+ Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù (ôn tập).</li> <li>+Dùng được thước đo góc, đo góc và viết được số đo theo yêu cầu bài tập.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài.<br>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.                                                    |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>4 Vở luyện tập Toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Tính . VLT tr.69</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc yêu cầu bài tập.</li> </ul> <p>a) <math>2\ 651 + 3\ 429 =</math>      b) <math>12\ 468 + 9\ 526 =</math><br/> c) <math>12\ 875 - 4\ 539 =</math>      d) <math>23\ 000 - 1\ 500 =</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV gọi 4HS nối tiếp nêu kết quả phép tính</li> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm , khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul> <p><b>→ Gv chốt thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc yêu cầu bài tập</li> <li>-HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở.</li> <li>- Học sinh trả lời:</li> </ul> <p>a) <math>2\ 651 + 3\ 429 = 6\ 080</math><br/> b) <math>12\ 468 + 9\ 526 = 21\ 994</math><br/> c) <math>12\ 875 - 4\ 539 = 8\ 336</math><br/> d) <math>23\ 000 - 1\ 500 = 21\ 500</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nối tiếp trả lời</li> <li>- Học sinh nhận xét chữa bài</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. (VLT/69)</b></p> <p>a) Biểu thức nào dưới đây có giá trị bé nhất?</p> <p>A. <math>38\ 000 - 12\ 000 + 13\ 500</math><br/> B. <math>38\ 000 - 13\ 500 + 12\ 000</math><br/> C. <math>38\ 000 - (12\ 000 + 13\ 500)</math><br/> D. <math>38\ 000 - (13\ 500 - 12\ 000)</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>- HS nêu cách làm: để tìm được giá trị nhỏ nhất trong 4 biểu thức sau em phải thực hiện tính giá trị 4 biểu thức sau đó mới so sánh giá trị của 4 biểu thức.</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> </ul> <p>Biểu thức C có giá trị nhỏ nhất là:<br/> 12 500</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                               |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>→ Gv chốt thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi lớp triệu thực hiện dạng bài tính giá trị biểu thức</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>* Bài 3: VLT/69 :</b></p> <p>a) Đo rồi viết số đo góc thích hợp vào chỗ chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AB, AC có số đo là...</li> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AB, AH có số đo là...</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC có số đo là...</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC có số đo là...</li> </ul> <p>b) Viết “góc nhọn”, “góc tù”, “góc bẹt” vào chỗ chấm cho thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AB, AC là....</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC là...</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HA là....</li> </ul> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>→ Gv chốt dùng được thước đo góc, đo góc và viết được số đo theo yêu cầu bài tập</p> | <p>-HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài hai ý a, b</p> <p>a)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AB, AC có số đo là...</li> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AB, AH có số đo là...</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC có số đo là...</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC có số đo là...</li> </ul> <p>b)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc đỉnh A; cạnh AB, AC là....</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC là...</li> <li>- Góc đỉnh H; cạnh HB, HA là....</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nêu</li> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> </ul> <p>a) <math>3\,600 + 1\,610 + 990 + 400</math></p> <p>b) <math>1\,234 + 182 + 566 + 418</math></p> <p>-GV gọi 2HS lên bảng làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 hs nhận xét nêu cách làm</li> <li>- GV nhận xét, chốt kết quả:</li> </ul> <p>→ Gv chốt cách tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất.</p>                                                                                                                                                                                                          | <p>-Hs đọc đề nêu cách làm</p> <p>-2HS lên bảng</p> <p>a) <math>3\,600 + 1\,610 + 990 + 400</math><br/> <math>= (3\,600 + 400) + (1\,610 + 990)</math><br/> <math>= 4\,000 + 2\,600</math><br/> <math>= 6\,600</math></p> <p>b) <math>1\,234 + 182 + 566 + 418</math><br/> <math>= (1\,234 + 566) + (182 + 418)</math><br/> <math>= 1\,800 + 600</math><br/> <math>= 2\,400</math></p>                                                                                                                              |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chốt lại toàn bộ kiến thức buổi học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>- HS nghe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

Nhắc nhở HS còn lúng túng chưa hoàn thành bài tập.

- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau tuần 18 tiết 1

- HS nghe

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....  
 .....

## LUYỆN TẬP TOÁN

### TUẦN 18: ÔN TẬP ĐO LƯỜNG. ÔN TẬP CHUNG

#### TIẾT 1 – trang 70

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- Chuyển đổi được các số đo với các đơn vị đo khối lượng và một số đơn vị đo thời gian.
- Ghi nhớ và vận dụng được kiến thức đã học về hình vuông và hình chữ nhật để làm được những bài toán có liên quan.

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

##### 3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Trách nhiệm: Chủ động ghi nhớ kiến thức đã học để vận dụng làm bài.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Khởi động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nối tiếp nhau nêu các đơn vị đo khối lượng đã học.</li> <li>- Nêu quy tắc và công thức tính diện tích hình vuông và hình chữ nhật.</li> <li>- Nhận xét, tuyên dương và dẫn vào bài.</li> <li>- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tấn, tạ, yến, kg, hg, dag, g</li> <li>- Hình vuông: <math>S = a \times a</math></li> <li>- Hình chữ nhật: <math>S = a \times b</math></li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>+ Chuyển đổi được các số đo với các đơn vị đo khối lượng và một số đơn vị đo thời gian.</p> <p>+ Ghi nhớ và vận dụng được kiến thức đã học về hình vuông và hình chữ nhật để làm được những bài toán có liên quan.</p> <p><b>2. Luyện tập thực hành:</b></p> <p><b>* Bài tập 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu bài</li> <li>- Em có nhận xét gì về các đơn vị đo trong bài.</li> <li>- Nêu mối quan hệ của các đơn vị đo khối lượng.</li> <li>- Yêu cầu HS làm bài vào vở</li> <li>- Cho HS đổi chéo vở kiểm tra bài cho nhau</li> <li>- Gọi HS chia sẻ bài trước lớp</li> <li>- Cho HS hỏi – đáp chất vấn nhau về nội dung bài làm</li> <li>- GV cùng HS nhận xét và bổ sung hoặc chữa bài.</li> <li>- Bài tập 1 giúp củng cố kiến thức gì?</li> <li>- Gv kết luận</li> </ul> <p><b>* Bài tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc thầm bài tập. Nêu yêu cầu của bài tập.</li> <li>- Cho HS nối tiếp nhau nêu đáp án và nêu cách đổi, nhận xét bổ sung bài cho nhau</li> <li>- Gv chốt ý kiến đúng bằng bài tập đúng trên màn hình</li> </ul> <p><b>* Bài tập 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 2 – 3 HS đọc đề bài</li> <li>- Em hiểu như thế nào về đề bài này?</li> <li>- Cho HS thảo luận nhóm đôi để tìm ra cách làm bài, sau đó làm bài vào vở</li> <li>- Gọi 1 HS lên bảng làm sau đó chia sẻ bài trước lớp</li> <li>- Yêu cầu cả lớp nhận xét, đưa ra câu hỏi chất vấn bạn.</li> <li>- Gv kết luận</li> <li>- Em có nhận xét gì về bài tập 3?</li> <li>- Gv nêu cái hay của bài tập 3</li> </ul> <p><b>* Bài tập 4:</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị đo khối lượng</li> <li>- Hai đơn vị đo khối lượng liên kế gấp, kém nhau 10 lần</li> </ul> <p>a) <math>2 \text{ yến} = 20 \text{ kg}</math><br/> <math>3 \text{ tấn } 2 \text{ tạ} = 3200 \text{ kg}</math><br/> <math>3 \text{ tấn} = 3000 \text{ kg}</math><br/> <math>5 \text{ tạ } 20 \text{ kg} = 520 \text{ kg}</math><br/> <math>4 \text{ tạ} = 400 \text{ kg}</math><br/> <math>8 \text{ tấn } 14 \text{ kg} = 8014 \text{ kg}</math></p> <p>b) <math>150 \text{ tấn} \times 2 = 300 \text{ tấn}</math><br/> <math>55 \text{ tạ} + 45 \text{ tạ} = 100 \text{ tạ}</math><br/> <math>60 \text{ yến} : 6 = 10 \text{ yến}</math></p><br><p><math>1 \text{ thế kỉ} = 100 \text{ năm} \quad \text{Đ}</math><br/> <math>1 \text{ phút} = 24 \text{ giây} \quad \text{S}</math><br/> <math>1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 90 \text{ giây} \quad \text{Đ}</math><br/> <math>5 \text{ phút} = 3000 \text{ giây} \quad \text{S}</math></p><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS đọc</li> <li>- Nêu theo ý hiểu</li> <li>- Thảo luận nhóm đôi tìm cách làm</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài làm</p> <p style="text-align: center;">Diện tích mảnh đất là:</p> <p style="text-align: center;"><math>8 \times 8 = 64 \text{ (m}^2\text{)}</math></p> <p style="text-align: center;">Diện tích đất để trồng dưa hấu là:</p> <p style="text-align: center;"><math>64 : 2 = 32 \text{ (m}^2\text{)}</math></p> <p style="text-align: center;">Đáp số: <math>32 \text{ (m}^2\text{)}</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nhận xét của mình</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát hình</li> </ul> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chiếu hình lên màn hình, yêu cầu HS quan sát và đọc yêu cầu bài.</li> <li>- Cho HS thảo luận nhóm 4 để tìm cách chia tách hình thành các hình nhỏ và tìm cách tính diện tích hình lớn.</li> <li>- Gọi các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.</li> <li>- Cho HS chọn cách làm hay nhất và nhanh nhất.</li> <li>- Gv chốt kết luận</li> </ul> <p><b>3. Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv đưa ra tình huống:</li> </ul> <p>+ Khoảng thời gian từ 8 giờ 10 phút đến 11 giờ kém 20 phút là bao nhiêu phút?</p> <p>A. 150 phút<br/>B. 120 phút<br/>C. 190 phút<br/>D. 140 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu đáp án đúng</li> <li>- Gv nhận xét tuyên dương</li> <li>- Tổng kết tiết học - dặn HS về nhà chuẩn bị tiết 2 - trang 71</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm 4 để tìm cách tính</li> <li>- Các nhóm chia sẻ kết quả</li> </ul> <p>+ Diện tích cả mảnh đất đó là: <math>64 \text{ cm}^2</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu cách làm hay</li> </ul> <p>- Đáp án A</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

### LUYỆN TẬP TOÁN

#### Tuần 18 – Tiết 2

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
  - + Thực hiện đặt tính rồi tính 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên.
  - + Thực hiện giải toán có lời văn liên quan tới một số hình học đã học (ôn tập).

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

##### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho Hs hát</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4 Vở luyện tập Toán.</li> <li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 4 phút.</li> <li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li> <li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li> <li>-Hs làm bài</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> <li>* <b>Bài 1: Đặt tính rồi tính</b></li> <li>- 4 HS lên bảng làm bài.</li> </ul> $\begin{array}{r} 25\ 360 + 54\ 725 \\ 1\ 820 \times 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 172\ 098 - 35\ 039 \\ 6\ 405 : 6 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> </ul>                                                                      | <p>Học sinh làm bài vào sách luyện tập toán</p> $\begin{array}{r} 25\ 360 \\ + \\ \hline 54\ 725 \\ \hline 80\ 085 \end{array} \quad \begin{array}{r} 172\ 098 \\ - \\ \hline 35\ 039 \\ \hline 137\ 059 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1\ 820 \\ \times \\ \hline 3 \\ \hline 5\ 460 \end{array}$ $\begin{array}{r} 6\ 405 \\ 04 \\ 40 \\ 45 \\ 3 \\ \hline 1\ 067 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.</li> </ul> |

→ Gv chốt cách đặt tính và thực hiện các phép tính

\* **Bài 2:** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Bác Hải đã đi xe máy từ Hà Nội vào Sài Gòn. Biết quãng đường từ Hà Nội đến Vinh (Nghệ An) là 280km, từ Vinh đến Đà Nẵng là 510km và từ Đà Nẵng đến Sài Gòn là 898km. Độ dài quãng đường mà bác Hải đi là:

A. 1588 km      B. 1 598 km

C. 1 688 km      D. 1698 km

- HS đọc đề bài và phân tích đề bài

- Tổ chức cho HS chia sẻ bài làm

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt cách vận dụng phép cộng nhiều chữ số trong giải toán có lời văn

- HS đọc đề và làm bài cá nhân.

- 1Hs chia sẻ bài làm

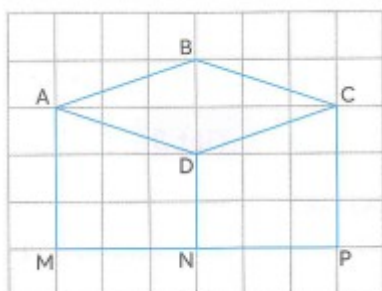
+ **Chọn đáp án C**

- HS khác vấn đáp bài làm của bạn

- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát

\* **Bài 3:** Đúng ghi Đ, sai ghi S



Trong hình vẽ bên:

a) ABCD là hình thoi ☐

b) ADMN là hình bình hành ☐

c) Đoạn thẳng DN vuông góc với đoạn thẳng DC ☐

d) Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AM ☐

-HS đọc đề bài

-Yêu cầu 4 học sinh nối tiếp thực hiện

- HS đọc đề, làm bài cá nhân

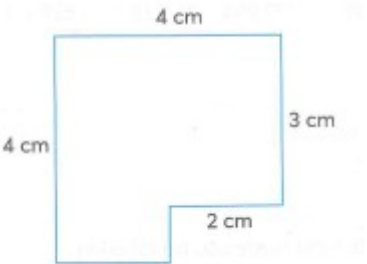
- 4 HS nối tiếp thực hiện, mỗi học sinh làm một phần.

a) ABCD là hình thoi **Đ**

b) ADMN là hình bình hành **S**

c) Đoạn thẳng DN vuông góc với đoạn thẳng DC **S**

d) Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AM **Đ**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>-GV nhận xét, tuyên dương học sinh làm bài tốt.</p> <p>-Yêu cầu học sinh nhắc lại một số kiến thức có liên quan tới nội dung hình học xuất hiện trong bài toán.</p> <p>→ <i>Gv chốt cách xác định đoạn thẳng song song, vuông góc, hình thoi và hình bình hành</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>-HS khác nhận xét bài làm của bạn</p> <p>-HS nhắc lại tính chất hình bình hành...</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>* Bài 4.</b> Nam có một thanh sô-cô-la hình vuông cạnh 4cm. Nam đã ăn một miếng và phần sô-cô-la còn lại như hình vẽ dưới đây. Tính diện tích phần sô-cô-la Nam đã ăn.</p>  <p>- Yêu cầu HS đọc kĩ đề và quan sát hình vẽ</p> <p>- GV tổ chức cho học sinh phân tích đề bài.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh chia sẻ bài làm</p> <p>- GV chốt bài làm đúng, giới thiệu thêm cách giải khác (nếu cần)</p> <p>→ <i>Gv chốt cách tính diện tích của một số hình học đã học</i></p> | <p>- HS đọc đề, quan sát hình vẽ</p> <p>- HS phân tích đề, đưa ra hướng giải</p> <p>- HS làm bài cá nhân vào vở luyện tập toán</p> <p>-1HS lên bảng làm bài</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chiều rộng thanh sô-cô-la Nam đã ăn là:</p> $4 - 3 = 1 \text{ (cm)}$ <p>Diện tích phần sô-cô-la Nam đã ăn là:</p> $2 \times 1 = 2 \text{ (cm}^2\text{)}$ <p style="text-align: center;">Đáp số: 2 cm<sup>2</sup></p> <p>- HS khác nhận xét, đưa ra cách làm khác (nếu có)</p> |
| <p><b>3. HĐ Vận dụng</b></p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài, làm các bài tập cùng dạng và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 18</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS nghe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
  - + Thực hiện tính giá trị biểu thức.
  - + Thực hiện đổi các đại lượng đã học về khối lượng, đơn vị đo độ dài.
  - + Thực hiện giải toán có lời văn liên quan tới một số hình học đã học (ôn tập).

### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở luyện tập toán, bút, thước

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. HĐ Khởi động</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV tổ chức cho Hs hát</li><li>- GV dẫn dắt vào bài mới</li><li>- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện</li><li>- HS lắng nghe</li></ul>                                                                                                              |
| <b>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</b><br><b>Hoạt động 1:</b> GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 Vở luyện tập Toán.</li><li>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4 Vở luyện tập Toán.</li><li>- GV cho Hs làm bài trong vòng 5 phút.</li><li>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</li><li>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</li><li>-Hs làm bài</li><li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</li></ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Hoạt động 2:</b> Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</li> </ul> <p><b>* Bài 1: Tính giá trị biểu thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng làm bài.</li> </ul> <p>a, <math>5700 - 1700 \times 2</math><br/>b, <math>2412 : 6 : 2</math></p><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</li> <li>- GV lưu ý thứ tự thực hiện phép tính.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách thực hiện tính giá trị biểu thức</i></p>                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh làm bài vào sách luyện tập toán:</li> </ul> <p><b>a. <math>5700 - 1700 \times 2</math></b><br/> <math>= 5700 - 3400</math><br/> <math>= 2300</math></p> <p><b>b. <math>2412 : 6 : 2</math></b><br/> <math>= 402 : 2</math><br/> <math>= 201</math></p><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.</li> </ul> |
| <p><b>* Bài 2:</b> Một con cá voi lưng gù nặng 25 098kg</p> <p>a) Bằng cách làm tròn số đến hàng nghìn, ta có thể nói con cá voi lưng gù đó nặng khoảng:</p> <p>A. 30 000 kg                      B. 26 000 kg<br/>C. 25 000 kg                      D. 24 000 kg</p> <p>b) Nếu làm tròn đến số hàng chục nghìn thì ta nói con cá voi lưng gù đó nặng khoảng:</p> <p>A. 30 000 kg                      B. 25 000 kg<br/>C. 24 000 kg                      D. 20 000 kg</p><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS chia sẻ bài làm</li> <li>- Cho học sinh nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</li> </ul> <p>→ <i>Gv chốt cách làm tròn đến hàng nghìn, hàng chục nghìn</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề và làm bài cá nhân.</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- 1Hs chia sẻ bài làm</li> <li>+ a. Chọn đáp án D</li> <li>+ b. Chọn đáp án A</li> <li>- HS khác vấn đáp bài làm của bạn</li> <li>- HS thực hiện làm bài</li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lắng nghe, quan sát</li> </ul>                                               |
| <p><b>* Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ trống</b></p> <p>a. <math>5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\text{cm}^2</math><br/> <math>500 \text{ cm}^2 = \dots\dots\text{dm}^2</math></p> <p>b. <math>6 \text{ m}^2 = \dots\dots\text{dm}^2</math><br/> <math>600 \text{ dm}^2 = \dots\dots\text{m}^2</math></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>c. <math>8\text{m}^2\ 4\text{dm}^2 = \dots\dots\text{dm}^2</math><br/> <math>3\text{dm}^2\ 50\text{cm}^2 = \dots\dots\text{cm}^2</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài</li> <li>- Yêu cầu 6 học sinh nối tiếp thực hiện</li> </ul> <p>- GV nhận xét, tuyên dương học sinh làm bài tốt.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nhắc lại một số kiến thức có liên quan tới nội dung trong bài toán.</p> <p>→ <i>Gv chốt cách đổi đơn vị đo diện tích</i></p>                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề, làm bài cá nhân</li> <li>- 6 HS nối tiếp thực hiện, mỗi học sinh làm một phần.</li> <li>a. <math>5\text{ dm}^2 = \textcolor{red}{500}\text{ cm}^2</math><br/> <math>500\text{ cm}^2 = \textcolor{red}{5}\text{ dm}^2</math></li> <li>b. <math>6\text{ m}^2 = \textcolor{red}{600}.\text{dm}^2</math><br/> <math>600\text{ dm}^2 = \textcolor{red}{6}\text{ m}^2</math></li> <li>c. <math>8\text{m}^2\ 4\text{dm}^2 = \textcolor{red}{804}\text{ dm}^2</math><br/> <math>3\text{dm}^2\ 50\text{cm}^2 = \textcolor{red}{350}\text{ cm}^2</math></li> </ul> <p>-HS khác nhận xét bài làm của bạn</p> <p>- Hs nhắc lại</p>                                                                                                                     |
| <p><b>*Bài 4.</b> Hiện nay tổng số tuổi của bố và con là 52 tuổi. Biết rằng khi con 1 tuổi thì bố 29 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc kĩ đề và nhận diện dạng toán</li> <li>- GV tổ chức cho học sinh phân tích đề bài.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh chia sẻ bài làm</li> </ul> <p>- GV chốt bài làm đúng, giới thiệu thêm cách giải khác (nếu cần)</p> <p>→ <i>Gv chốt cách nhận biết và giải dạng toán tìm hai số khi biết tổng – hiệu</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề</li> <li>- HS phân tích đề, đưa ra hướng giải</li> <li>- HS làm bài cá nhân vào vở luyện tập toán</li> <li>- 1 HS lên bảng làm bài</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Vì hiệu số tuổi của hai bố con sẽ không thay đổi theo mốc thời gian. Nên hiệu số tuổi của hai bố con vẫn là 28 tuổi.</p> <p style="padding-left: 40px;">Hiện nay bố có số tuổi là:</p> <p style="padding-left: 80px;"><math>(52 + 28) : 2 = 40</math> (tuổi)</p> <p style="padding-left: 40px;">Hiện nay Kiên có số tuổi là:</p> <p style="padding-left: 80px;"><math>52 - 40 = 12</math> (tuổi)</p> <p style="padding-left: 80px;">Đáp số: bố 40 tuổi;<br/> Kiên 12 tuổi.</p> <p>- HS khác nhận xét, đưa ra cách làm khác (nếu có)</p> |
| <p><b>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</b></p> <p>.....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

